

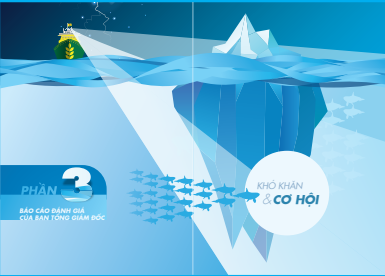


# VỮNG TIN VƯỢT SÓNG

**NĂM**  
HÀNH TRÌNH  
VƯỢT SÓNG...



# MỤC LỤC



## 01 THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

|                                                          |    |
|----------------------------------------------------------|----|
| Thông điệp của lãnh đạo công ty.....                     | 8  |
| Quá trình hình thành và phát triển.....                  | 14 |
| Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động .....         | 16 |
| Cơ cấu và Sơ đồ tổ chức .....                            | 18 |
| Giới thiệu bộ máy lãnh đạo HĐQT, Ban TGD, BKS, KTT ..... | 22 |
| Các mục tiêu chiến lược.....                             | 30 |
| Các rủi ro và biện pháp phòng ngừa .....                 | 32 |

## 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

|                                                                          |    |
|--------------------------------------------------------------------------|----|
| Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....                             | 38 |
| Công tác tổ chức và nhân sự.....                                         | 40 |
| Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....                               | 46 |
| Tình hình tài chính, Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu..... | 48 |
| Báo cáo tác động môi trường, xã hội .....                                | 50 |

## 03 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

|                                                        |    |
|--------------------------------------------------------|----|
| Đánh giá kết quả hoạt động của năm 2018 .....          | 54 |
| Các chỉ số tài chính tiêu biểu 2018.....               | 64 |
| Phân tích kết quả HĐSXKD 2018.....                     | 66 |
| Tình hình thị trường và kế hoạch trong tương lai ..... | 68 |

## 04 BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

|                                                                       |     |
|-----------------------------------------------------------------------|-----|
| Đánh giá công tác quản trị về các mặt hoạt động của công ty 2018..... | 80  |
| Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc.....                      | 84  |
| Các kế hoạch, định hướng của HĐQT .....                               | 85  |
| Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.....                          | 86  |
| Báo cáo của Ban Kiểm Soát .....                                       | 94  |
| Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS .....  | 100 |

## 05 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

|                                                                  |     |
|------------------------------------------------------------------|-----|
| Cam kết bền vững .....                                           | 104 |
| Báo cáo công tác an sinh xã hội, trách nhiệm với cộng đồng ..... | 116 |
| Báo cáo tác động môi trường, kinh tế.....                        | 118 |
| Báo cáo chính sách đối với người lao động .....                  | 130 |

## 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT

|                                               |     |
|-----------------------------------------------|-----|
| Báo cáo kết quả kiểm toán .....               | 139 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất.....            | 143 |
| Các chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán       |     |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất |     |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ                    |     |

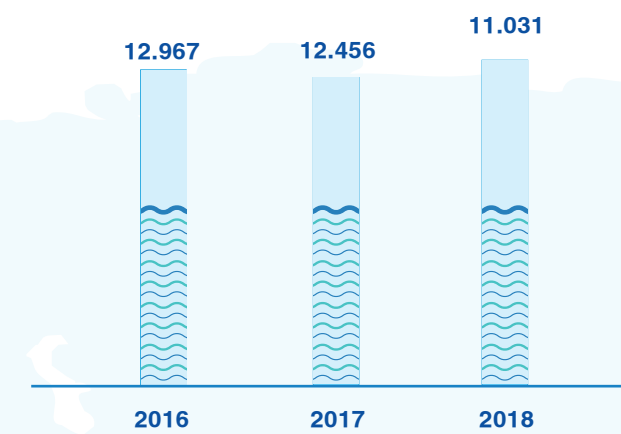
# Các chỉ tiêu TÀI CHÍNH NỔI BẬT

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

| Chỉ tiêu (ĐVT: Tỷ đồng)     | 12/31/2017    | 12/31/2018    | Tỷ lệ tăng (giảm) |
|-----------------------------|---------------|---------------|-------------------|
| <b>Tổng tài sản</b>         | <b>12.456</b> | <b>11.031</b> | <b>-11%</b>       |
| Tài sản ngắn hạn            | 4.839         | 4.318         | -11%              |
| Tài sản dài hạn             | 7.617         | 6.712         | -12%              |
| <b>Tổng nguồn vốn</b>       | <b>12.456</b> | <b>11.031</b> | <b>-11%</b>       |
| Nợ phải trả                 | 6.303         | 4.762         | -24%              |
| Vốn chủ sở hữu              | 6.153         | 6.269         | 2%                |
| Vốn điều lệ                 | 5.294         | 5.294         | 0%                |
| <b>Tổng doanh thu</b>       | <b>5.920</b>  | <b>6.880</b>  | <b>16%</b>        |
| <b>Tổng chi phí</b>         | <b>5.278</b>  | <b>6.221</b>  | <b>18%</b>        |
| Lãi vay                     | 183           | 142           | -22%              |
| EBIT                        | 862           | 848           | -2%               |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b> | <b>679,3</b>  | <b>706,2</b>  | <b>4%</b>         |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>   | <b>641,4</b>  | <b>659,06</b> | <b>3%</b>         |
| LNST cổ đông thiểu số       | 3,50          | 2,91          | -17%              |
| LNST Công ty mẹ             | 638           | 656           | 3%                |

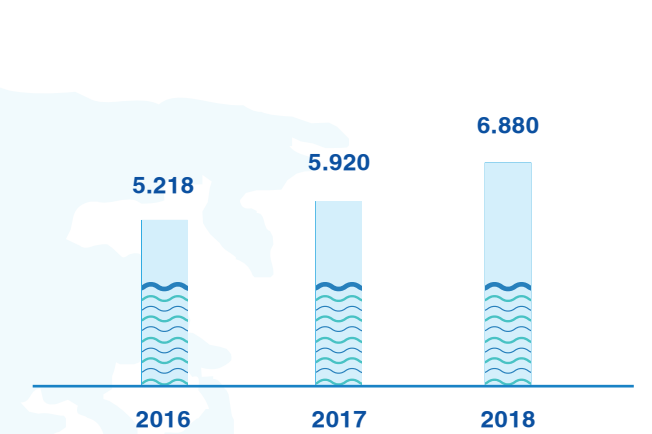
## TỔNG TÀI SẢN

tỷ đồng



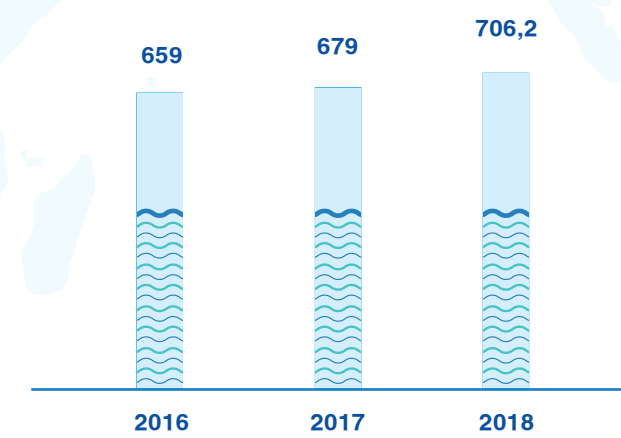
## TỔNG DOANH THU

tỷ đồng



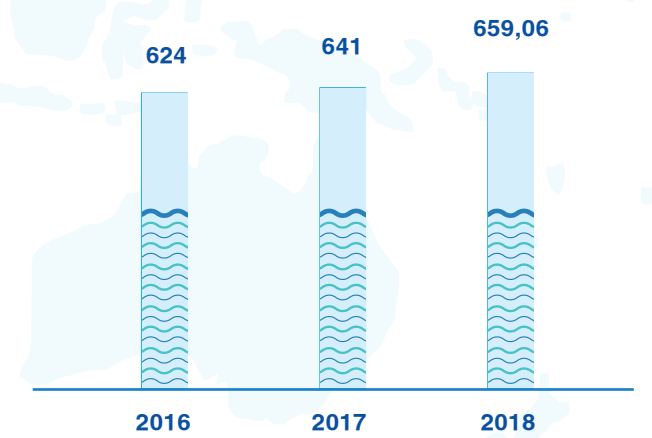
## LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

tỷ đồng

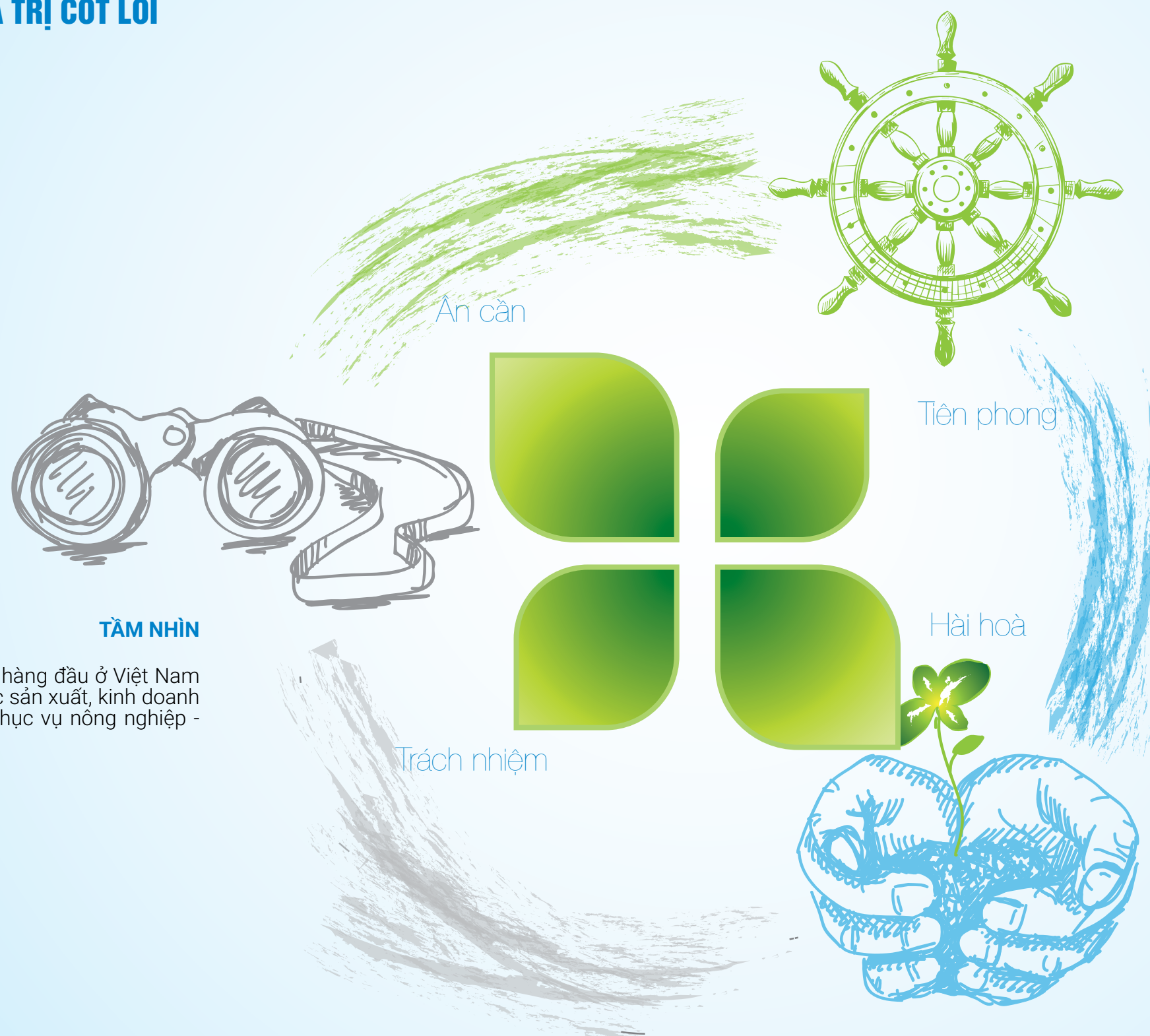


## LỢI NHUẬN SAU THUẾ

tỷ đồng



Tầm Nhìn

**SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI****TẦM NHÌN**

An cần

Tiên phong

Hài hoà

Trách nhiệm

**SỨ MỆNH**

Là nhà sản xuất, kinh doanh phân bón trên nền tảng công nghiệp hóa dầu phục vụ nông nghiệp, cung cấp các giải pháp về dinh dưỡng cho cây trồng, góp phần thay đổi nền nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, thân thiện môi trường, bảo đảm lợi ích hài hòa cho chủ sở hữu, khách hàng, người lao động và doanh nghiệp.

**GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

Phát triển sản xuất - đầu tư kinh doanh bền vững, có chọn lọc, đảm bảo hiệu quả. Đảm bảo chữ tín đối với khách hàng, là địa chỉ tin cậy của nhà nông. Đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, đáp ứng đời sống cho người lao động.

Tích cực hưởng ứng và tham gia công tác an sinh xã hội, luôn gắn bó mật thiết với nông dân.

An cần – Trách nhiệm – Tiên phong – Hài hoà



## Thông điệp CỦA BAN LÃNH ĐẠO



“ Từ phát huy chất xám nội bộ cho đến bắt tay phối hợp với các đối tác chiến lược trong, ngoài nước, Đạm Cà Mau đã và đang mở ra cơ hội hợp tác sản xuất, kinh doanh các mặt hàng sản phẩm theo hướng hữu cơ, phù hợp với xu hướng nông nghiệp bền vững mà Quốc gia và quốc tế theo đuổi. ”

Kính gửi: Quý cổ đông, Nhà đầu tư và quý khách hàng

**T**rong suốt 8 năm hình thành và phát triển, PVCFC - Đạm Cà Mau đã trải qua không ít khó khăn và thách thức tưởng chừng như không thể vượt qua. Tuy nhiên, với định hướng đúng đắn trong chiến lược sản xuất kinh doanh, chính sách quản trị và sự nỗ lực, đồng lòng chung sức của tập thể CBCNV, PVCFC đã trưởng thành hơn và tiếp tục gặt hái được những bước tiến mới trong năm 2018.

Năm bản lề 2018 đã khép lại với những kết quả khả quan, viết tiếp vào những thành tích đáng tự hào, điểm thêm cho truyền thống tốt đẹp của công ty, để tập thể Đạm Cà Mau vững tin sẽ vượt qua mọi khó khăn thách thức khi bước sang một giai đoạn mới. Tiếp nối thành tích 7 năm liền hoàn thành chỉ tiêu sớm hơn kế hoạch, trên đà thuận lợi, với nỗ lực bứt phá đưa các chỉ tiêu chính yếu tăng trưởng hơn nữa, sản lượng sản xuất của Đạm Cà Mau đạt trên 815 nghìn tấn Urê quy đổi, đạt 108% so với kế hoạch năm 2018, các chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ đạt 944 nghìn tấn, doanh thu đạt 6.879 tỷ đồng, lợi nhuận 650.40 tỷ đồng. Thành quả này có được bởi trạng thái sản xuất ổn định, an toàn, công suất từ đảm bảo cho đến vượt công suất thiết kế của Nhà máy Đạm Cà Mau. Song song với đó là hoạt động kinh doanh được đẩy mạnh thông qua việc tiếp tục tìm kiếm bổ sung các nguồn hàng nhằm đa dạng hóa sản phẩm có chất lượng, phù hợp với nhu cầu hệ thống phân phối góp phần tạo mốc doanh thu kỷ lục kể từ khi hình thành. Với mục tiêu hướng tới phát triển bền vững và giữ vững “Thương hiệu phân bón được bà con nông dân yêu thích nhất” tại Việt Nam và khu vực, PVCFC luôn nỗ lực hết mình để mang lại sự hài lòng cao nhất cho khách hàng và đối tác, cũng như tích cực đóng góp cho nền kinh tế, cộng đồng và xã hội bằng những việc làm thiết thực như hoạt động xây trường học, xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ người nghèo, quỹ học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn... Trong năm 2018, Công ty đã đạt được những danh hiệu nổi bật như: Sao Vàng Đất Việt, Thương hiệu Quốc gia, Bông lúa Vàng, TOP 10 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2017, Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động cùng một số giải thưởng, chứng nhận khác.

Không chỉ là một doanh nghiệp được khách hàng tin yêu, trong nội bộ công ty, văn hóa doanh nghiệp cũng được thể hiện rõ nét với phương châm “Chúng tôi không có vấn đề, chúng tôi chỉ có giải pháp”. Phương châm này thường được lãnh đạo công ty nhắc nhở trong mỗi cuộc họp, mỗi buổi thảo luận. Nó trở nên quen thuộc trong cách hành xử giữa Đạm Cà Mau với các đối tác. Để có được cách hành xử hiệu quả đó là cả một quá trình xây dựng, phát động phong trào, rèn luyện thói quen và lan tỏa rộng khắp. Đạm Cà Mau đang kiến tạo văn hóa doanh nghiệp bằng những hành xử nhất quán theo thời gian, xuất phát từ nhận thức và nhân sinh quan bên trong của mỗi CBCNV.

## Thông điệp CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Năm 2019, trong bối cảnh khó khăn thách thức trên tất cả các phương diện, Đạm Cà Mau bằng thành tích đã đạt được trong chặng đường 8 năm qua sẽ là động lực to lớn để tập thể Đạm Cà Mau quyết tâm cao độ, vững tin “vượt sóng” hướng về tương lai phía trước với những bước đi chiến lược nghiêm túc và các giải pháp ứng phó phù hợp đã vạch ra sẵn trên cơ sở nhìn nhận rõ về những thuận lợi, khó khăn, thời cơ, thách thức sẽ tác động đến sự phát triển của mình. Đạm Cà Mau đặt mục tiêu hoàn thành tốt các kế hoạch đề ra, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động. Với sứ mệnh xây dựng hình ảnh PVCFC uy tín và chuyên nghiệp, gần gũi với bà con nông dân, chúng tôi xác định việc tuân thủ triệt để cam kết với khách hàng và xã hội luôn là phương châm cốt lõi trong hoạt động của Công ty.

Năm 2019 cũng là năm tiền đề để công ty tái cơ cấu và thực thi chiến lược mới với 4 nhóm giải pháp trong đó vẫn tiếp tục hành trình trở thành một đơn vị có hệ thống quản trị tốt nhất Tập đoàn, Ban lãnh đạo công ty đi đầu trong công tác đổi mới, quản lý bộ máy tinh gọn, ứng dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 trên chặng đường chinh phục những mục tiêu mới. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển nhằm đa dạng hoá bộ sản phẩm, chú trọng những sản phẩm mới phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội xanh hóa; đáp ứng được nhu cầu của từng thị trường, từng nhóm cây trồng, từng vùng thổ

nhưỡng để cùng với khách hàng bền vững lợi ích, cùng đi với nhau trên chặng đường dài. Đạm Cà Mau sẽ không ngừng đổi mới, sáng tạo, chủ động hội nhập quốc tế, sản xuất ra nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp của đất nước.

Để thực hiện thành công sứ mệnh của mình, PVCFC tập trung phát huy lợi thế năng lực tài chính, quản trị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, liên kết sức mạnh trong sản xuất, ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử và tự động hóa, cơ khí hiện đại nhất phục vụ nông nghiệp tối ưu và công nghệ chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp. PVCFC cũng coi trọng hợp tác, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp, các chuyên gia trong và ngoài nước nhằm không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, gia tăng giá trị và hiệu quả sản xuất kinh doanh của mình và các đối tác. Ban lãnh đạo PVCFC cùng toàn thể hơn 900 CBCNV sẽ quyết tâm vượt qua những khó khăn, thử thách, nắm bắt cơ hội để phát triển cả về quy mô, chất lượng, hiệu quả; xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của các cơ quan quản lý, của các cổ đông, các nhà đầu tư, đại lý, đối tác và của hàng triệu bà con nông dân; từng bước hiện thực hóa mục tiêu chiến lược của PVCFC là trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực kinh doanh phân bón hóa chất phục vụ nông nghiệp – công nghiệp dầu khí.



**VĂN TIẾN THANH**  
Tổng Giám đốc



**TRẦN NGỌC NGUYÊN**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

## Giới thiệu TỔNG QUAN CÔNG TY

Mã niêm yết: **DCM**

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

Tên tiếng Anh: **PETROVIETNAM CA MAU FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **PVCFC**

Vốn điều lệ: **5.294.000.000.000 đồng**

Giấy chứng nhận ĐKDN số: **2001012298**

### Trụ sở chính

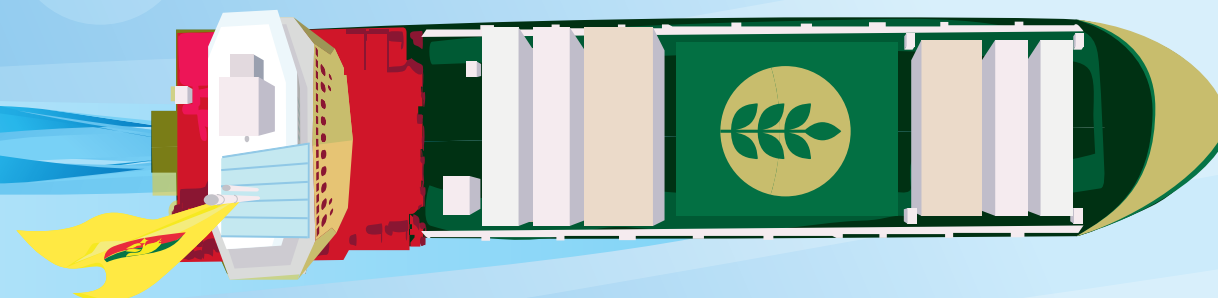
-  Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
-  Điện thoại : (84 - 290) 3.819.000
-  Fax : (84 - 290) 3.590.501
-  Website: [www.pvcfc.com.vn](http://www.pvcfc.com.vn)
-  [www.facebook.com/phanbondamcamau](https://www.facebook.com/phanbondamcamau)



**HÀNH  
TRÌNH**  
ĐÃ QUA

**PHẦN 1**

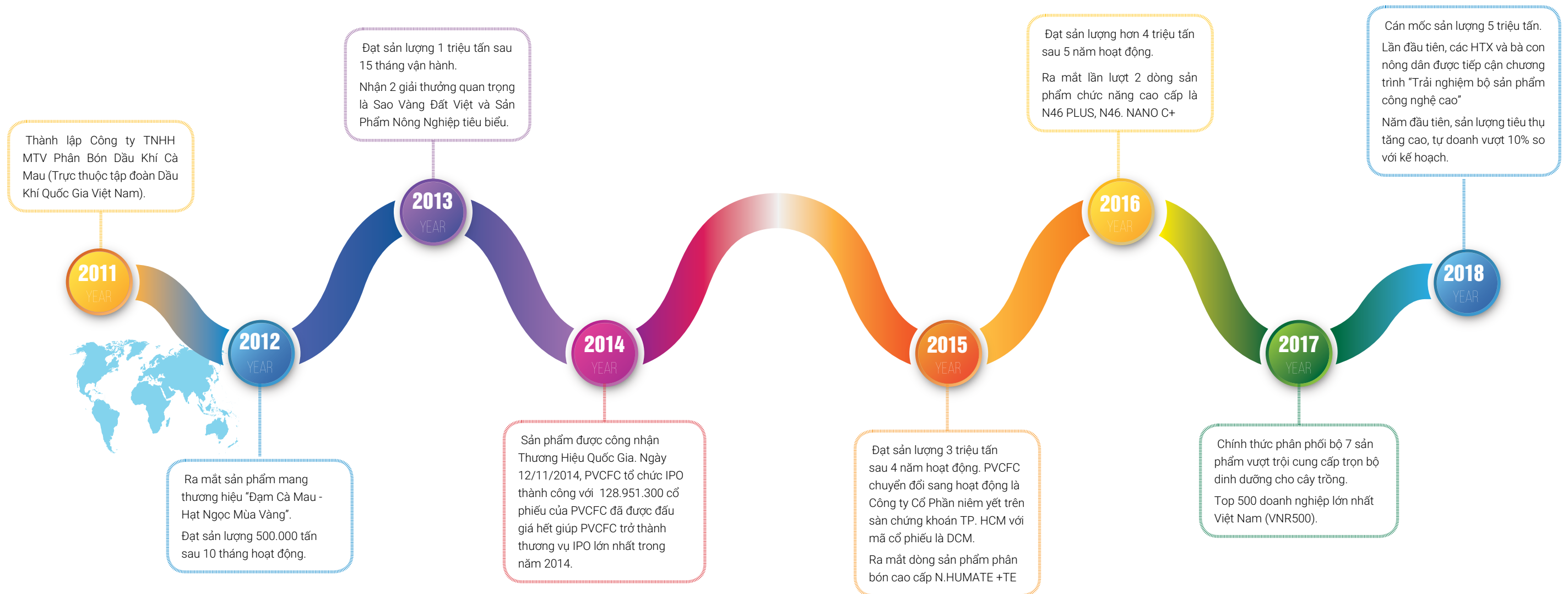
THÔNG TIN  
DOANH NGHIỆP



## Quá trình HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### NĂM 2008

Nhà máy chính thức được khởi công xây dựng.  
900 triệu USD tổng vốn đầu tư ban đầu.





Ngành nghề  
**KINH DOANH CHÍNH**



SẢN XUẤT PHÂN BÓN, HỢP CHẤT  
NI TƠ VÀ HÓA CHẤT CƠ BẢN  
SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG MÁY  
MÓC THIẾT BỊ



BUÔN BÁN PHÂN BÓN, HÓA CHẤT SỬ  
DỤNG TRONG CÔNG - NÔNG NGHIỆP  
BÁN LẺ PHÂN BÓN, HÓA CHẤT SỬ DỤNG  
TRONG CÔNG - NÔNG NGHIỆP  
KHO BÃI, LƯU GIỮ VÀ BỐC XẾP  
HÀNG HÓA



HOẠT ĐỘNG KIẾN TRÚC VÀ  
TƯ VẤN KỸ THUẬT SỬ DỤNG  
PHÂN BÓN VÀ  
HÓA CHẤT

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN  
THỰC NGHIỆM KHOA HỌC TỰ  
NHIÊN VÀ KỸ THUẬT, KIỂM  
TRA VÀ PHÂN TÍCH  
KỸ THUẬT





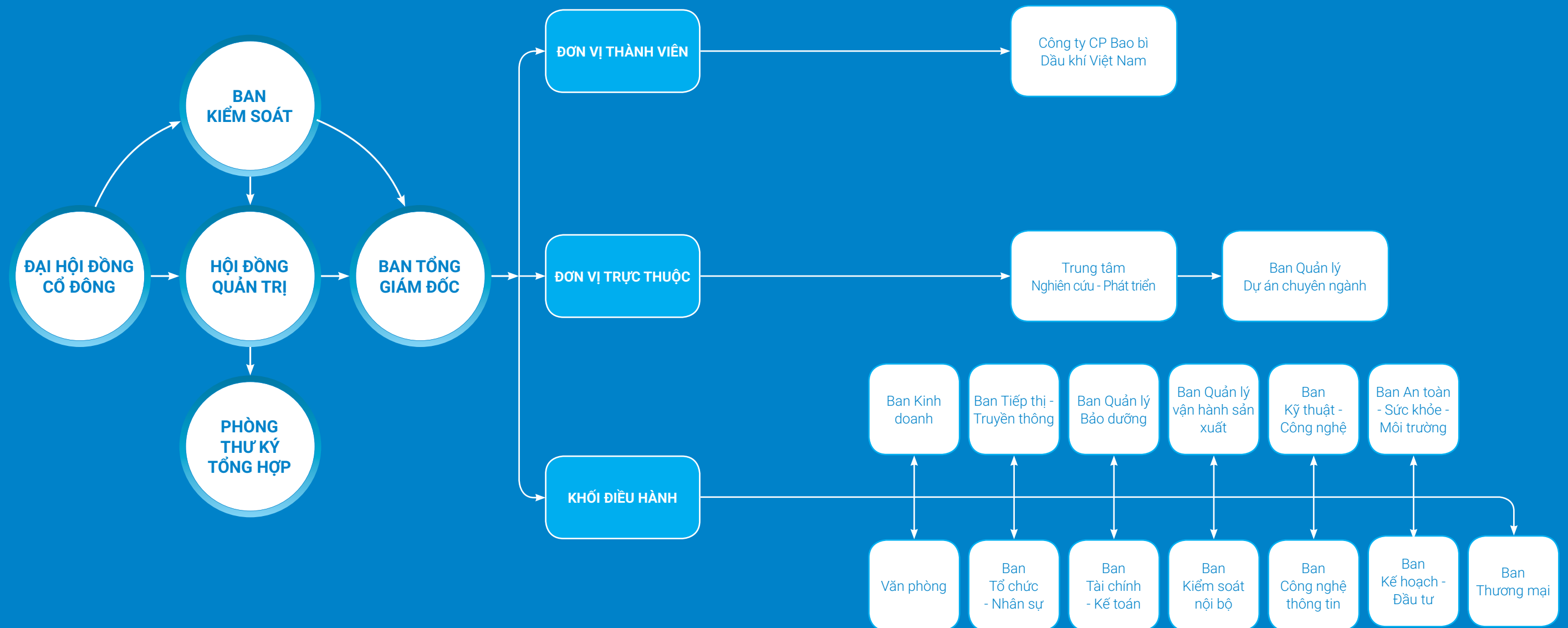
## CƠ CẤU TỔ CHỨC

### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty áp dụng mô hình quản trị theo điểm a, khoản 1, điều 134 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Gồm có ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc và hiện không thành lập các tiểu ban giúp việc trực thuộc HĐQT.



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



## Giới thiệu HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Ông **TRẦN NGỌC NGUYỄN**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- » Năm sinh: 1977
- » Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ dầu mỏ và động cơ.
- » Quá trình công tác:

Hơn 15 năm công tác trong lĩnh vực lọc hóa dầu, điều hành doanh nghiệp khâu sau (chế biến dầu khí) của PVN.

**Trước 2019:** Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Lọc Hóa Dầu Bình Sơn (BSR).

**Từ 10/01/2019 – nay:** Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau.

### Ông **NGUYỄN ĐỨC THÀNH**

Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty

**Từ năm 2015:** ông giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau.

**Ngày 12/06/2018:** ĐHCĐ thông qua đơn xin từ nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT Công ty.

**Ngày 01/09/2018:** ông nghỉ chế độ Huu trí theo quy định.



### Ông **VĂN TIẾN THANH**

Ủy viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

- » Năm sinh: 1968
- » Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí Nông Lâm.
- » Quá trình công tác:

**Từ 2011:** Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu Khí Cà Mau.

**Từ 01/2015:** Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau.

**Từ 12/6/2018 – nay:** Tổng Giám đốc Công ty.

### Ông **BÙI MINH TIẾN**

Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Nguyên Tổng Giám đốc

**Ngày 12/6/2018:** ông được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT.

**Ngày 07/12/2018:** ông có đơn xin từ nhiệm và ngày 10/01/2019 được ĐHCĐ thông qua.

Bà **TRẦN THỊ BÌNH** - Nguyên Ủy viên Hội đồng Quản trị

**Ngày 18/01/2019:** xin từ nhiệm vì lý do cá nhân.



### Ông **TRẦN MỸ**

Ủy viên Hội đồng Quản trị

- » Năm sinh: 1962
- » Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Công nghiệp.
- » Quá trình công tác:

**Từ 2006:** Phó trưởng Phòng kinh tế - kế hoạch – Ban Quản lý Dự án Cụm Khí – Điện – Đạm.

**Từ 2012:** Trưởng ban Kế hoạch Chiến lược / Kế hoạch Đầu tư – Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.

**Từ 01/2015 - nay:** Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau.



### Ông **TRẦN CHÍ NGUYỄN**

Ủy viên Hội đồng Quản trị

- » Năm sinh: 1975
- » Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kinh tế Kế toán, Cử nhân Luật.
- » Quá trình công tác:

**2008-2011:** Phó trưởng Phòng Tài chính Kế toán – Ban Quản lý Dự án Cụm Khí – Điện – Đạm.

**2012:** Kiểm soát viên chính tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.

**Từ 01/2015-nay:** Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau.

**Từ 04/2016-nay:** kiêm nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC).

## Giới thiệu BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **VŨ TIẾN THANH**

Ủy viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

- » Năm sinh: 1968
- » Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí Nông Lâm.
- » Quá trình công tác:

**Từ 2011:** Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu Khí Cà Mau.

**Từ 01/2015:** Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC).

**Từ 12/6/2018 – nay:** Tổng Giám đốc PVCFC.



Ông **LÊ NGỌC MINH TRÍ**

Phó Tổng Giám đốc

- » Năm sinh: 1970
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Kế toán.
- » Quá trình công tác:

**Từ 2011:** Kế toán trưởng Ban Quản lý Dự án Cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau;

**Từ 06/2015 - nay:** Phó Tổng Giám đốc Công ty.



Ông **NGUYỄN ĐỨC HẠNH**

Phó Tổng Giám đốc

- » Năm sinh: 1972
- » Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng.
- » Quá trình công tác:

**Từ 12/2012 - 04/2016:** Ông kiêm chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam.

**Từ 15/01/2015 – nay:** Phó Tổng Giám đốc Công ty.

**Từ 04/2018 – nay:** Ông kiêm chức Chủ tịch Công đoàn Công ty khóa II, nhiệm kỳ 2018 - 2023.



Ông **NGUYỄN TUẤN ANH**

Phó Tổng Giám đốc

- » Năm sinh: 1976
- » Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Thương mại, Cử nhân kế toán, Cử nhân Quản trị Kinh doanh.
- » Quá trình công tác:

**Từ 2008:** Giám đốc Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc.

**Từ 10/2009:** Trưởng ban các Dự án hợp tác nước ngoài, Trưởng ban Đầu tư xây dựng, Trưởng ban Kinh doanh phân bón Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

**Từ 04/2014:** Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX).

**Từ 06/2017 - nay:** Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC).



## Giới thiệu BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà **NGUYỄN THỊ HIỀN**

Phó Tổng Giám đốc

- » Năm sinh: 1974
- » Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
- » Quá trình công tác:

**Từ 01/2002 - 08/2005:** chuyên viên/Phó trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban Quản lý Dự án Cụm Khí-Điện-Đạm.

**Từ 09/2005 - 06/2007:** Phó phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí – Tổng Công ty DKVN.

**Từ 6/2007 - 03/2008:** Trưởng ban Kiểm soát Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí.

**Từ 4/2008 - 01/2011:** Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Quản lý và phát triển nhà Dầu khí Miền Nam; Chủ tịch Công ty Phân bón hóa chất Đông Nam bộ;

**Từ 02/2011 - 12/2018:** Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí (PVFCCo); Chủ tịch Công ty CP Phân bón Hóa chất Tây Nam Bộ;

**Từ 01/2019 – nay:** Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC).



Ông **PHẠM VĂN BẮC**

Phó Tổng Giám đốc

- » Năm sinh: 1960
- » Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ hóa học
- » Quá trình công tác:

**Từ 2004 - 2008:** Chuyên viên/ Phó trưởng ban Chế biến Dầu khí, Tổng công ty Dầu khí VN.

**Từ 09/2008 - 06/2009:** Phó Tổng Giám đốc Công ty Hóa dầu Long Sơn.

**Từ 07/2009 - 08/2010:** Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Dầu khí VN.

**Từ 09/2010 - 05/2018:** Phó ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn DK VN.

**Từ 6/2018 – 09/2018:** Chuyên viên Ban Khí và Chế biến DK, Tập đoàn DK VN.

**Từ 10/2018 - nay:** Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC).



Ông **ĐINH NHƯ CƯỜNG**

Kế toán trưởng

- » Năm sinh: 1977
- » Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng.
- » Quá trình công tác:

**Từ năm 1998 - tháng 3/2007:** Kế toán tổng hợp Phòng Tài chính Kế hoạch đầu tư TP Cà Mau.

**Tháng 4/2007:** chuyên viên kế toán Ban Quản lý Cụm Dự án Khí – Điện – Đạm Cà Mau.

**Tháng 02/2016 - nay:** Ông được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính Kế toán Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Ông **HOÀNG TRỌNG DŨNG**

Phó Tổng Giám đốc

- » Năm sinh: 1973

**Từ 18/12/2018:** thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty.

## Giới thiệu BAN KIỂM SOÁT



Bà **PHAN THỊ CẨM HƯƠNG**

Trưởng Ban Kiểm soát

- » Năm sinh: 1977
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Tài chính Nhà nước.
- » Quá trình công tác:

**Từ 2011 – 2015:** Chuyên viên Kế toán tổng hợp, Phó trưởng phòng Kế toán.

**Từ 01/2015 – nay:** Trưởng Ban Kiểm soát Công ty.



Ông **ĐỖ MINH ĐƯƠNG**

Thành viên Ban Kiểm soát

- » Năm sinh: 1979
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Kế toán tổng hợp.
- » Quá trình công tác:

**Từ 04/2016 – nay:** Kiểm soát viên Công ty.



Ông **NGUYỄN THANH HÀO**

Thành viên Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm)

- » Năm sinh: 1979
- » Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kế toán tổng hợp.
- » Quá trình công tác:

**Từ 01/2015 – nay:** Kiểm soát viên Công ty.



## Mục tiêu CHIẾN LƯỢC

“ Với mục tiêu đưa thương hiệu “Đạm Cà Mau - Hạt Ngọc Mùa Vàng” đến năm 2025 trở thành thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, Ban Lãnh đạo PVCFC đã đề ra định hướng chiến lược phát triển bền vững cho từng giai đoạn từ ngắn hạn, trung hạn đến dài hạn nhằm gia tăng chuỗi giá trị liên kết trong hoạt động sản xuất, kinh doanh với nhiều mục tiêu cụ thể. ”



### MỤC TIÊU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Xây dựng mô hình tổ chức tinh gọn, chuyên nghiệp thích ứng với sự thay đổi của thị trường; Hình thành các Đơn vị kinh doanh chiến lược (SBU) vào thời điểm thích hợp nhằm tạo sự chủ động và nâng cao hiệu quả của từng Đơn vị.

Áp dụng mô hình quản trị theo chuẩn mực quốc tế nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả của doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích công bằng cho tất cả cổ đông, cải thiện tính công khai minh bạch của hoạt động kinh doanh và nâng cao uy tín với đối tác trong quá trình hội nhập quốc tế.

Xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp PVCFC: vững chắc về nền tảng, phong phú và khác biệt về bản sắc trên cơ sở hoàn thiện và phát huy các giá trị cốt lõi “Ân cần - Trách nhiệm - Tiên phong - Hải hòa”.

### MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Vận hành Nhà máy Đạm Cà Mau, NPK Cà Mau an toàn, ổn định và hiệu quả, đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ở nhóm dẫn đầu trên thị trường.

Áp dụng các mô hình quản trị sản xuất hiện đại, cải tiến và tối ưu liên tục các hoạt động để nâng cao hiệu quả sản xuất.

Đa dạng hóa sản phẩm phân bón trên nền Urea, phân bón tổng hợp, hữu cơ, vi sinh theo hướng cải tạo đất, tăng cường dinh dưỡng cho cây trồng và giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường.

Nghiên cứu áp dụng các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm nguyên nhiên liệu sản xuất.

Phát triển dịch vụ đào tạo chạy thử, vận hành, bảo dưỡng và quản lý chất lượng cho các nhà máy tương tự.

### MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Chiếm lĩnh và duy trì các thị trường trọng yếu trong nước, xây dựng kênh phân phối hiệu quả và phát triển trên toàn quốc cho bộ sản phẩm Đạm Cà Mau dựa trên ứng dụng nền tảng CNTT tiên tiến, hiện đại tích hợp với hệ thống thương mại điện tử.

Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu sang các nước lân cận và khu vực, cung cấp đa dạng các loại phân bón trên nền Urea và NPK.

Chủ động trong công tác sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu phân bón và hóa chất đảm bảo tăng trưởng doanh thu trung bình tối thiểu 10%/năm.

Phát triển thương hiệu “Đạm Cà Mau - Hạt Ngọc Mùa Vàng” với bộ sản phẩm Đạm Cà Mau trong nhóm dẫn đầu ở thị trường trong nước và các nước quen thuộc trong khu vực.

Phát triển kinh doanh theo hướng tham gia vào các mô hình chuỗi giá trị khép kín từ khâu “giống - phân bón - chế biến - phân phối” nhằm nâng cao uy tín thương hiệu của Công ty và mang lại lợi ích tốt nhất cho nông sản Việt.

### MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH

Tái cấu trúc nguồn vốn theo hướng giảm tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thu hút vốn bổ sung mới, tạo động lực cho sự tăng trưởng.

Xây dựng hệ thống quản trị tài chính tiên tiến, hiện đại; Bảo toàn và phát triển nguồn vốn hiệu quả.

Nâng cao năng lực quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm soát rủi ro tài chính, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính đạt mức an toàn và phát triển.

### MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ

Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, phục vụ sản xuất kinh doanh đủ năng lực đáp ứng mục tiêu hướng ra thị trường quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh phân bón và hóa chất.

Xây dựng năng lực đội ngũ lãnh đạo hướng đến năng lực quản trị đa ngành, liên kết lẫn nhau, có khả năng chịu áp lực cạnh tranh cao, có năng lực cao về quản trị và phát triển đội ngũ.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, nâng cao uy tín, hình ảnh của Công ty. Chế độ chính sách đãi ngộ khuyến khích người lao động chất lượng cao làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

### MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ HỢP TÁC

Triển khai các dự án sản xuất sản phẩm đa dạng hóa sản phẩm từ gốc Urea, NPK, các sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh phù hợp với xu hướng tiêu thụ của thị trường.

Đầu tư có chọn lọc hệ thống logistic để nâng cao năng lực và hiệu quả của hệ thống phân phối, đáp ứng kịp thời việc vận chuyển và giao nhận sản phẩm tới khách hàng.

Tham gia đầu tư, góp vốn, liên danh liên kết có chọn lọc vào chuỗi giá trị nông nghiệp để tạo thêm các giá trị gia tăng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Hợp tác đầu tư có chọn lọc các hóa chất/hóa dầu trên cơ sở phát huy công nghệ của nhà máy Đạm Cà Mau khi có điều kiện thuận lợi.

### MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)

Đầu tư nghiên cứu, hợp tác với các viện, trường, nhà khoa học hàng đầu trong và ngoài nước để đưa ra những dòng sản phẩm mới chất lượng, đáp ứng nhu cầu của thị trường và thân thiện với môi trường góp phần xây dựng nền nông nghiệp Việt Nam phát triển bền vững.

Xây dựng các giải pháp dinh dưỡng cho cây trồng đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng năng suất của thị trường, trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ và phù hợp xu hướng của cách mạng công nghiệp 4.0.

### MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG

Xây dựng hình ảnh thương hiệu thân thiện đối với cộng đồng, đặc biệt là với bà con nông dân.

Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, gắn lợi ích của người dân làm nông nghiệp với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục thực hiện tốt trách nhiệm vì cộng đồng xã hội.

Hướng tới nằm trong nhóm Doanh nghiệp dẫn đầu về công tác bảo vệ môi trường, an sinh xã hội và phát triển cộng đồng.

## Các rủi ro & BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

# Risk

Tại PVCFC, công tác quản lý rủi ro được xây dựng ngay từ những ngày đầu thành lập. Đến nay, Nhà máy luôn hoạt động an toàn và ổn định, chưa có sự cố nghiêm trọng về an toàn nghề nghiệp, cháy nổ hay môi trường xảy ra. Các chỉ số về chất lượng sản phẩm luôn đạt bằng hoặc cao hơn tiêu chuẩn đã công bố ra thị trường. Chỉ số về môi trường luôn đạt tiêu chuẩn và nằm trong ngưỡng cho phép của tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế (ISO), tiêu chuẩn Châu Âu (IEC) thông qua các đợt kiểm tra, đánh giá chuyên ngành và liên ngành của các tổ chức độc lập và cơ quan quản lý Nhà nước.

Công ty luôn chủ động trong công tác đào tạo vận hành thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và hệ thống mô phỏng đào tạo (OTS- operation training simulator); Liên hệ và hợp tác với chính quyền, cơ quan quản lý Nhà nước (Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an PCCC) tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện bắt buộc theo luật định nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác an toàn, sức khỏe và môi trường. Nhiều sáng kiến, cải tiến của CBCNV nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường trong hoạt động sản xuất được áp dụng thành công mang lại hiệu quả cao về mặt kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.







**RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH**

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất PVCFC tái cấu trúc nhiều khoản vay để giảm tối đa lãi vay, cân đối dòng tiền, phân tích, đánh giá và gửi tiền ở các kỳ hạn có lãi suất cao hơn.

**Rủi ro tỷ giá**

Thực hiện cân đối dòng tiền để sử dụng các hợp đồng trả trước, trích lập dự phòng rủi ro tỷ giá.

**RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Công ty con duy nhất của PVCFC là Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC). Bằng nhiều giải pháp trong quản lý sản xuất và giải pháp trong quản trị, điều hành và kinh doanh, hiện nay PPC đang hoạt động đang hoạt động khá hiệu quả.

**RỦI RO HOẠT ĐỘNG, TUÂN THỦ VÀ SỰ THAY ĐỔI CỦA LUẬT PHÁP**

**Rủi ro hoạt động và tuân thủ**

Thực hiện đề án xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ theo chuẩn COSO-IC tích hợp quản lý rủi ro doanh nghiệp theo chuẩn COSO-ERM, PVCFC và tư vấn PwC (Pricewaterhouse Cooper) đã hoàn thành rà soát và xây dựng lại toàn bộ hệ thống quy trình sản xuất kinh doanh của Công ty theo các chuẩn mực và thông lệ tốt nhất trong nước cũng như trên thế giới nhằm tăng hiệu quả và kiểm soát được các rủi ro hoạt động trong quá trình tác nghiệp của các bộ phận trong Công ty. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính thực thi, tuân thủ trong hoạt động và hiệu lực của hệ thống kiểm soát, PVCFC và tư vấn PwC cũng đã hoàn thiện xây dựng và đưa vào vận hành bộ máy kiểm tra tuân thủ của PVCFC theo tiêu chuẩn COSO và thông lệ tốt hiện nay.

**PVCFC chịu ảnh hưởng từ sự thay đổi của luật pháp**

Việc thay đổi chính sách bỏ áp thuế VAT 5% cho mặt hàng phân bón đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, để giảm bớt áp lực cạnh tranh cũng như tạo thêm giá trị thặng dư cho PVCFC, Công ty một mặt vừa đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, tích cực mở rộng thị trường trong và ngoài nước, một mặt chủ động kêu gọi và phối hợp với các doanh nghiệp sản xuất phân bón, cơ quan quản lý Nhà nước kiến nghị lên Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Chính phủ áp dụng mức thuế VAT 0% đối với mặt hàng phân bón.

**CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2019**

PVCFC tiếp tục thực hiện lộ trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro doanh nghiệp hiệu quả theo khung COSO. Tiếp tục xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM) theo khung COSO.

**CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN QUẢN TRỊ RỦI RO**

Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất Urea từ nguyên liệu khí nên Đạm Cà Mau rất chú trọng đến công tác quản trị và kiểm soát rủi ro, đặc biệt là rủi ro về an toàn cháy nổ và môi trường. Hiện nay Công ty đang áp dụng mô hình Quản trị rủi ro bao gồm Ban Kiểm soát và chưa có Ủy ban Quản trị rủi ro hay Tiểu ban quản trị rủi ro. Công ty có bộ phận Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Kiểm soát nội bộ và các cán bộ làm công tác quản trị rủi ro làm việc tại các phòng, ban, phân xưởng và có nhiệm vụ xây dựng, áp dụng các công cụ quản trị rủi ro, nhận diện và đề xuất các giải pháp nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu tổn thất khi rủi ro xảy ra.



# PHẦN 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM 2018

ĐƯỜNG ĐẦU  
**THÁCH THỨC**



## Tình hình hoạt động SẢN XUẤT KINH DOANH



“ Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau đã bước qua năm 2018 với nhiều thuận lợi cũng như khó khăn, thách thức. ”

Những thuận lợi khách quan về: Thị trường phân bón tăng trưởng, giá phân bón nội địa tăng khoảng 16% so với năm 2017; Thời tiết trong năm diễn biến thuận lợi cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, đã hỗ trợ rất nhiều cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy vậy những bất lợi từ sự thiếu ổn định về nguồn nguyên/nhiên liệu (khí, điện); Tỷ giá USD/VNĐ biến động làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị; Áp lực cạnh tranh từ phân bón nhập khẩu vẫn ở mức cao cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với tâm thế chủ động, HĐQT và Ban điều hành nỗ lực và quyết tâm cao đã đề ra các giải pháp và chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao.

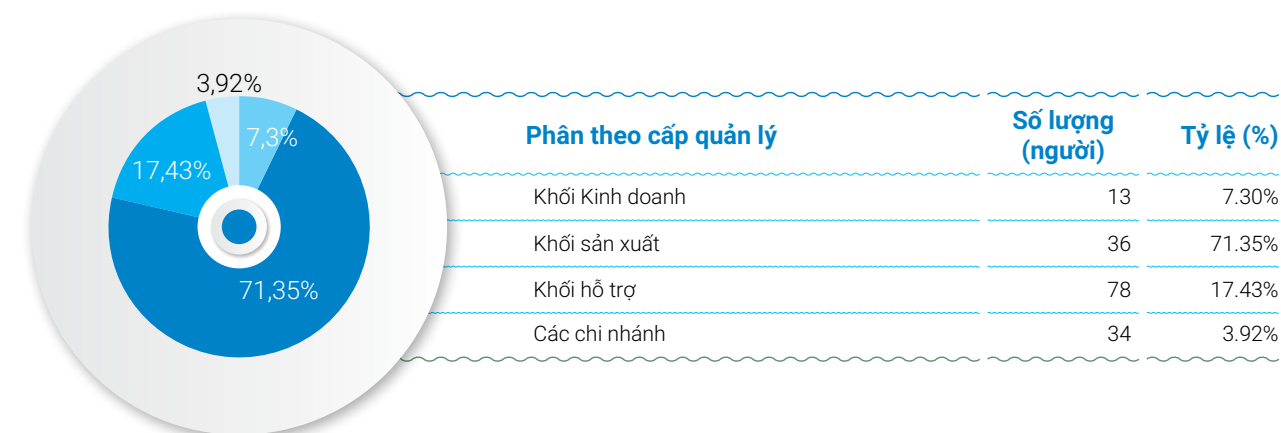
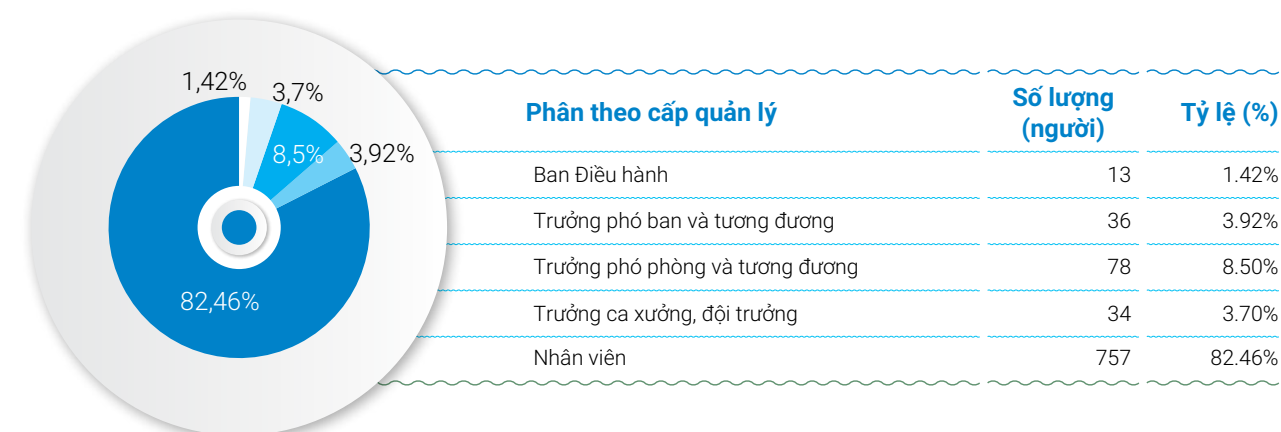
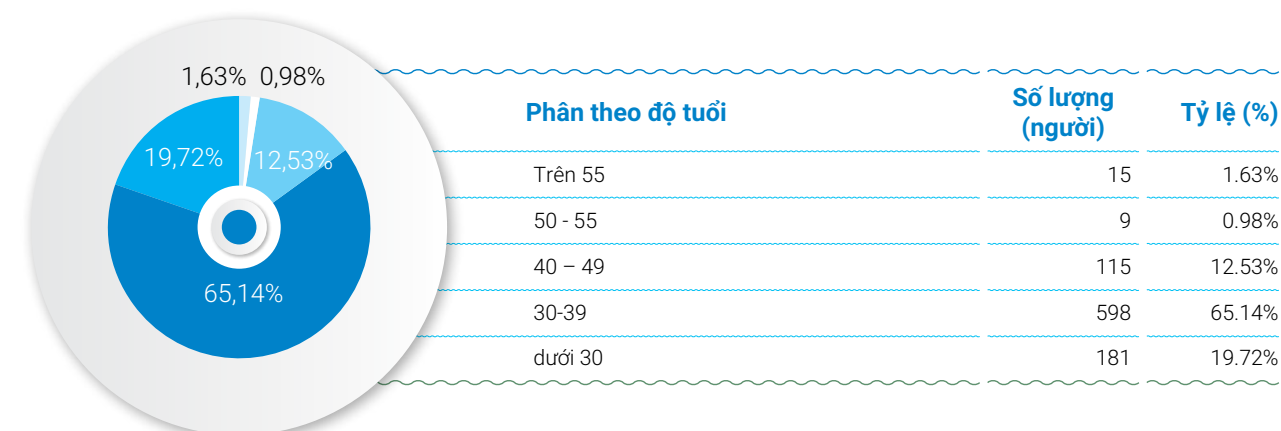
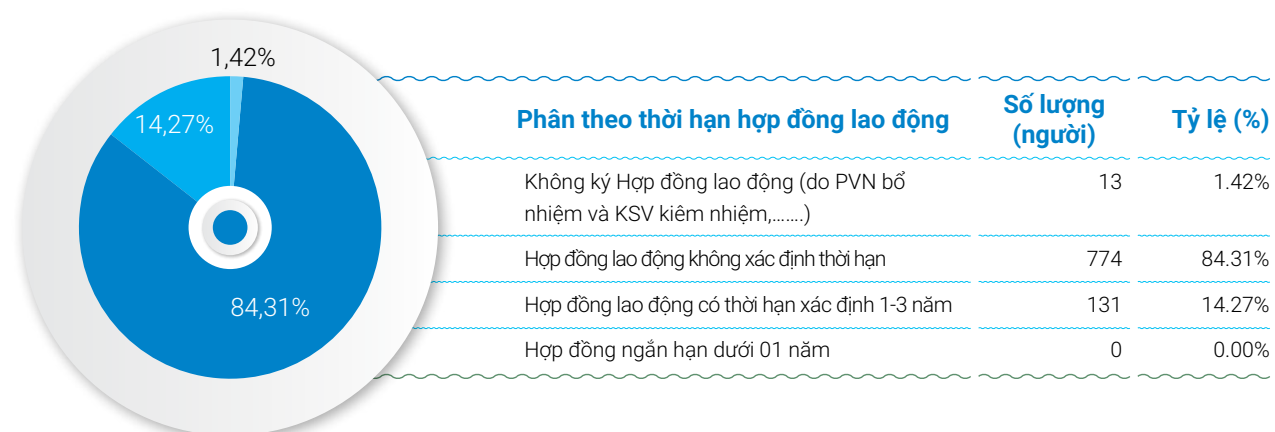
Công ty đã duy trì vận hành nhà máy Đạm Cà Mau an toàn, ổn định; sản lượng sản xuất đạt 108%, tiêu thụ Urê đạt 102%, tổng doanh thu tăng trưởng vượt bậc đạt 125%, lợi nhuận trước thuế đạt 103% so với KH năm 2018 và qua đó đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao, cụ thể:

| TT                                           | Chỉ tiêu                 | ĐVT       | TH năm 2017 | Năm 2018 |           | Tỷ lệ so sánh (%) |       |
|----------------------------------------------|--------------------------|-----------|-------------|----------|-----------|-------------------|-------|
|                                              |                          |           |             | Kế hoạch | Thực hiện |                   |       |
| A                                            | B                        | C         | 1           | 2        | 3         | 4=3/2             | 5=3/1 |
| <b>CÁC CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>               |                          |           |             |          |           |                   |       |
| 1                                            | Sản lượng sản xuất       |           |             |          |           |                   |       |
| -                                            | Đạm Cà Mau (Urê quy đổi) | Nghìn tấn | 851,08      | 751,09   | 812,61    | 108%              | 95%   |
| 2                                            | Sản lượng tiêu thụ       |           |             |          |           |                   |       |
| -                                            | Đạm Cà Mau (Urê quy đổi) | Nghìn tấn | 864,5       | 751,09   | 767,90    | 102%              | 89%   |
| -                                            | Tự doanh                 |           | 72,12       | 110      | 166,69    | 152%              | 231%  |
| <b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY (HỢP NHẤT)</b> |                          |           |             |          |           |                   |       |
| 1                                            | Tổng doanh thu           | Tỷ đồng   | 5.920       | 5.496    | 6.880     | 125%              | 116%  |
| 2                                            | Lợi nhuận trước thuế     | Tỷ đồng   | 679,33      | 684,62   | 706,15    | 103%              | 104%  |
| 3                                            | Lợi nhuận sau thuế       | Tỷ đồng   | 641,38      | 649,83   | 659,06    | 101%              | 103%  |



## Công tác tổ chức & NHÂN SỰ

“ Tính đến thời điểm tháng 31/12/2018, tổng số lao động của Công ty là 918 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo phòng ban chức năng, giới tính, thời hạn hợp đồng lao động và trình độ chuyên môn được thể hiện trong bảng sau: ”



Công tác tổ chức &  
**NHÂN SỰ** (tiếp theo)

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Vốn cổ phần tính đến thời điểm 26/12/2018 là 5.294.000.000.000 đồng được chia thành 529.400.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Danh sách cổ đông nội bộ

| STT                         | Tên cá nhân/Tổ chức                                           | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số cổ phiếu sở hữu cá nhân | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cá nhân | Số cổ phiếu đại diện cho PVN | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đại diện |
|-----------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| <b>I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>  |                                                               |                              |                            |                               |                              |                                |
| 1                           | Trần Ngọc Nguyên                                              | Chủ tịch HĐQT                | 0                          | 0%                            | 135,323,057                  | 25.561590%                     |
| 2                           | Văn Tiến Thanh                                                | Ủy viên HĐQT, kiêm TGD       | 30,000                     | 0.005667%                     | 105,880,000                  | 20.000000%                     |
| 3                           | Trần Mỹ                                                       | Ủy viên HĐQT                 | 2,900                      | 0.000548%                     | 79,410,000                   | 15.000000%                     |
| 4                           | Trần Chí Nguyễn                                               | Ủy viên HĐQT                 | 1,600                      | 0.000302%                     | 79,410,000                   | 15.000000%                     |
| <b>II BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b> |                                                               |                              |                            |                               |                              |                                |
| 1                           | Văn Tiến Thanh                                                | Ủy viên HĐQT, kiêm TGD       | 30,000                     | 0.005667%                     | 105,880,000                  | 20.000000%                     |
| 2                           | Nguyễn Đức Hạnh                                               | Phó TGD                      | 53,000                     | 0.010011%                     |                              |                                |
| 3                           | Lê Ngọc Minh Trí                                              | Phó TGD                      | 1,600                      | 0.000302%                     |                              |                                |
| 4                           | Nguyễn Thị Hiền                                               | Phó TGD                      | 0                          | 0.000000%                     |                              |                                |
| 5                           | Nguyễn Tuấn Anh                                               | Phó TGD                      | 0                          | 0.000000%                     |                              |                                |
| 6                           | Phạm Văn Bắc                                                  | Phó TGD                      | 0                          | 0.000000%                     |                              |                                |
| <b>III BAN KIỂM SOÁT</b>    |                                                               |                              |                            |                               |                              |                                |
| 1                           | Phan Thị Cẩm Hương                                            | Trưởng Ban Kiểm soát         | 200                        | 0.000038%                     |                              |                                |
| 2                           | Đỗ Minh Dương                                                 | Kiểm soát viên               | 2,000                      | 0.000378%                     |                              |                                |
| 3                           | Nguyễn Thanh Hào                                              | Kiểm soát viên               | 0                          | 0.000000%                     |                              |                                |
| <b>IV KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>    |                                                               |                              |                            |                               |                              |                                |
| 1                           | Đinh Như Cường                                                | Kế toán trưởng               | 56,700                     | 0.010710%                     |                              |                                |
| <b>V CỔ ĐÔNG LỚN</b>        |                                                               |                              |                            |                               |                              |                                |
| 1                           | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam |                              | 45.103.690                 | 8,52%                         |                              |                                |

Thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

PVCFC đã xây dựng, báo cáo Tập đoàn về kế hoạch và phương án thoái vốn của Tập đoàn tại đơn vị. Hiện nay Tập đoàn đang trình Bộ Công Thương xem xét phương án thoái vốn tại PVCFC. Bên cạnh đó, Công ty đã tiến hành tái cấu trúc bộ máy, phù hợp với yêu cầu tình hình mới, đáp ứng mục tiêu phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm ngày 26/12/2018:

| Stt              | Tên cổ đông                                                               | Số ĐKKD/\ CMND | Địa chỉ                                              | Số cổ phần nắm giữ (cổ phần) | Tỷ lệ/ VDL (%) |
|------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------|------------------------------|----------------|
| 1                | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - PVN                                           | 0106000811     | 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội                 | 400.023.057                  | 75,562%        |
| 2                | Cổ đông lớn:Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam | 23/UBCK-GP     | Tầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | 45.103.690                   | 8,52%          |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                           |                |                                                      | <b>45.126.747</b>            | <b>84,08%</b>  |

Nguồn: danh sách cổ đông của PVCFC, VSD chốt ngày 26/12/2018

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 26/12/2018

| STT       | Cổ đông                                                                   | Số lượng<br>(người/<br>tổ chức) | Số cổ phần (cổ phần) |             |             | Giá trị theo mệnh<br>giá (VND) | Tỷ lệ   |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------|-------------|-------------|--------------------------------|---------|
|           |                                                                           |                                 | Đã lưu ký            | Chưa lưu ký | Tổng số CP  |                                |         |
| I         | Cổ đông trong nước                                                        | 3,815                           | 508,054,813          | 526,100     | 508,580,913 |                                | 96.07%  |
| 1         | Cổ đông tổ chức                                                           | 32                              | 456,073,500          | 300,000     | 456,373,500 | 4,563,735,000,000              | 86.21%  |
| 1.1       | Trong đó: PVN                                                             |                                 | 400,023,057          | 0           | 400,023,057 | 4,000,230,570,000              | 75.56%  |
| 1.2       | Cổ đông lớn:Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam | 1                               | 45,103,690           | 0           | 45,103,690  | 451,036,900,000                | 8.52%   |
| 2         | Cổ đông cá nhân                                                           | 3,783                           | 51,981,313           | 226,100     | 52,207,413  | 522,074,130,000                | 9.86%   |
| II        | Cổ đông nước ngoài                                                        | 46                              | 20,819,087           | 0           | 20,819,087  |                                | 3.93%   |
| 1         | Cổ đông tổ chức                                                           | 14                              | 19,032,640           | 0           | 19,032,640  | 190,326,400,000                | 3.60%   |
| 2         | Cổ đông cá nhân                                                           | 32                              | 1,786,447            | 0           | 1,786,447   | 17,864,470,000                 | 0.34%   |
| Tổng cộng |                                                                           | 3,861                           | 528,873,900          | 526,100     | 529,400,000 | 5,294,000,000,000              | 100.00% |



Công tác tổ chức &  
NHÂN SỰ (tiếp theo)

Công tác cán bộ:

Tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, ..... công tác quy hoạch cán bộ, đánh giá, phân loại cán bộ được thực hiện theo đúng quy định, quy trình, xuất phát từ nhu cầu thực tế, các cán bộ được bổ nhiệm đã phát huy tốt vai trò, nhiệm vụ ở cương vị mới, góp phần vào việc xây dựng và phát triển Công ty.

Công ty thực hiện tốt chính sách Nhân viên, thỏa ước lao động tập thể, PVCFC tăng cường công tác đào tạo quản lý, bồi dưỡng thường xuyên, cập nhật kiến thức chuyên môn/nghề vụ và đào tạo nội bộ nhằm tăng cường công tác, kỹ năng vận hành – bảo dưỡng, tinh thần gắn kết đồng đội của đội ngũ nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2018 Công ty tiếp nhận 36 người, nhân sự bổ sung cho các ban, đơn vị và các Chi nhánh, số lượng nhân sự nghỉ việc 24 người trong đó có 01 trường hợp nghỉ hưu và được phân bổ cụ thể theo nhóm tuổi, khu vực và giới tính như sau:



| I | Nhân sự tiếp nhận mới | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|---|-----------------------|------------------|-----------|
| 1 | Phân theo giới tính   | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|   | Nam                   | 30               | 63,89     |
|   | Nữ                    | 6                | 36,11     |
| 2 | Phân theo độ tuổi     | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|   | Trên 50 tuổi          | 1                | 0,00      |
|   | 30-50 tuổi            | 13               | 44,44     |
|   | dưới 30 tuổi          | 22               | 55,56     |
| 3 | Phân theo khu vực     | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|   | Miền Bắc              | 7                | 36,11     |
|   | Miền Trung            | 8                | 50,00     |
|   | Miền Nam              | 21               | 13,89     |
|   | Tổng cộng             | 36               | 100       |

| II | Nhân sự nghỉ việc   | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|----|---------------------|------------------|-----------|
| 1  | Phân theo giới tính | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|    | Nam                 | 23               | 88,89     |
|    | Nữ                  | 1                | 11,11     |
| 2  | Phân theo độ tuổi   | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|    | Trên 50             | 1                | 0,00      |
|    | 30-50               | 17               | 55,56     |
|    | dưới 30             | 6                | 44,44     |
| 3  | Phân theo khu vực   | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|    | Miền Bắc            | 7                | 22,22     |
|    | Miền Trung          | 5                | 05,56     |
|    | Miền Nam            | 12               | 72,22     |
|    | Tổng cộng           | 24               | 100       |



## Tình hình đầu tư THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



### DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT PHÂN BÓN PHỨC HỢP TỪ URÊ NÓNG CHẢY

300,000  
TẤN/ NĂM

### CẢNG NHẬP NGUYÊN LIỆU CÔNG SUẤT

500,000  
TẤN

**THEO KẾ HOẠCH, TRONG NĂM 2018 PVCFC TIẾP TỤC TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP, (BAO GỒM 1 DỰ ÁN NHÓM B, 2 DỰ ÁN NHÓM C), TRONG ĐÓ CÓ 2 DỰ ÁN TRỌNG TÂM GỒM:**

» Dự án đầu tư sản xuất phân bón phức hợp từ Urê nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm: Khởi công vào tháng 11/2017, dự án hứa hẹn sẽ mang đến thị trường sản phẩm NPK chất lượng cao. Hiện nay dự án đang trong giai đoạn lắp đặt chuẩn bị chạy thử. Tiến độ tổng thể đến hiện tại đạt 74,36% so với tổng tiến độ dự án. Dự kiến hoàn thành đưa Nhà máy vận hành vào Quý II/2019.

» Cảng nhập nguyên liệu công suất 500.000 tấn: Ký hợp đồng trong tháng 03/2018. Hiện nay, dự án đang thi công Bến nhập liệu, Mái che khu nước, tiến độ tổng thể đến thời điểm hiện tại đạt 67,89% so với tổng tiến độ dự án. Dự kiến hoàn thành đưa vào vận hành đồng bộ với dự án NPK.

**Ngoài ra, PVCFC đẩy mạnh nghiên cứu đầu tư các sản phẩm, dịch vụ không phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu khí và sản phẩm Urê để tăng doanh thu lợi nhuận như nghiên cứu đầu tư Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh; nghiên cứu mua hơi công nghiệp để giảm nhu cầu tiêu thụ khí; phát triển dịch vụ khảo nghiệm nông nghiệp.**



### TỔNG DOANH THU

236,61  
TỶ ĐỒNG

### TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CON – CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM (PPC)

- » Nhà máy bao bì hoạt động ổn định với công suất đạt khoảng 98%; nhà máy phân bón hoạt động với công suất trung bình 50 tấn/ngày.
- » Sản lượng sản xuất bao bì ước là 21.529 nghìn bao đạt 100,3% so với kế hoạch năm 2018, bằng 114% so cùng kỳ năm 2017. Sản lượng sản xuất Phân bón ước là 7.728 tấn đạt 39% kế hoạch năm 2018, bằng 171% so cùng kỳ năm 2017.
- » Sản lượng tiêu thụ bao bì ước là 21.621 nghìn bao đạt 101% so với kế hoạch năm 2018, bằng 109% so cùng kỳ năm 2017. Sản lượng tiêu thụ Phân bón ước là 8.127 tấn đạt 41% kế hoạch năm 2018, bằng 233% so cùng kỳ năm 2017.
- » Tổng doanh thu ước là 236,61 tỷ đồng đạt 73% so với kế hoạch năm 2018, bằng 127% so cùng kỳ năm 2017. Tổng doanh thu không đạt kế hoạch chủ yếu do doanh thu từ nhà máy phân bón thấp.
- » Lợi nhuận sau thuế ước là 9,66 tỷ đồng đạt 132% so với kế hoạch năm 2018, bằng 135% so cùng kỳ năm 2017.

Nhìn chung công tác sản xuất kinh doanh bao bì vẫn ổn định. Công ty PPC tiếp tục nghiên cứu cải tiến chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhiều đối tượng khách hàng.



## Tình hình TÀI CHÍNH

### Tình hình tài chính, sử dụng vốn và tài sản

- » Công ty duy trì sự ổn định về tình hình tài chính năm 2018, tăng trưởng tốt về doanh thu và lợi nhuận. Công ty tự cân đối và hiện không thực hiện việc huy động vốn ngắn hạn, cân đối dòng tiền đảm bảo vốn lưu động cho hoạt động SXKD.
- » Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: PVCFC hiện nắm giữ 51,03% VDL của Công ty Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC) tương đương 20,83 tỷ đồng. Năm 2018 PPC hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu được giao. Tỷ lệ chia cổ tức của PPC theo kế hoạch là 12%.
- » Quản lý tài sản: PVCFC thực hiện việc mua sắm tài sản theo nhu cầu sử dụng và đúng định mức được Công ty quy định. Đối với tài sản cố định, công ty xây dựng và triển khai quy trình quản lý chặt chẽ, thực hiện bảo dưỡng định kỳ, luôn duy trì và nâng cao năng lực sử dụng tài sản.

Với tình hình sản xuất kinh doanh hiệu quả của năm 2018, các chỉ số tài chính của PVCFC đều rất tốt và đảm bảo an toàn cho cổ đông:



| Chỉ tiêu                              | ĐVT | Năm 2017      | Năm 2018      | Ghi chú |
|---------------------------------------|-----|---------------|---------------|---------|
| <b>Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>   |     |               |               |         |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn             | Lần | 1,92          | 1,39          |         |
| Hệ số thanh toán nhanh                | Lần | 1,77          | 1,08          |         |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>         |     |               |               |         |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản                 | %   | 51%           | 43%           |         |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu               | %   | 102%          | 76%           |         |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b> |     |               |               |         |
| Vòng quay hàng tồn kho                | Lần | 11,73         | 7,76          |         |
| Doanh thu thuần/tổng tài sản          | %   | 45,22%        | 60,64%        |         |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>  |     |               |               |         |
| Hệ số LNST/Doanh thu thuần            | %   | 11,16%        | 9,85%         |         |
| Tỷ suất LNTT/Tổng doanh thu           | %   | 11,48%        | 10,26%        |         |
| ROE                                   | %   | <b>10,69%</b> | <b>10,61%</b> |         |
| ROA                                   | %   | <b>5,05%</b>  | <b>5,61%</b>  |         |



**KỶ HỜI  
NAM NAY  
CHUNG TAY  
TIẾT KIỆM**

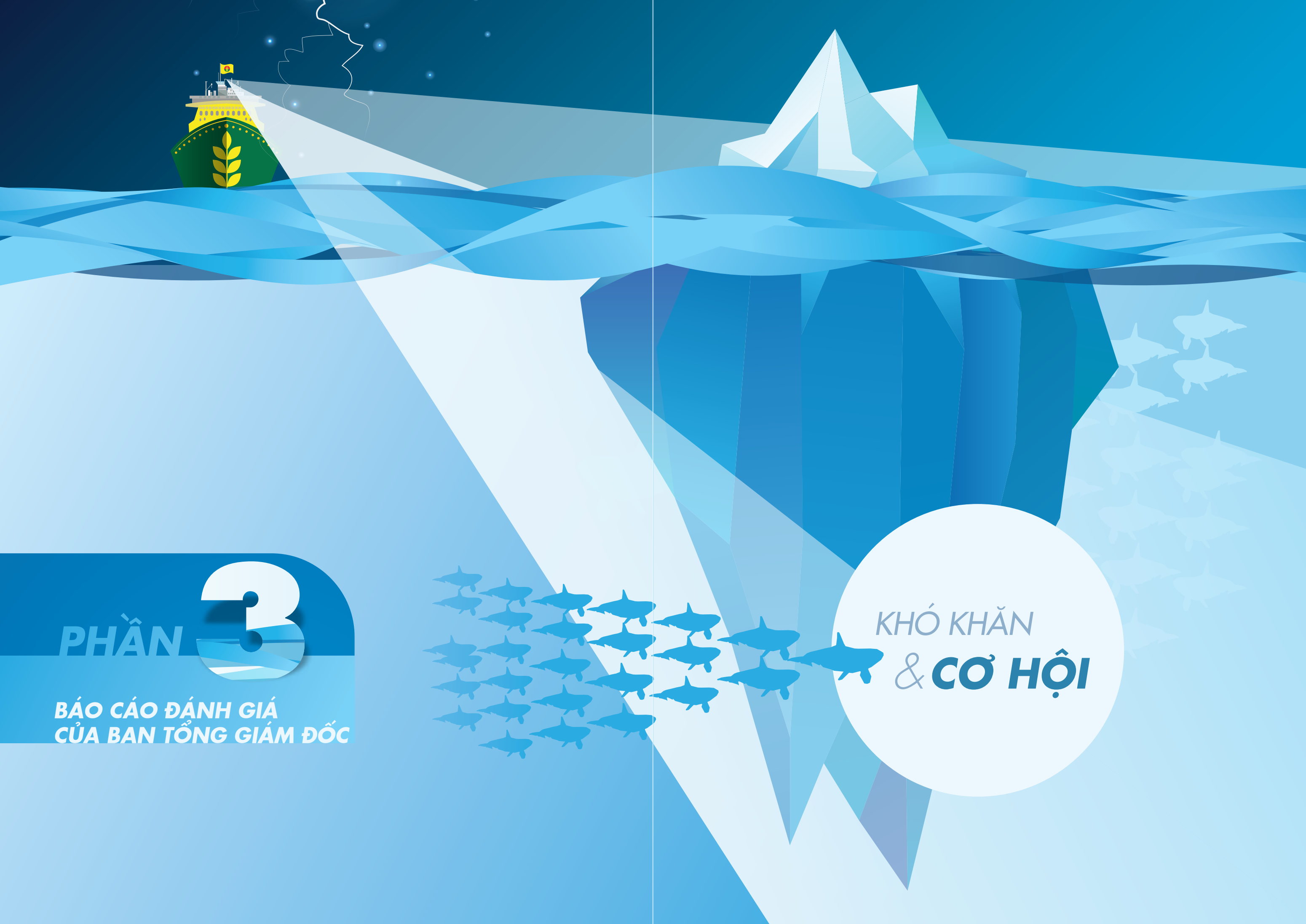
## Báo cáo

**TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI****Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

- » Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan đến vấn đề môi trường, không có nhắc nhở nào của cơ quan hữu quan về công tác an toàn môi trường. Các hoạt động của Nhà máy được kiểm soát chặt chẽ 24/24, tất cả các nguồn thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn) được giảm thiểu tối đa về số lượng và đạt yêu cầu về chất lượng trước khi xả thải đúng theo quy định. PVCFC đã cử ông Phạm Văn Bắc - Phó Tổng giám đốc là đại diện lãnh đạo về Hệ thống quản lý QHSE.
- » Bên cạnh việc phát triển hiệu quả, bảo vệ môi trường, Đạm Cà Mau đảm bảo phát triển hài hòa về lợi ích giữa doanh nghiệp với người lao động, doanh nghiệp với cộng đồng. Trong hành trình 8 năm phát triển của mình, Đạm Cà Mau luôn triển khai song hành hoạt động sản xuất kinh doanh gắn với thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, với tổng kinh phí để hỗ trợ xây dựng điện đường trường trạm cũng như xây dựng quỹ học bổng Đạm Cà Mau khoảng 325 tỷ đồng. Nhiều năm liền Đạm Cà Mau được Tạp chí Kinh tế và Dự báo - Bộ Kế hoạch và Đầu tư trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội (ASXH) và phát triển cộng đồng nhằm tôn vinh cộng đồng các doanh nghiệp Việt Nam với sự nghiệp an sinh xã hội và phát triển cộng đồng. Ngoài ra, với những công trình thiết thực ở từng địa phương cụ thể, Đạm Cà Mau cũng đã nhận được rất nhiều bằng khen của các địa phương về công tác an sinh xã hội và đóng góp tốt cho phong trào xây dựng nông thôn mới tại địa phương.







# PHẦN 3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ  
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KHÓ KHĂN  
& **CƠ HỘI**



## CÔNG TÁC QUẢN LÝ VẬN HÀNH SẢN XUẤT

Sau 7 năm đi vào hoạt động, Nhà máy Đạm Cà Mau vẫn duy trì được hiệu quả hoạt động với mức công suất cao (công suất tối đa là 110%; công suất trung bình khoảng 103% so với thiết kế) góp phần quan trọng hoàn thành chỉ tiêu sản xuất năm 2018 sớm hơn 28 ngày so với kế hoạch.

Công tác bảo dưỡng tổng thể: Đợt BDTT năm nay được xem là lần BDTT lớn nhất từ khi nhà máy được xây dựng cho đến nay cả về số lượng, quy mô, độ phức tạp của các hạng mục thiết bị. Với sự chủ động ngay từ khi triển khai, PVCFC đã hoàn thành 2.177 hạng mục trong vòng 15 ngày đạt tiến độ, an toàn, chất lượng, tiết kiệm chi phí, giúp công ty tiết kiệm được 15,86 tỷ đồng so với giá trị kế hoạch đã được phê duyệt (tương đương 11,81%).

Chú trọng việc nghiên cứu tìm kiếm các nguồn khí bổ trợ, bù đắp một phần do nguồn khí PM3 suy giảm sản lượng, PVCFC đã triển khai và đưa vào vận hành hệ thống thu hồi khí Permeat gas từ GPP (nguồn khí thải từ nhà máy GPP), lượng khí này sẽ thay thế 2,5% nhu cầu khí cho Nhà máy Đạm Cà Mau, giúp duy trì công suất cao hơn lượng khí được phân bổ, tiết kiệm chi phí.





## CÔNG TÁC KINH DOANH - TIẾP THỊ TRUYỀN THÔNG

Kết thúc năm 2018, Đạm Cà Mau đang khẳng định vị thế dẫn đầu tại thị trường mục tiêu về cả thị phần và giá bán. Đây cũng là một năm nổi bật của hoạt động kinh doanh tự doanh và chuẩn bị thị trường cho sản phẩm NPK, khi nhà máy NPK chính thức đưa vào sản xuất thương mại vào giữa năm 2019.

- » Tổng sản lượng tiêu thụ đạt 935 nghìn tấn, vượt 9% so với kế hoạch. Công tác tự doanh sản phẩm mang thương hiệu Đạm Cà Mau tăng trưởng tốt về lượng (vượt 52% so với kế hoạch) và doanh thu giúp nông dân, khách hàng có thêm nhiều sự lựa chọn sản phẩm, gia tăng thiện hiệu quả kinh doanh chung của Công ty.
- » Không chỉ chú trọng đến kênh tiếp thị truyền thống, hoạt động truyền thông tiếp thị số được chú trọng và phát triển thông qua mạng xã hội, apps... Các chương trình điểm nhấn như: “Đồng hành cùng thịnh vượng” tích điểm và nhận quà cho đại lý cấp II thông qua hệ thống DMS và chương trình “Dùng thử bộ sản phẩm Đạm Cà Mau” dùng cho đối tượng khách hàng nông dân, chăm sóc đến tận người dùng cuối cùng trong chuỗi cung ứng. Qua đó thể hiện sự nhạy bén bắt kịp xu hướng, giúp doanh nghiệp và người tiêu dùng đến gần nhau hơn.
- » Tăng cường ứng dụng CNTT vào công tác bán hàng nhằm phát triển hệ thống dữ liệu lớn để tích hợp vào các hoạt động kinh doanh, R&D. Năm 2018 đã vận hành, triển khai mở rộng hệ thống DMS cho toàn hệ thống phân phối, Web/Facebook: 2nong.vn ; App: 2nong, hệ thống phân tích dữ liệu Data Analytics. Qua đó giúp công ty có cơ sở dữ liệu lớn về thông tin khách hàng, tương tác trực tiếp với khách hàng và đưa ra các quyết sách bán hàng nhanh chóng, chính xác, hiệu quả.

## CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Theo kế hoạch, trong năm 2018 PVCFC tiếp tục triển khai các dự án chuyển tiếp, (bao gồm 1 dự án nhóm B, 2 dự án nhóm C), trong đó có 2 dự án trọng tâm gồm:

- » Dự án đầu tư sản xuất phân bón phức hợp từ Urê nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm: Khởi công vào tháng 11/2017, dự án hứa hẹn sẽ mang đến thị trường sản phẩm NPK chất lượng cao. Hiện nay dự án đang trong giai đoạn lắp đặt chuẩn bị chạy thử. Tiến độ tổng thể đến hiện tại đạt 75,59% so với tổng tiến độ dự án.
- » Cảng nhập nguyên liệu công suất 500.000 tấn: Ký hợp đồng trong tháng 03/2018. Hiện nay, dự án đang thi công Bến nhập liệu, Mái che khu nước, tiến độ tổng thể đến thời điểm hiện tại đạt 69,02% so với tổng tiến độ dự án. Dự kiến hoàn thành đưa vào vận hành đồng bộ với dự án NPK.

Ngoài ra, PVCFC đẩy mạnh nghiên cứu đầu tư các sản phẩm, dịch vụ không phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu khí và sản phẩm Urê để tăng doanh thu lợi nhuận như nghiên cứu đầu tư Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh; nghiên cứu mua hơi công nghiệp để giảm nhu cầu tiêu thụ khí; phát triển dịch vụ khảo nghiệm nông nghiệp.







## CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ KHÁC

### Công tác quản trị: Hoàn thiện công cụ quản trị từ sản xuất, quản trị tài chính cho đến quản trị rủi ro.

- » Hoàn thành lắp đặt và đưa vào hoạt động hệ thống đào tạo vận hành (OTS) giúp người vận hành chuẩn bị cho những phản ứng nhanh và hiệu quả hơn với những tình huống sự cố ngẫu nhiên có thể xảy ra trong hệ thống, nâng cao tay nghề.
- » Hệ thống quản lý năng suất toàn diện (TPM) được xây dựng trên nền tảng 5S, văn hóa doanh nghiệp. Hệ thống giúp tối đa hóa hiệu suất thiết bị, nâng cao năng suất với một hệ thống bảo trì được thực hiện trong suốt vòng đời của thiết bị bao gồm 6 trụ cột, đang tập trung triển khai thực hiện 4 trụ cột chính: bảo dưỡng tự chủ (Autonomous Maintenance), bảo dưỡng kế hoạch (Planned Maintenance), cải tiến tập trung (Focus Improvement), an toàn - sức khỏe - môi trường (HSE). Trong năm 2018, đã thực hiện tiếp nhận và bảo dưỡng tự chủ toàn bộ phần tiêu tu thiết bị cơ khí, tiếp quản công tác chống ăn mòn, bảo ôn ở một số khu vực, tự thực hiện các phát sinh có tính chất đơn giản đã được phân công.
- » Xây dựng báo cáo phân tích và quản trị doanh nghiệp (BI): sau khi vận hành hiệu quả hệ thống quản lý nguồn lực doanh nghiệp giai đoạn 1 (ERP), nhằm khai thác và đáp ứng nhu cầu quản trị tầm cao, mở rộng hệ thống ERP chiều sâu lẫn chiều rộng các tính năng và nâng cao năng lực phân tích, xử lý dữ liệu quản trị, quản lý rủi ro, hỗ trợ ra quyết định của ban lãnh đạo. PVCFC đã triển khai xây dựng báo cáo BI và golive đưa vào vận hành từ cuối năm 2018.
- » Sau khi chuẩn hóa được bộ quy trình hoạt động của Công ty theo COSO, PVCFC tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp theo chuẩn COSO-ERM giai đoạn 2. Hiện dự án đang trong giai đoạn xây dựng danh mục rủi ro cấp ban và cấp Công ty, định kỳ hàng tháng sẽ có báo cáo quản trị nhằm giảm rủi ro kinh doanh, giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.



### Công tác tổ chức quản lý, văn hóa doanh nghiệp

- » Tiếp tục đẩy mạnh vai trò quản lý các cấp, phân cấp, phân quyền để cán bộ thực sự là những thủ lĩnh, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đồng thời cho người được phân cấp chủ động đào tạo phát triển đội ngũ, nâng cao kiến thức, kỹ năng trong công tác quản lý.
- » Trải qua 7 năm hình thành - phát triển, PVCFC xây dựng văn hóa doanh nghiệp chú trọng các giá trị đạo đức, tính chính trực và phát triển con người trên nền tảng "7 thói quen hiệu quả". Sau khi hoàn thiện cơ bản văn hóa nền tảng, hiện nay Công ty đang xây dựng văn hóa bản sắc, hoàn thiện khung văn hóa, giá trị cốt lõi, bộ quy tắc hành xử là cách sống, cách làm thực chất được sự thống nhất của cá nhân trong từng ban/đơn vị, công đoàn/đoàn thanh niên.

### Công tác tái cấu trúc

- » PVCFC đã xây dựng, báo cáo Tập đoàn về kế hoạch và phương án thoái vốn của Tập đoàn tại đơn vị. Hiện nay Tập đoàn đang trình Bộ Công Thương xem xét phương án thoái vốn tại PVCFC. Bên cạnh đó, Công ty đã tiến hành tái cấu trúc bộ máy, phù hợp với yêu cầu tình hình mới, đáp ứng mục tiêu phát triển trong giai đoạn tiếp theo.



### Công tác nghiên cứu và phát triển

Tiếp tục nghiên cứu các đề tài, sản phẩm mới theo định hướng chiến lược phát triển của công ty, giảm phụ thuộc vào sản phẩm Urê như:

- » Nghiên cứu thành công sản phẩm Urê+Bio với các tính năng vượt trội như giúp đất màu mỡ, tơi xốp và cây trồng dễ hấp thu dưỡng chất, nâng cao 5%-10% năng suất. Sản phẩm đã được Cục Bảo vệ Thực vật ra quyết định lưu hành (QĐ 1683/QĐ-BVTV-PB ngày 01/11/2018).
- » Xây dựng gói giải pháp dinh dưỡng cho cây lúa tại khu vực ĐBSCL: Nhằm tìm ra các công thức phân bón tối ưu cho cây lúa tại khu vực ĐBSCL, công ty đã tổ chức khảo nghiệm, thu thập kết quả, tổng hợp đưa ra một số công thức phân bón NPK phù hợp cho cây lúa trên các nhóm đất chính vùng ĐLSCL, tiến hành nghiệm thu và đưa bộ công thức NPK vào sản xuất thương mại.
- » Công ty đã được công nhận là đơn vị đủ tiêu chuẩn để tổ chức khảo nghiệm phân bón (QĐ 427/QĐ-BVTV-KH ngày 12/02/2018) do đó ngoài việc khảo nghiệm các sản phẩm tự nghiên cứu, PVCFC còn phát triển dịch vụ khảo nghiệm cho khách hàng, đối tác.



### Công tác quản lý chi phí, tiết kiệm/ tiết giảm

- » PVCFC thực hiện tốt công tác quản lý chi phí và giá thành sản phẩm thông qua việc giao kế hoạch chi phí chi tiết đến từng bộ phận để làm cơ sở kiểm soát, đánh giá việc thực hiện, sử dụng chi phí hợp lý.
- » Trong năm 2018 tổng số tiền tiết kiệm/tiết giảm được 34,40 tỷ đồng: Trong đó từ tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng là 20,27 tỷ đồng, từ công tác tiết kiệm/tiết giảm trong sử dụng vật tư thiết bị trong kho, mua mới vật tư thiết bị, từ tiết giảm chi phí vận hành/chi phí quản lý phân xưởng/chi phí quản lý chung là 5,83 tỷ đồng, từ tiết giảm đầu tư là 8,30 tỷ đồng).

### Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- » Với phương châm "Nhân viên khỏe - Doanh nghiệp mạnh" công ty tổ chức các chương trình đào tạo về chuyên môn, kỹ năng phục vụ công việc, đồng thời tạo điều kiện để nhân viên phát triển năng lực theo mô hình ASK (Thái độ - kỹ năng - kiến thức).
- » Công ty đã tổ chức 414 khóa đào tạo bên ngoài và nội bộ, với 6.815 lượt người, đạt 136% so với kế hoạch năm 2018, đạt 125% so với thực hiện cả năm 2017. Các khóa đào tạo hiệu quả nổi bật như: đào tạo 7 thói quen hiệu quả (7 habits); đào tạo ngoại khóa "Hiệu quả và trách nhiệm"; "Ứng dụng kỹ thuật Huấn luyện/Coaching để phát triển nhân viên, nâng cao năng suất, hiệu suất làm việc và xây dựng văn hóa doanh nghiệp".

### Công tác nhân sự, tiền lương và chế độ chính sách

- » Số lao động năm 2018 là 920 người bằng 94% so với KH năm 2018 (thấp hơn 58 người so với kế hoạch).
- » Công tác lao động - tiền lương: Rà soát chức năng nhiệm vụ của các ban, đơn vị. Công ty luôn quan tâm, chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực. Với mục tiêu xây dựng chính sách đãi ngộ tối ưu cho người lao động, từng bước cải thiện, môi trường làm việc, công ty đã hoàn thiện hệ thống KPI cho khối kinh doanh, tiến tới triển khai trong toàn công ty. Đồng thời, luôn tạo điều kiện để người lao động được phát huy năng lực, mở rộng cơ hội thăng tiến trong công việc, đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho người lao động.

### An toàn vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ

- » Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ: Hơn 7 năm qua, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật liên quan đến công tác an toàn - sức khỏe - môi trường qua đó giúp nhà máy vận hành liên tục ổn định và đảm bảo các điều kiện về an toàn. Nhà máy đưa hệ thống kiểm soát ra vào cổng tự động giúp công tác điều tiết ra/vào nhanh chóng, tăng cường giám sát và quản lý nhà thầu để đảm bảo an toàn, chất lượng cho các dự án đang triển khai. Trong năm công ty tiếp tục được tái cấp chứng nhận đạt các tiêu chuẩn về: ISO 9001, OHSAS 18001 và ISO 14001.



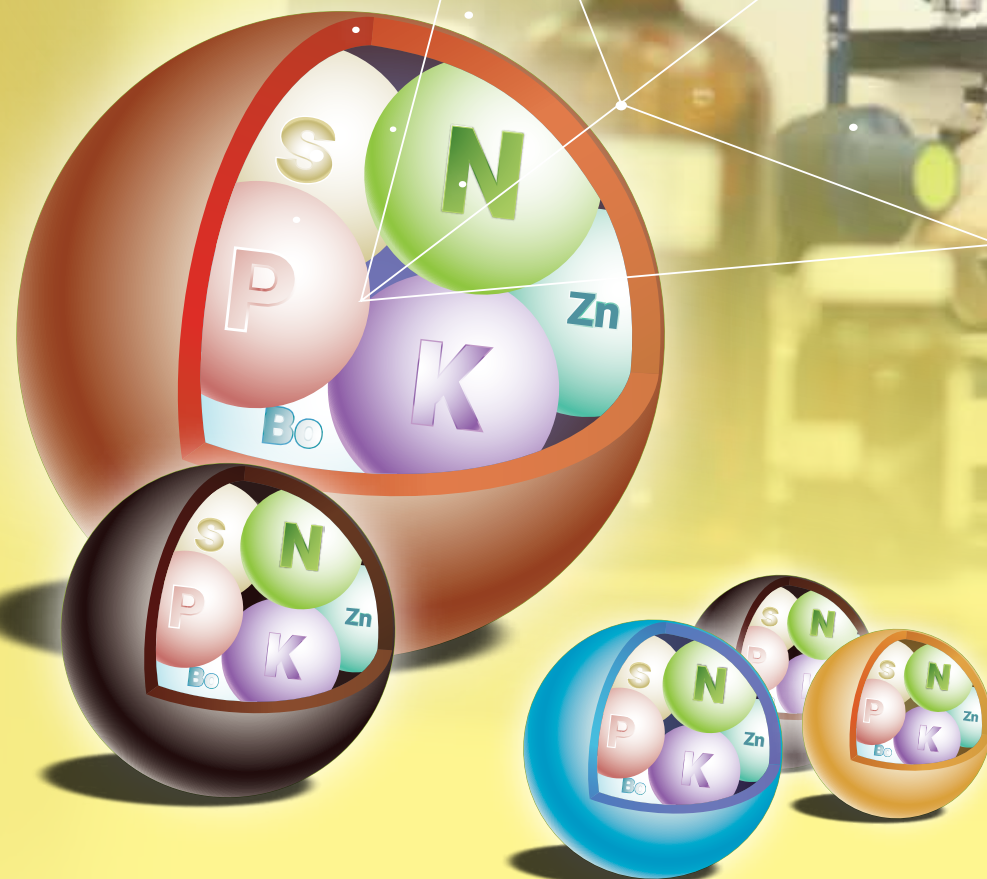
16-16-8+13S+TE

19-19-19 + TE

16-7-17 +TE

20-20-15 + TE

15+15+15+TE





Các chỉ tiêu  
TÀI CHÍNH NỔI BẬT 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

| Stt   | Hội đồng quản trị                                                 | Mã số | Thuyết minh | Năm 2018          | Năm 2017          |
|-------|-------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1.    | "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"                          | 01    | 25          | 6,827,333,782,705 | 5,832,973,328,808 |
| 2.    | Các khoản giảm trừ doanh thu                                      | 02    | 25          | 138,005,245,929   | 85,218,359,150    |
| 3.    | "Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)"      | 10    |             | 6,689,328,536,776 | 5,747,754,969,658 |
| 4.    | Giá vốn hàng bán                                                  | 11    | 26          | 5,252,270,494,230 | 4,366,452,519,088 |
| 5.    | "Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)"        | 20    |             | 1,437,058,042,546 | 1,381,302,450,570 |
| 6.    | Doanh thu hoạt động tài chính                                     | 21    | 28          | 176,153,015,449   | 168,762,736,688   |
| 7.    | Chi phí tài chính                                                 | 22    | 29          | 260,130,153,544   | 202,888,783,558   |
|       | - Trong đó: Chi phí lãi vay                                       | 23    |             | 142,052,771,852   | 182,986,530,390   |
| 8.    | Chi phí bán hàng                                                  | 25    | 30          | 336,114,695,573   | 333,600,305,285   |
| 9.    | Chi phí quản lý doanh nghiệp                                      | 26    | 30          | 320,103,363,112   | 337,350,868,958   |
| 10.   | "Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))" | 30    |             | 696,862,845,766   | 676,225,229,457   |
| 11.   | Thu nhập khác                                                     | 31    | 31          | 14,253,913,513    | 3,182,396,723     |
| 12.   | Chi phí khác                                                      | 32    | 31          | 4,918,116,503     | 82,492,494        |
| 13.   | Lợi nhuận khác (40=31-32)                                         | 40    | 31          | 9,335,797,010     | 3,099,904,229     |
| 14.   | "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)"                    | 50    |             | 706,198,642,776   | 679,325,133,686   |
| 15.   | "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành"                    | 51    | 32          | 45,721,096,790    | 40,882,128,966    |
| 16.   | "Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại"          | 52    |             | 1,418,130,142     | (2,933,704,537)   |
| 17.   | "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)"          | 60    |             | 659,059,415,844   | 641,376,709,257   |
|       | Trong đó:                                                         |       |             |                   |                   |
| 17.1. | Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ                                 | 61    |             | 656,144,950,729   | 637,879,025,730   |
| 17.2. | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát                    | 62    |             | 2,914,465,115     | 3,497,683,527     |
| 19.   | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                          | 70    | 33          | 1,114             | 1,074             |

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU 2018

| STT                                             | Chỉ tiêu                 | Năm 2016  | Năm 2017 | Năm 2018 |           | Tỷ lệ so sánh (%) |       |
|-------------------------------------------------|--------------------------|-----------|----------|----------|-----------|-------------------|-------|
|                                                 |                          |           |          | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN |                   |       |
| A                                               | B                        | C         | 1        | 2        | 3         | 4=2/3             | 5=3/1 |
| I CÁC CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG                       |                          |           |          |          |           |                   |       |
| 1                                               | Sản lượng sản xuất       |           |          |          |           |                   |       |
| -                                               | Đạm Cà Mau (Urê quy đổi) | Nghìn tấn | 851,08   | 751,09   | 812,61    | 108%              | 95%   |
| 2                                               | Sản lượng tiêu thụ       |           |          |          |           |                   |       |
| -                                               | Đạm Cà Mau (Urê quy đổi) | Nghìn tấn | 864,5    | 751,09   | 767,90    | 102%              | 89%   |
| -                                               | Tự doanh                 |           | 72,12    | 110      | 166,69    | 152%              | 231%  |
| II CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY (HỢP NHẤT)        |                          |           |          |          |           |                   |       |
| 1                                               | Tổng doanh thu           | Tỷ đồng   | 5.920    | 5.496    | 6.880     | 125%              | 116%  |
| 2                                               | Lợi nhuận trước thuế     | Tỷ đồng   | 679,33   | 684,62   | 706,15    | 103%              | 104%  |
| 3                                               | Lợi nhuận sau thuế       | Tỷ đồng   | 641,38   | 649,83   | 659,06    | 101%              | 103%  |
| 4                                               | Nộp NSNN                 | Tỷ đồng   | 86,18    | 57,81    | 151,08    | 265%              | 177%  |
| III CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ (Tỷ đồng) |                          |           |          |          |           |                   |       |
| 1                                               | Tổng doanh thu           | Tỷ đồng   | 5,915    | 5,473    | 6,879     | 122%              | 113%  |
| 2                                               | Lợi nhuận trước thuế     | Tỷ đồng   | 676,16   | 683,19   | 696,88    | 102%              | 103%  |
| 3                                               | Lợi nhuận sau thuế       | Tỷ đồng   | 639,44   | 649,17   | 650,40    | 100%              | 102%  |
| 4                                               | Tỷ suất LNTT/VDL         | Tỷ đồng   | 13%      | 13%      | 13%       | 102%              | 103%  |
| 5                                               | Giá trị thực hiện đầu tư | Tỷ đồng   | 161,95   | 735,68   | 453,19    | 62%               | 280%  |
| 6                                               | Nộp NSNN                 | Tỷ đồng   | 79,76    | 50,84    | 144,52    | 288%              | 183%  |



## Phân tích kết quả hoạt động, SẢN XUẤT KINH DOANH 2018



### VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY MẸ PVCFC

- » Sản lượng sản xuất Urê quy đổi ước đạt 812,61 nghìn tấn đạt 108% so với kế hoạch năm 2018, bằng 95% so cùng kỳ năm 2017.
- » Sản lượng tiêu thụ Urê quy đổi ước đạt 767,90 nghìn tấn đạt 102% so với kế hoạch năm 2018, bằng 89% so cùng kỳ năm 2017.
- » Tổng doanh thu ước đạt 6,879 tỷ đồng đạt 126% so với kế hoạch năm 2018, bằng 116% so cùng kỳ năm 2017.
- » Lợi nhuận trước thuế ước đạt 696,88 tỷ đồng đạt 102% so với kế hoạch năm 2018, bằng 103% so cùng kỳ năm 2017.
- » Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị ước thực hiện là 453,19 tỷ đồng đạt 62% so với kế hoạch năm 2018, bằng 280% so cùng kỳ năm 2017.

Công ty triển khai và hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu được ĐHCĐ giao, trong đó sản lượng sản xuất vượt kế hoạch do công suất vận hành trung bình cao hơn thiết kế, thời gian dừng máy ít hơn dự kiến. Sản lượng tiêu thụ vượt trội do nỗ lực trong công tác kinh doanh mở rộng thị trường, sản phẩm Đạm Cà Mau có uy tín, giá bán Urê tăng cao. Do vậy doanh thu và lợi nhuận đều hoàn thành vượt mức kế hoạch.



### VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CON CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM (PPC)

- » Nhà máy bao bì hoạt động ổn định với công suất đạt khoảng 98%; nhà máy phân bón hoạt động với công suất trung bình 50 tấn/ngày.
- » Sản lượng sản xuất bao bì ước là 21.529 nghìn bao đạt 100,3% so với kế hoạch năm 2018, bằng 114% so cùng kỳ năm 2017. Sản lượng sản xuất Phân bón ước là 7.728 tấn đạt 39% kế hoạch năm 2018, bằng 171% so cùng kỳ năm 2017.
- » Sản lượng tiêu thụ bao bì ước là 21.621 nghìn bao đạt 101% so với kế hoạch năm 2018, bằng 109% so cùng kỳ năm 2017. Sản lượng tiêu thụ Phân bón ước là 8.127 tấn đạt 41% kế hoạch năm 2018, bằng 233% so cùng kỳ năm 2017.
- » Tổng doanh thu ước là 236,61 tỷ đồng đạt 73% so với kế hoạch năm 2018, bằng 127% so cùng kỳ năm 2017. Tổng doanh thu không đạt kế hoạch chủ yếu do doanh thu từ nhà máy phân bón thấp.
- » Lợi nhuận sau thuế ước là 9,66 tỷ đồng đạt 132% so với kế hoạch năm 2018, bằng 135% so cùng kỳ năm 2017.

Nhìn chung công tác sản xuất kinh doanh bao bì vẫn ổn định. Công ty PPC tiếp tục nghiên cứu cải tiến chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhiều đối tượng khách hàng.



## Tình hình thị trường

# CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CUNG ỨNG

### TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Ngoài sản xuất kinh doanh sản phẩm Ure thương mại Đạm Cà Mau, PVCFC đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm phân bón khác như sản phẩm mới và sản phẩm tự doanh. Đối với Ure thương mại, các thị trường mục tiêu Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ và Campuchia vẫn bảo đảm tỷ trọng tiêu thụ trên 82% tổng sản lượng Ure do Nhà máy Đạm Cà Mau sản xuất, qua đó giúp duy trì thị phần ổn định tại các thị trường này. Về tự doanh, sản lượng tiêu thụ tăng trưởng gần 1,3 lần so với năm 2017 với sự đa dạng hóa không chỉ mặt hàng phân bón mà còn với nhiều chủng loại khác nhau. Đặc biệt, năm 2018, Công ty chú trọng đến công tác chuẩn bị thị trường cho sản phẩm NPK để từng bước giới thiệu những công thức phù hợp tới mạng lưới khách hàng ở các thị trường trọng điểm, tạo tiền đề cần thiết cho việc đưa sản phẩm của Nhà máy NPK đi vào hoạt động trong thời gian tới. Đối với sản phẩm mới, sản lượng tiêu thụ tăng trưởng 1,5 lần so với năm 2017 đã góp phần cải thiện doanh thu tiêu thụ của PVCFC trong năm 2018.

Trong năm 2018, Công ty tiếp tục chú trọng đến việc củng cố, tăng cường hơn nữa chất lượng của hệ thống phân phối các cấp, chứ không đơn thuần chỉ tập trung phát triển mạng lưới đại lý cấp 1 như trước đây. Để quản lý tốt mạng lưới, Công ty đã đưa vào vận hành chính thức hệ thống DMS nhằm tăng cường tương tác chặt chẽ hơn với các đại lý cấp 2, qua đó đã kịp thời hỗ trợ thiết thực cho các đại lý cấp 1 trong công tác quản lý hàng tồn kho, đặt hàng, đáp ứng nhu cầu kịp thời về các đơn hàng ở các thị trường.

Với việc tăng trưởng doanh số bán hàng cao hơn nhiều so với năm 2017, việc phát triển, mở rộng kênh phân

phối kịp thời theo nhu cầu kinh doanh ở từng thị trường là việc có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết. Để thực hiện tốt điều này, Công ty đã chủ động phân cấp, phân quyền cho đội ngũ quản lý tại các thị trường nhằm đề xuất bổ sung các đại lý mới có nhiều tiềm năng, uy tín, kinh nghiệm, khả năng cạnh tranh và mong muốn đồng hành lâu dài với Công ty.

Thông qua việc triển khai đồng bộ các giải pháp từ chính sách bán hàng linh hoạt, cạnh tranh, đặc biệt là công tác tiếp thị, truyền thông, các hoạt động xúc tiến bán hàng trực tiếp, triển khai các hoạt động hiệu quả tới nông dân đã và đang tạo nên những hiệu ứng tốt giúp cải thiện mạnh mẽ hiệu quả bán hàng của kênh phân phối nói riêng và tạo lập niềm tin vững chắc của đông đảo bà con nông dân nói chung trên phạm vi cả nước.

Trong công tác logistic, tiếp tục duy trì năng suất giao hàng ổn định với công suất tối đa cho khách hàng, giúp giảm thiểu thời gian chờ đợi nhận hàng ở cảng, nhanh chóng tổ chức đưa hàng kịp thời tới các thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó, để đáp ứng tối đa nhu cầu mùa vụ cho nông dân và kênh phân phối, PVCFC chủ động tìm kiếm, mở rộng hệ thống kho ở các thị trường nhằm đưa hàng kịp thời trước mỗi mùa vụ thực tế, đồng thời vẫn bảo đảm tiết giảm tối đa chi phí lưu kho, đáp ứng tối đa nhu cầu đa dạng của khách hàng ở các khu vực. Đặc biệt, để giảm thiểu chi phí logistic, PVCFC tiếp tục đàm phán với nhiều nhà cung ứng dịch vụ mới, có năng lực và kinh nghiệm để giảm đơn giá vận chuyển, lưu kho, nâng cao khả năng cạnh tranh trong hoạt động logistic của toàn hệ thống.



#### Thị phần Ure Cà Mau

| Khu vực     | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|-------------|----------|----------|----------|
| Tây Nam Bộ  | 58%      | 60%      | 60%      |
| Đông Nam Bộ | 24%      | 21%      | 25%      |
| Campuchia   | 38%      | 43%      | 35%      |



## Tình hình thị trường CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CUNG ỨNG (tiếp theo)

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ TĂNG  
TRƯỜNG SO VỚI NĂM 2017



1,5  
LẦN

### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG TƯƠNG LAI

Chiếm lĩnh và duy trì các thị trường trọng yếu trong nước, Campuchia cho bộ sản phẩm Đạm Cà Mau. Hoàn thiện đưa vào vận hành hệ thống quản lý kênh phân phối (DMS), hệ thống dịch vụ khách hàng trong năm 2018 (CSS/AgriOne), hệ thống Logistic.

Phát triển thương hiệu “Đạm Cà Mau - Hạt Ngọc Mùa Vàng” với bộ sản phẩm Đạm Cà Mau trong nhóm dẫn đầu ở thị trường trong nước và quen thuộc trong khu vực.

Thực hiện mục tiêu đa dạng hoá sản phẩm, tìm hiểu và khảo sát nhu cầu thị trường, phối hợp bộ phận nghiên cứu phát triển đưa ra thị trường các sản phẩm mới có tính khác biệt để tạo lợi thế trên thị trường.

## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

“ Năm 2019 là đánh dấu một năm đầy khó khăn thử thách đối với PVCFC như nguồn khí giảm, thời tiết bất thường do chu kỳ lặp lại của hiện tượng El Nino. Tuy nhiên bên cạnh đó không thiếu những cơ hội như giá bán đang trong chu kỳ đỉnh cao, thương hiệu uy tín và bộ máy tinh gọn, quản trị hiệu quả, PVCFC đã mạnh dạn đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm và các chỉ tiêu thách thức. ”

### NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

**1** Vận hành Nhà máy hiệu quả, an toàn, ổn định tối ưu công suất trong điều kiện thiếu khí. Triển khai nhanh đưa vào sử dụng các chương trình tối ưu hóa và tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả sản xuất. Đưa nhà máy NPK vào vận hành ổn định, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn theo công bố.

**2** Tiếp tục tập trung vào công tác xây dựng, phát triển hệ thống chuẩn bị và phát triển cho thị trường sản phẩm NPK đảm bảo hiệu quả.

**3** Thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa an toàn, đảm bảo chất lượng và tiến độ.

**4** Thực hiện thành công công tác tái cơ cấu PVCFC theo chỉ đạo của Tập đoàn tại Nghị quyết số 2617/NQ-DKVN ngày 31/12/2016 về việc Tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVCFC giai đoạn 2016-2020. Đồng thời triển khai thành công phương án thoái vốn một phần của PVN tại PVCFC (giảm tỷ lệ nắm giữ của PVN tại PVCFC xuống 51% Vốn điều lệ) theo Nghị quyết số 1982/NQ-DKVN ngày 03/10/2017 về việc chấp thuận thực hiện thoái vốn của PVN tại các đơn vị giai đoạn 2017-2020.

**5** Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của Công ty.

**6** Tiếp tục phát triển bộ sản phẩm thương hiệu “Đạm Cà Mau” theo hướng khác biệt hóa gắn liền hình ảnh “Người nuôi dưỡng”.

**7** Kiểm soát tiến độ, chất lượng và tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật, đặc biệt Dự án Nhà máy sản xuất phân bón phức hợp từ Urê nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm, thường xuyên đánh giá, cập nhật các yếu tố tác động, có giải pháp bảo đảm hiệu quả đầu tư lâu dài.

**8** Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa theo đúng quy định hiện hành.

**9** Hoàn thiện và đưa vào ứng dụng đồng bộ các công cụ, hệ thống quản trị tiên tiến, hiện đại. Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty.

**10** Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy định nội bộ cho phù hợp với các Luật, Nghị định và các văn bản mới có hiệu lực của Nhà nước, Tập đoàn và tình hình thực hiện của đơn vị.

**11** Tiếp tục xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.

### CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019 CỦA PVCFC

#### Chỉ tiêu sản lượng

| STT      | Chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Kế hoạch 2019 |
|----------|-----------------------------|-------------|---------------|
| <b>1</b> | <b>Sản lượng sản xuất</b>   |             |               |
| <b>1</b> | <b>Sản lượng sản xuất</b>   |             |               |
| 1.1      | Đạm Cà Mau (Urê quy đổi)    | Nghìn tấn   | 775           |
| -        | N46.Plus                    | Nghìn tấn   | 25            |
| 1.2      | NPK                         | Nghìn tấn   | 80            |
| <b>2</b> | <b>Sản lượng kinh doanh</b> |             |               |
| 2.1      | Đạm Cà Mau (Urê)            | Nghìn tấn   | 731           |
| 2.2      | N46.Plus                    | Nghìn tấn   | 25            |
| 2.3      | NPK                         | Nghìn tấn   | 60            |
| 2.4      | Phân bón tự doanh           | Nghìn tấn   | 185           |

#### Kế hoạch tài chính

| STT       | Chỉ tiêu                                       | Đơn vị tính | Kế hoạch 2019 |
|-----------|------------------------------------------------|-------------|---------------|
| <b>I</b>  | <b>Chỉ tiêu tài chính (Công ty hợp nhất)</b>   |             |               |
| 1         | Tổng doanh thu                                 | Tỷ đồng     | 6.940,6       |
| 2         | Lợi nhuận trước thuế                           | Tỷ đồng     | 255,7         |
| 3         | Lợi nhuận sau thuế                             | Tỷ đồng     | 240,6         |
| 4         | Nộp NSNN                                       | Tỷ đồng     | 55,42         |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu tài chính (Công ty mẹ)</b>         |             |               |
| 1         | Vốn chủ sở hữu                                 | Tỷ đồng     | 6.184         |
| -         | Trong đó: Vốn điều lệ                          | Tỷ đồng     | 5.294         |
| 2         | Tổng doanh thu                                 | Tỷ đồng     | 6.928,1       |
| 3         | Lợi nhuận trước thuế                           | Tỷ đồng     | 254,6         |
| 4         | Lợi nhuận sau thuế                             | Tỷ đồng     | 240,2         |
| 5         | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn CSHBQ         | %           | 4,0%          |
| 6         | Nộp NSNN                                       | Tỷ đồng     | 45,91         |
| <b>7</b>  | <b>Đầu tư XDCB và MS TTB</b>                   |             |               |
| 7.1       | Tổng mức đầu tư                                | Tỷ đồng     | 407           |
| -         | Đầu tư XDCB và Mua sắm tài sản, trang thiết bị | Tỷ đồng     | 407           |
| -         | Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên       | Tỷ đồng     | -             |
| 7.2       | Nguồn vốn đầu tư                               | Tỷ đồng     | 407           |
| -         | Vốn Chủ sở hữu                                 | Tỷ đồng     | 163,6         |
| -         | Vốn vay và khác                                | Tỷ đồng     | 243,4         |



## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 (tiếp theo)

### KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DÀI HẠN

“ Năm 2019 ngoài việc tập trung nguồn lực, hoàn thành đưa vào hoạt động hai dự án trọng tâm gồm “Dự án nhà máy sản xuất phân bón phức hợp từ Urê nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm” và “Dự án cảng nhập nguyên liệu công suất 500.000 tấn/năm”, Công ty tiếp tục nghiên cứu các dự án trên nền tảng công nghệ thông tin, tối ưu hóa tiết kiệm năng lượng cũng như giảm phụ thuộc vào nguồn khí.”



Xây dựng hệ thống kho chứa hợp lý để phát triển kinh doanh bao gồm kho đầu mối, kho trung chuyển và các kho phân phối. Hoàn thiện dự án Big Data, hệ thống báo cáo thông minh BI.

Do dự báo về sự thiếu hụt nguồn khí cho cụm Tây Nam Bộ từ sau năm 2018, PVCFC đã và đang tìm kiếm nhiều giải pháp giúp tiết giảm tiêu hao nguyên liệu, thay thế một phần nguyên liệu khí sử dụng cho các thiết bị phụ trợ như Dự án thu hồi khí flash gas (khí thải), Thay thế nguyên liệu lò hơi (biomass).

Ngoài ra PVCFC tiếp tục nỗ lực đa dạng hóa sản phẩm theo hướng phân bón hữu cơ chất lượng cao, phát triển bền vững, giảm phụ thuộc vào Urê. Công ty dự kiến đầu tư thêm một trại thực nghiệm để phát triển mảng dịch vụ khảo nghiệm. Từ đó cung cấp, hướng dẫn và chuyển giao cho nông dân các quy trình canh tác, giải pháp dinh dưỡng phù hợp cho từng loại cây trồng, nâng cao chất lượng nông sản và tăng năng suất, chống sự thoái hóa đất canh tác.

## GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN



## Về công tác quản trị Công ty

- » Giao mục tiêu, ngân sách cho từng ban/đơn vị/chi nhánh trong công ty. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát mọi mặt để kịp thời khắc phục các tồn tại nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đề ra.
- » Thành lập Ban Chỉ đạo và các tổ thực hiện chiến lược, chủ động nghiên cứu và đề xuất giải pháp, kiến nghị và sắp xếp nguồn lực để thực thi chiến lược phát triển theo định hướng phát triển.
- » Vận hành hiệu quả hệ thống báo cáo phân tích và quản trị doanh nghiệp (BI), hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp (Enterprise Risk Management) theo chuẩn COSO-ERM.



## Vận hành sản xuất

- » Duy trì và đảm bảo các nhà máy hoạt động sản xuất ổn định, an toàn và hiệu quả. Chuẩn bị nhân lực sẵn sàng tiếp nhận vận hành nhà máy NPK ngay khi nhận bàn giao từ nhà thầu.
- » Tiếp tục ứng dụng các phần mềm điều khiển hỗ trợ trong công tác quản lý công tác vận hành, bảo dưỡng Nhà máy (APC, OTS...).
- » Tiếp tục triển khai và áp dụng chương trình Total Productive Maintenance (TPM) nhằm tối đa hóa hiệu suất thiết bị, nâng cao năng suất toàn diện.



## Kinh doanh và phát triển thị trường

- » Chiếm lĩnh và duy trì các thị trường trọng yếu trong nước, Campuchia cho bộ sản phẩm Đạm Cà Mau. Hoàn thiện đưa vào vận hành hệ thống quản lý kênh phân phối (DMS), hệ thống dịch vụ khách hàng trong năm 2018 (CSS/AgriOne), hệ thống Logistic.
- » Phát triển thương hiệu “Đạm Cà Mau - Hạt Ngọc Mùa Vàng” với bộ sản phẩm Đạm Cà Mau trong nhóm dẫn đầu ở thị trường trong nước và quen thuộc trong khu vực.
- » Thực hiện mục tiêu đa dạng hoá sản phẩm, tìm hiểu và khảo sát nhu cầu thị trường, phối hợp bộ phận nghiên cứu phát triển đưa ra thị trường các sản phẩm mới có tính khác biệt để tạo lợi thế trên thị trường.



## Nhân sự và đào tạo

- » Xây dựng và hoàn thiện bộ KPIs cho toàn công ty trong năm 2019.
- » Xây dựng phương án Quản trị nhân tài để phát hiện/ bồi dưỡng chăm lo cho đội ngũ nhân tài phù hợp với chiến lược phát triển Công ty.
- » Phát triển dịch vụ đào tạo vận hành, bảo dưỡng, chạy thử và quản lý chất lượng cho các nhà máy tương tự.
- » Tiếp tục triển khai đề án “Tái tạo văn hóa PVCFC” giai đoạn 05 năm 2016 - 2020 nhằm hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp nâng cao uy tín, hình ảnh của công ty.



## Nghiên cứu khoa học công nghệ

- » Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoàn thiện cơ sở vật chất cho các mô hình nông nghiệp công nghệ cao; khu thí nghiệm và khảo nghiệm phân bón; khu canh tác nông nghiệp khép kín, khu trình diễn hội thảo tập huấn...
- » Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu đa dạng hóa các dòng sản phẩm mới, dòng phân bón thông minh, thân thiện môi trường phù hợp với định hướng chiến lược.
- » Phát triển các dịch vụ và tư vấn liên quan đến nông nghiệp, tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp an toàn (dịch vụ phân tích đất và phân bón; khảo nghiệm phân bón; quy trình canh tác cây trồng theo bộ sản phẩm phân bón, kỹ thuật và vật tư nông nghiệp; nhà cung cấp và triển khai giải pháp công nghệ cao...).
- » Tiếp tục triển khai các đề tài, sáng kiến và cải tiến mang lại lợi ích cho công ty.



## Quản trị vốn, tài sản và đầu tư

- » Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, tái cấu trúc nợ vay, giảm rủi ro do biến động tỷ giá. Tập trung thúc đẩy các dự án đầu tư trên cơ sở kiểm soát tốt chi phí, tiến độ và chất lượng. Tối ưu hóa cấu trúc tài trợ, sử dụng nguồn vốn hiệu quả.
- » Kiểm soát tiến độ và tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật, đặc biệt Dự án Nhà máy sản xuất phân bón phức hợp từ Urê nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm.



## Về môi trường, an toàn và sức khỏe

- » Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật liên quan đến công tác an toàn - sức khỏe - môi trường.
- » Vận hành hiệu quả hệ thống Quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 9001, OHSAS 18001 và ISO 14001.



TÂM THỂ  
**SẴN SÀNG**

PHẦN **4**

**BÁO CÁO CÔNG TÁC  
QUẢN TRỊ**





## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau đã bước qua năm 2018 với nhiều thuận lợi cũng như khó khăn, thách thức. Những thuận lợi khách quan về: Thị trường phân bón tăng trưởng, giá phân bón nội địa tăng khoảng 16% so với năm 2017; Thời tiết trong nước trong năm diễn biến thuận lợi cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, đã hỗ trợ rất nhiều cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy vậy những bất lợi từ sự thiếu ổn định về nguồn nguyên/nhiên liệu (khí, điện); Tỷ giá USD/VNĐ biến động làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị; Áp lực cạnh tranh từ phân bón nhập khẩu vẫn ở mức cao cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với tâm thế chủ động, HĐQT và Ban điều hành với nỗ lực và quyết tâm cao đã đề ra các giải pháp và chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao.



**TỔNG DOANH THU TĂNG TRƯỞNG  
VƯỢT BẬC ĐẠT**  
**125%**  
**SO VỚI NĂM 2017**

### VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

**Công ty đã duy trì vận hành nhà máy Đạm Cà Mau an toàn, ổn định; sản lượng sản xuất đạt 108%, tiêu thụ Urê đạt 102%, tổng doanh thu tăng trưởng vượt bậc đạt 125%, lợi nhuận trước thuế đạt 102% so với KH năm 2018 và qua đó đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ giao, cụ thể:**

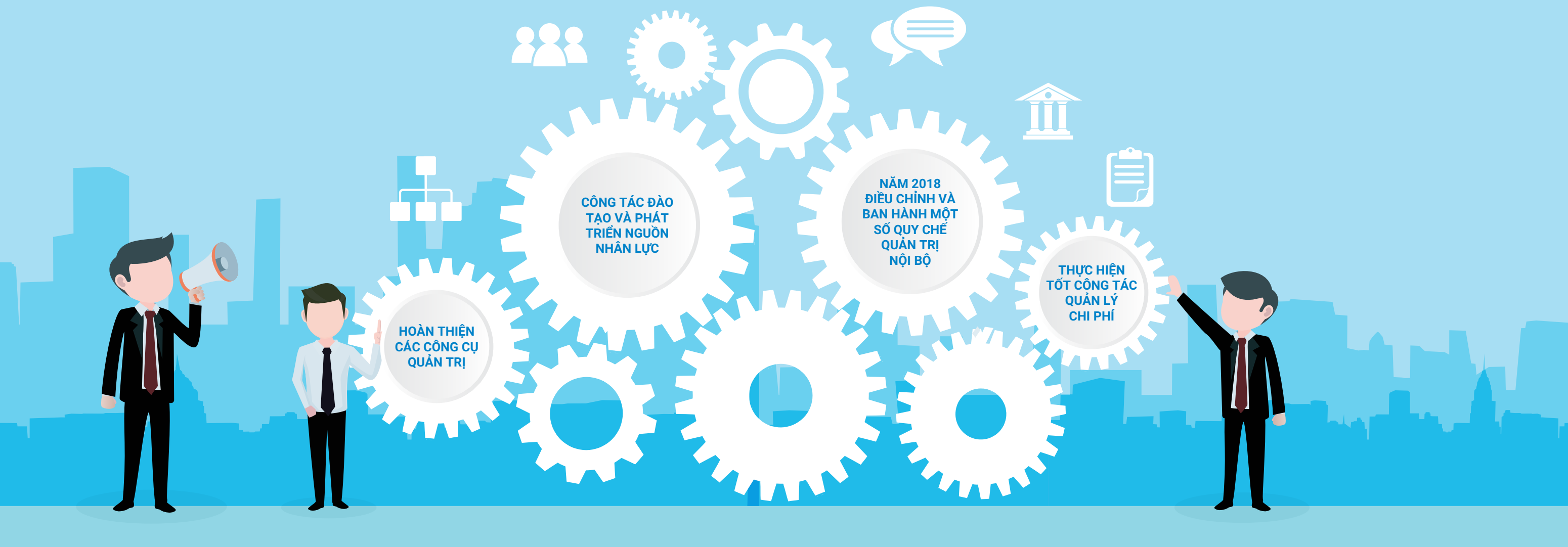
| STT                                             | Chỉ tiêu                 | ĐVT       | TH năm 2017 | Năm 2018 |           | Tỷ lệ so sánh (%) |       |
|-------------------------------------------------|--------------------------|-----------|-------------|----------|-----------|-------------------|-------|
|                                                 |                          |           |             | Kế hoạch | Thực hiện |                   |       |
| A                                               | B                        | C         | 1           | 2        | 3         | 4=3/2             | 5=3/1 |
| <b>I CÁC CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>                |                          |           |             |          |           |                   |       |
| 1                                               | Sản lượng sản xuất       |           |             |          |           |                   |       |
| -                                               | Đạm Cà Mau (Urê quy đổi) | Nghìn tấn | 851,08      | 751,09   | 812,61    | 108%              | 95%   |
| 2                                               | Sản lượng tiêu thụ       |           |             |          |           |                   |       |
| -                                               | Đạm Cà Mau (Urê quy đổi) | Nghìn tấn | 864,5       | 751,09   | 767,90    | 102%              | 89%   |
| -                                               | Tự doanh                 |           | 72,12       | 110      | 166,69    | 152%              | 231%  |
| <b>II CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY (HỢP NHẤT)</b> |                          |           |             |          |           |                   |       |
| 1                                               | Tổng doanh thu           | Tỷ đồng   | 5.920       | 5.496    | 6.880     | 125%              | 116%  |
| 2                                               | Lợi nhuận trước thuế     | Tỷ đồng   | 679,33      | 684,62   | 706,15    | 103%              | 104%  |
| 3                                               | Lợi nhuận sau thuế       | Tỷ đồng   | 641,38      | 649,83   | 659,06    | 101%              | 103%  |

### VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐÃ ĐỀ RA

#### Công tác chiến lược, kế hoạch:

- Năm 2018 Công ty đã xây dựng bộ Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn sau năm 2018 và hiện đang thực hiện việc lấy ý kiến hoàn thiện trước khi báo cáo thông qua trước ĐHĐCĐ.
- Đã cùng với PVN thực hiện việc xây dựng kế hoạch, phương án thoái vốn của PVN tại PVCFC theo phương án Tái cấu trúc được Chính phủ phê duyệt. Bên cạnh đó, Công ty cũng lên kế hoạch xây dựng phương án tái cấu trúc nhằm tinh gọn bộ máy và phân bổ nguồn lực hợp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.
- Giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và xây dựng kế hoạch 2019 đảm bảo hiệu quả đề ra. Công ty đã từng bước thực hiện tốt công tác phát triển thị trường, chuẩn bị sẵn sàng cho việc bán sản phẩm của nhà máy NPK trong năm 2019.
- Các dự án đầu tư trong năm 2018 đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ và tuân thủ quy định pháp luật. Dự án sản xuất phân bón phức hợp từ Urê nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm (NPK) dự kiến hoàn thành đưa vào vận hành trong quý II/2019. Dự án Cảng nhập nguyên liệu dự kiến hoàn thành đưa vào vận hành đồng bộ với dự án NPK.
- Công tác nghiên cứu các sản phẩm chiến lược nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của công ty được chú trọng thực hiện. Năm 2018 Công ty đã được công nhận là đơn vị đủ tiêu chuẩn để tổ chức khảo nghiệm phân bón; tiếp tục nghiên cứu và đa dạng các sản phẩm từ Urê, được Cục Bảo vệ Thực vật công nhận sản phẩm Urê bổ sung trung vi lượng với các tính năng vượt trội; Nghiên cứu xây dựng gói giải pháp dinh dưỡng cho cây lúa tại khu vực ĐBSCL.
- Triển khai các chương trình tối ưu hóa và tiết kiệm năng lượng theo chiến lược về giảm phụ thuộc vào nguồn khí. Đã đàm phán mua khí permeate gas (nguồn khí thải từ nhà máy GPP), lượng khí này sẽ thay thế 3% nhu cầu khí cho Nhà máy Đạm Cà Mau, giúp duy trì công suất cao hơn lượng khí được phân bổ.
- Hỗ trợ công ty con (PPC) trong việc xây dựng chiến lược, công tác quản trị nhằm phát huy hết tiềm năng và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Nhìn chung công tác sản xuất kinh doanh bao bì vẫn ổn định. PPC đã chủ động hơn trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, sản xuất các chủng loại sản phẩm phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng.





#### Công tác quản trị:

- » Hoàn thiện các công cụ quản trị từ sản xuất, phân phối, quản trị tài chính đến quản trị rủi ro, cụ thể: đã hoàn thành lắp đặt và đưa vào hoạt động hệ thống đào tạo vận hành (OTS), hệ thống quản lý năng suất toàn diện (TPM), xây dựng báo cáo phân tích và quản trị doanh nghiệp BI, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp theo chuẩn COSO-ERM giai đoạn 2, vận hành triển khai mở rộng hệ thống DMS cho toàn hệ thống phân phối.
- » Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho vai trò quản lý và chuyên môn để tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty đã tiếp tục được quan tâm thực hiện. Công ty đã triển khai ứng dụng kỹ thuật huấn luyện (Coaching) để phát triển nhân viên, nâng cao năng suất, hiệu suất làm việc.
- » Năm 2018 Công ty đã điều chỉnh và ban hành một số Quy chế quản trị nội bộ như Quy chế quản lý nợ, Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền, Quy chế Quản trị Rủi ro và Tuyên ngôn về Khẩu vị rủi ro, Mức độ chấp nhận rủi ro và Thước đo rủi ro, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ, Quy chế quản lý hoạt động sáng kiến, sáng chế.
- » Thực hiện tốt công tác quản lý chi phí, xây dựng chương trình hành động thực hiện tiết kiệm chống lãng phí. Năm 2018 Công ty đã tiết kiệm, tiết giảm được 34,40 tỷ đồng.

Bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD thì trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng được PVCFC nhận định là một trong những ưu tiên hàng đầu. Nhận thức rõ vấn đề An toàn và môi trường là vấn đề sống còn của doanh nghiệp, từ khi thành lập đến nay, PVCFC luôn thể hiện trách nhiệm cao trong việc cố gắng tuân thủ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về môi trường. PVCFC đã và đang triển khai công tác bảo vệ môi trường theo hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 14001, OHSAS 18001. Với định hướng phát triển bền vững, PVCFC tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm, phát triển những dòng sản phẩm có hiệu quả, thân thiện với môi trường.

Ngoài ra, với phương châm phát triển sản xuất kinh doanh phải gắn liền với công tác an sinh xã hội, năm 2018 PVCFC vẫn tiếp tục triển khai nhiều hoạt động An sinh xã hội có ý nghĩa thể hiện vai trò và trách nhiệm đối với cộng đồng. Trong 8 năm qua, PVCFC đã dành trên 325 tỷ đồng cho các chương trình như tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo học giỏi, xây dựng trường học, trạm y tế,...Ngoài ra các chương trình đồng hành cùng nhà nông, xây dựng website 2nong.vn được PVCFC thực hiện cũng với mục tiêu đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với khách hàng, đối tác và cộng đồng xã hội.

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN TGD

Ban TGD thực hiện chức năng trực tiếp điều hành hoạt động SXKD trên cơ sở các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ. Theo đó, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động điều hành của Ban TGD như sau:



### PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT:

- » Giám sát quá trình lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- » Tham dự các cuộc họp thường kỳ của BĐH về hoạt động SXKD và giao ban định kỳ hàng tháng/quý nhằm kịp thời hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban TGD, bộ máy giúp việc cho Ban TGD và Người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.
- » Kết hợp với Ban Kiểm soát trong việc kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động SXKD thực tế của Công ty, thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành.

### KẾT QUẢ GIÁM SÁT:

Năm 2018, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc (TGD) đã hoàn thành tốt vai trò điều hành SXKD, nỗ lực hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể như sau:

- » Đã quản lý, điều hành hoạt động SXKD với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ các quy trình, quy định trong hoạt động điều hành Công ty theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị doanh nghiệp cũng như các quy định của Pháp luật có liên quan.
- » Không ngừng cải tiến nâng cao năng lực quản trị, kịp thời điều chỉnh, cập nhật các quy trình liên quan đến hoạt động của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế SXKD.
- » Việc triển khai thực hiện các mục tiêu chiến lược được thực hiện bài bản theo lộ trình với các giải pháp cụ thể, sẵn sàng chuẩn bị cho những tình huống bất lợi hay các rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.
- » Thường xuyên rà soát các dự án đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai đúng tiến độ phê duyệt, an toàn và hiệu quả.



## ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019

Năm 2019 sẽ là một năm đầy khó khăn thử thách đối với hoạt động SXKD của PVCFC, trước những bất lợi về việc suy giảm nguồn khí, thời tiết bất thường theo dự báo chu kỳ lặp lại của hiện tượng El Nino, cơ chế giá khí không còn được áp dụng như những năm trước đây,... HĐQT cùng với Ban điều hành đã xác định những nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện như sau:

- » Thực hiện đồng bộ, kịp thời các giải pháp nhằm hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2019 được ĐHĐCĐ giao.
- » Triển khai thực hiện tái cơ cấu tổ chức Công ty, sắp xếp bộ máy tổ chức tinh gọn, cắt giảm tối đa chi phí song song với việc phân bổ nguồn lực hợp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động.
- » Tiếp tục phối hợp với PVN triển khai thành công phương án thoái vốn một phần của PVN tại PVCFC (giảm tỷ lệ nắm giữ của PVN tại PVCFC xuống 51% Vốn điều lệ).
- » Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của Công ty.
- » Kiểm soát tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư, đưa vào vận hành nhà máy sản xuất phân bón phức hợp từ Urea nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm và dự án cảng nhập nguyên liệu 500.000 tấn/năm trong quý II/2019.
- » Nâng cao năng lực quản trị Công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững cho Công ty.
- » Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty. Thường xuyên rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy định nội bộ cho phù hợp với các Luật, Nghị định và các văn bản mới có hiệu lực của Nhà nước, Tập đoàn và tình hình thực hiện của đơn vị.
- » Tiếp tục xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị năm 2018

Đến thời điểm 31/12/2018, cơ cấu HĐQT Công ty gồm có 05 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc, 02 Ủy viên chuyên trách và 01 Ủy viên độc lập.

| Stt             | Hội đồng quản trị | Chức vụ          | Số cổ phần đại diện | Số cổ phần sở hữu | Ghi chú                            |
|-----------------|-------------------|------------------|---------------------|-------------------|------------------------------------|
| 1               | Trần Ngọc Nguyên  | Chủ tịch HĐQT    | 135.323.057         | 0                 | CT HĐQT từ ngày 10/01/2019         |
| 2               | Văn Tiến Thanh    | Ủy viên kiêm TGD | 105.880.000         | 0                 | Tham gia HĐQT từ ngày 12/06/2018   |
| 3               | Trần Mỹ           | Ủy viên          | 79.410.000          | 2.900             |                                    |
| 4               | Trần Chí Nguyễn   | Ủy viên          | 79.410.000          | 1.600             | Kiểm Chủ tịch HĐQT PPC             |
| 5               | Nguyễn Đức Thành  | Chủ tịch         | 0                   | 8.100             | Thôi là UV HĐQT từ ngày 12/06/2018 |
| UVHĐQT từ nhiệm |                   |                  |                     |                   |                                    |
| 1               | Bùi Minh Tiến     | Ủy viên          |                     | 52.000            | Thôi là UV HĐQT từ ngày 10/01/2019 |
| 2               | Trần Thị Bình     | Ủy viên độc lập  | 0                   | 0                 | Từ nhiệm từ ngày 18/01/2019.       |

Ngoài UVHĐQT Trần Chí Nguyễn kiêm nhiệm chủ tịch HĐQT của công ty con PPC, các thành viên HĐQT còn lại không nắm giữ các chức vụ quản lý, điều hành tại các công ty khác liên quan; không sở hữu chéo đối với nhà cung

cấp hoặc các bên liên quan.

Thay đổi trong Hội đồng quản trị trong năm 2018

- » Ngày 12/6/2018, ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Đức Thành vì lý do nghỉ hưu theo chế độ và bầu bổ sung ông Văn Tiến Thanh giữ chức thành viên HĐQT Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau.
- » Ngày 12/6/2018, HĐQT đã họp và nhất trí bầu ông Bùi Minh Tiến giữ chức Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm ông Văn Tiến Thanh làm Tổng giám đốc công ty.
- » Ngày 10/01/2019 tại phiên họp ĐHĐCĐ bất thường, ĐHĐCĐ đã bầu ông Trần Ngọc Nguyên tham gia HĐQT thay ông Bùi Minh Tiến từ nhiệm để chuyển công tác khác. Ông Nguyễn được HĐQT thống nhất bầu giữ chức chủ tịch HĐQT.
- » UVHĐQT độc lập Trần Thị Bình đã gửi đơn xin từ nhiệm từ ngày 18/01/2019.



Hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên

- » Hoạt động của HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với Quy định của pháp luật, Điều lệ và có phân công cụ thể cho các thành viên chuyên trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trước khi HĐQT ra quyết định.
- » HĐQT đã tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 12/6/2018 và báo cáo xin ý kiến ĐHĐCĐ về các vấn đề thuộc thẩm quyền. ĐHĐCĐ đã diễn ra theo đúng trình tự quy định đối với công ty niêm yết.
- » Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018, HĐQT đã hoàn thiện hoạt động quản trị phù hợp với Quy chế quản trị Công ty đại chúng, ngày càng nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác quản trị.
- » Thường xuyên xem xét đảm bảo rằng các hoạt động của công ty phù hợp với chiến lược phát triển công ty.
- » Trong năm 2018, HĐQT đã tiến hành 11 cuộc họp định kỳ và đột xuất dưới hình thức trực tiếp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành đúng theo Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, quyết định đã tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng và thực thi kế hoạch SXKD, rà soát việc thực hiện chiến lược, các dự án đầu tư trọng điểm.

Bên cạnh đó, HĐQT cũng đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Trong năm 2018 HĐQT đã ban hành 137 văn bản, trong đó có một số nghị quyết, quyết định quan trọng như sau:

| Stt | Số ký hiệu    | Ngày văn bản | Trích yếu                                                                                                                  |
|-----|---------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 07/NQ-PVCFC   | 03/01/2018   | Phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty                                                      |
| 2   | 29/NQ-PVCFC   | 09/01/2018   | Thông qua Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty                                                        |
| 3   | 44/QĐ-PVCFC   | 11/01/2018   | Phê duyệt chủ trương ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa PVCFC và Tập đoàn Agrifert Malaysia                              |
| 4   | 48/NQ-PVCFC   | 12/01/2018   | Phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC)                |
| 5   | 83/QĐ-PVCFC   | 18/01/2018   | Phê duyệt Kế hoạch mua sắm Đơn hàng số 31/2018 "Cung cấp bao bì năm 2018"                                                  |
| 6   | 86/NQ-PVCFC   | 20/01/2018   | Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông (Lấy ý kiến bằng văn bản)                                                                  |
| 7   | 272/NQ-PVCFC  | 08/02/2018   | Tạm phê duyệt định hướng Chiến lược phát triển Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau                                     |
| 8   | 310/QĐ-PVCFC  | 27/02/2018   | Thành lập Ban triển khai thực hiện chiến lược phát triển Công ty                                                           |
| 9   | 341/QĐ-PVCFC  | 02/03/2018   | Phê duyệt kế hoạch và nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018                                                       |
| 10  | 344/QĐ-PVCFC  | 02/03/2018   | Ban hành "Quy chế mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ" sửa đổi lần 2                                                          |
| 11  | 387/QĐ-PVCFC  | 07/03/2018   | Phê duyệt chủ trương ký kết Hợp đồng cung cấp nguyên liệu Agrho N Dual Protect B của Solvay để sản xuất sản phẩm N46. Plus |
| 12  | 461/NQ-PVCFC  | 16/03/2018   | Phê duyệt thời gian, địa điểm và nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018                                    |
| 13  | 755/NQ-PVCFC  | 19/04/2018   | Phiên họp Hội đồng quản trị quý I/2018                                                                                     |
| 14  | 793/NQ-PVCFC  | 26/04/2018   | Thông qua Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018 của Công ty                                            |
| 15  | 1139/QĐ-PVCFC | 30/05/2018   | Phê duyệt và ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ an sinh xã hội của Công ty                                            |
| 16  | 1147/QĐ-PVCFC | 31/05/2018   | Chấp thuận triển khai thực hiện và ký hợp đồng mua bán khí Permeatgas từ Nhà máy GPP Cà Mau                                |
| 17  | 1196/NQ-PVCFC | 12/06/2018   | Nghị quyết Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018                                                             |
| 18  | 1197/NQ-PVCFC | 12/06/2018   | Nghị quyết bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Ông Bùi Minh Tiến                                                        |
| 19  | 1198/QĐ-PVCFC | 12/06/2018   | Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty Ông Văn Tiến Thanh                                                                          |
| 20  | 1201/QĐ-PVCFC | 18/06/2018   | Ban hành Quy chế quản trị Công ty                                                                                          |
| 21  | 1242/QĐ-PVCFC | 18/06/2018   | Phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn trong Hội đồng quản trị Công ty                                           |
| 22  | 1333/QĐ-PVCFC | 28/06/2018   | Phê duyệt và ban hành Quy chế Quản trị Rủi ro và Tuyên ngôn về Khẩu vị rủi ro, Mức độ chấp nhận rủi ro và Thước đo rủi ro  |

| Stt | Stt | Số ký hiệu    | Ngày văn bản | Trích yếu                                                                                                                                                                                                    |
|-----|-----|---------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | 23  | 1342/NQ-PVCFC | 28/06/2018   | Nghị quyết phiên họp Hội đồng quản trị quý II/2018                                                                                                                                                           |
|     | 24  | 1352/QĐ-PVCFC | 29/06/2018   | Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018                                                                                                                                                                      |
|     | 25  | 1591/NQ-PVCFC | 26/07/2018   | Tình hình tái cấu trúc công ty; tái cấu trúc nguồn vốn vay; định hướng xây dựng KH 2019; kiện toàn nhân sự Ban triển khai thực hiện chiến lược; xem xét phê duyệt một số tờ trình của TGD và các vấn đề khác |
|     | 26  | 1653/QĐ-PVCFC | 02/08/2018   | Thực hiện thanh toán cổ tức năm 2017 bằng tiền cho cổ đông                                                                                                                                                   |
|     | 27  | 1807/QĐ-PVCFC | 16/08/2018   | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Bảo hiểm vận hành Nhà máy Đạm Cà Mau thời hiệu 2018-2020"                                                                                                      |
|     | 28  | 1831/QĐ-PVCFC | 20/08/2018   | Phê duyệt và Ban hành Quy chế quản lý nợ của Công ty                                                                                                                                                         |
|     | 29  | 1864/QĐ-PVCFC | 22/08/2018   | Phê duyệt và ban hành "Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền của Công ty"                                                                                                                                 |
|     | 30  | 1869/QĐ-PVCFC | 23/08/2018   | Phê duyệt danh sách tổ chức tín dụng và hạn mức tiền gửi từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/6/2019 theo Quy chế quản lý vốn bằng tiền của Công ty                                                                 |
|     | 31  | 1932/QĐ-PVCFC | 31/08/2018   | Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ                                                                                                                                                     |
|     | 32  | 1933/QĐ-PVCFC | 31/08/2018   | Ban hành Quy chế quản lý hoạt động sáng kiến, sáng chế                                                                                                                                                       |
|     | 33  | 2098/QĐ-PVCFC | 28/09/2018   | Tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ Ông Phạm Văn Bắc (Phó Tổng Giám đốc)                                                                                                                                            |
|     | 34  | 2367/QĐ-PVCFC | 12/11/2018   | Ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng                                                                                                                                                                        |
|     | 35  | 2402/QĐ-PVCFC | 16/11/2018   | Phiên họp Hội đồng quản trị tháng 11                                                                                                                                                                         |
|     | 36  | 2403/QĐ-PVCFC | 16/11/2018   | Định hướng chiến lược công nghệ thông tin giai đoạn 2018-2022                                                                                                                                                |
|     | 37  | 2568/QĐ-PVCFC | 05/12/2018   | Phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019                                                                                                                                          |
|     | 38  | 2686/QĐ-PVCFC | 13/12/2018   | Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty năm 2019                                                                                                                                                      |
|     | 39  | 2712/QĐ-PVCFC | 17/12/2018   | Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty (Ông Hoàng Trọng Dũng)                                                                                                                                          |
|     | 40  | 2785/QĐ-PVCFC | 25/12/2018   | Phê duyệt hợp đồng khung cung cấp xúc tác và dịch vụ kỹ thuật giữa PVCFC và Haldor Topsoe                                                                                                                    |
|     | 41  | 2838/QĐ-PVCFC | 28/12/2018   | Tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ Bà Nguyễn Thị Hiền (Phó Tổng Giám đốc)                                                                                                                                          |

HĐQT đã phân công cho từng thành viên HĐQT phụ trách chuyên môn cho từng lĩnh vực cụ thể. Trong năm 2018, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 29/NQ-PVCFC ngày 09/01/2018 thông qua kế hoạch hoạt động của HĐQT, qua đó phân công cho từng thành viên rà soát các chốt trọng yếu (về định hướng chiến lược, hoạt động tài chính, tuân thủ và quản lý rủi ro, công tác đầu tư, kiểm soát định mức...). Căn cứ vào nhiệm vụ kế hoạch được phân công tất cả các thành viên HĐQT Công ty đều đã thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo các mặt hoạt động của công ty được thông suốt và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ.





#### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các tiểu ban

Thành viên HĐQT độc lập của PVCFC có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, có năng lực chuyên môn phù hợp với các yêu cầu của Công ty cũng như trong lĩnh vực được phân công.

Theo phân công nhiệm vụ, thành viên HĐQT độc lập phụ trách công tác chiến lược phát triển dài hạn, công tác định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Các ý kiến đóng góp của thành viên HĐQT độc lập trong lĩnh vực được phân công trong năm 2018 đã thể hiện được vai trò, trách nhiệm cao, đảm bảo sự khách quan và độc lập.

Theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 về quản trị công ty, điều lệ và quy chế quản trị PVCFC thì việc thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT là không bắt buộc. Do vậy, đến thời điểm hiện tại, cần cứ nhu cầu quản trị thực tế, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

#### Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức về quản trị Công ty

Tất cả các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát và các bộ phận liên quan đều đã được đào tạo về quản trị công ty.

HĐQT, BDH đã cử đại diện tham gia các lớp tập huấn, các buổi hội thảo... về công tác quản trị công ty, các thông lệ tốt về quản trị công ty trong khu vực và thế giới do Sở giao dịch chứng khoán TPHCM (HOSE), Deloitte, IFC .... phối hợp tổ chức.

#### Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và cổ đông lớn và người liên quan:

| Stt | Người thực hiện giao dịch                                     | Quan hệ với cổ đông nội bộ/Cổ đông lớn                        | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2018) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2018) | Tăng/giảm |
|-----|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------|-----------|
| 1   | Trịnh Cam Ly                                                  | Vợ/Nguyễn Tuấn Anh - PTGD                                     | 23,000                                 | 0                                       | -23,000   |
| 2   | Ông Hoàng Trọng Dũng                                          | Phó Tổng Giám đốc Công ty                                     | 31,600                                 | 0                                       | -31,600   |
|     | Ông Nguyễn Đức Thành                                          | Hiện không giữ chức vụ quản lý, đang chờ nghỉ hưu theo chế độ | 8,100                                  | 28,100                                  | 20,000    |
| 1   | Ông Bùi Minh Tiến                                             | Chủ tịch HĐQT                                                 | 52,000                                 | 72,000                                  | 20,000    |
| 2   | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam | Cổ đông lớn                                                   | 45,174,690                             | 45,103,690                              | -71,000   |

Công ty không có thông tin về cổ phần gián tiếp của Cổ đông lớn và người nội bộ.

#### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2018 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

#### Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

HĐQT đã sửa đổi, cập nhật Quy chế quản trị nội bộ và bổ nhiệm ông Đỗ Thành Hưng làm người phụ trách quản trị công ty theo quy định của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy tắc quản trị theo quy chế và các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

#### Bổ nhiệm cán bộ:

Trong năm, HĐQT đã ra quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm ông Phạm Văn Bắc làm Phó tổng giám đốc công ty.

- Tháng 12/2018 Công ty đã miễn nhiệm chức vụ PTGD đối với ông Hoàng Trọng Dũng.

- Tháng 12/2018, Công ty đã tiếp nhận và bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hiền làm Phó Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 01/01/2019.

#### Về chi phí hoạt động:

Các thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Công ty sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các Quy chế của công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, Quy chế về chế độ công tác phí, Chính sách nhân viên... và được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2018

| STT         | Họ và tên                 | Chức danh                   | Tiền lương, thù lao | Tiền thưởng     | Tổng cộng       | Ghi chú                |
|-------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------|-----------------|------------------------|
| <b>I.</b>   | <b>Hội đồng quản trị:</b> |                             | <b>6.770,12</b>     | <b>1.024,59</b> | <b>7.794,71</b> |                        |
| 1.          | Nguyễn Đức Thành          | Chủ tịch HĐQT               | 897,44              | 191,94          | 1.089,38        | Từ 01/2018 đến 08/2018 |
| 2.          | Bùi Minh Tiến             | Chủ tịch HĐQT               | 1.346,16            | 287,92          | 1.634,07        |                        |
| 3.          | Văn Tiến Thanh            | Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc | 1.174,64            | 186,28          | 1.360,92        |                        |
| 4.          | Trần Mỹ                   | Ủy viên HĐQT                | 1.117,30            | 119,48          | 1.236,78        |                        |
| 5.          | Trần Chí Nguyễn           | Ủy viên HĐQT                | 1.117,30            | 119,48          | 1.236,78        |                        |
| 6.          | Trần Thị Bình             | Ủy viên HĐQT                | 1.117,30            | 119,48          | 1.236,78        |                        |
| <b>II.</b>  | <b>Ban Kiểm soát:</b>     |                             | <b>1.954,67</b>     | <b>140,27</b>   | <b>2.094,94</b> |                        |
| 1.          | Phan Thị Cẩm Hương        | Trưởng ban Kiểm soát        | 1.061,77            | 113,55          | 1.175,31        |                        |
| 2.          | Đỗ Minh Dương             | Kiểm soát viên chuyên trách | 832,91              | 26,72           | 859,63          |                        |
| 3.          | Nguyễn Thanh Hà           | Kiểm soát viên kiêm nhiệm   | 60,00               | -               | 60,00           |                        |
| <b>III.</b> | <b>Ban Tổng Giám đốc:</b> |                             | <b>4.618,13</b>     | <b>493,86</b>   | <b>5.111,99</b> |                        |
| 1.          | Hoàng Trọng Dũng          | Phó TGD                     | 1.117,30            | 119,48          | 1.236,78        |                        |
| 2.          | Nguyễn Đức Hạnh           | Phó TGD                     | 1.117,30            | 119,48          | 1.236,78        |                        |
| 3.          | Lê Ngọc Minh Trí          | Phó TGD                     | 1.117,30            | 119,48          | 1.236,78        |                        |
| 4.          | Nguyễn Tuấn Anh           | Phó TGD                     | 1.012,99            | 108,33          | 1.121,32        |                        |
| 5.          | Phạm Văn Bắc              | Phó TGD                     | 253,25              | 27,08           | 280,33          | Từ ngày 01/10/2018     |
| <b>IV.</b>  | <b>Kế toán trưởng:</b>    |                             | <b>1.007,74</b>     | <b>107,77</b>   | <b>1.115,51</b> |                        |
| 1.          | Đinh Như Cường            | Kế toán trưởng              | 1.007,74            | 107,77          | 1.115,51        |                        |
| Tổng cộng:  |                           |                             | 14.350,66           | 1.766,49        | 16.117,15       |                        |

### KẾ HOẠCH NĂM 2019 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

#### Căn cứ:

- » Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;
- » Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;



Tình hình thực hiện năm 2018, nhiệm vụ kế hoạch và số lượng thành viên Ban quản lý, điều hành năm 2019, Công ty xây dựng Quỹ tiền lương, thù lao, Quỹ thưởng kế hoạch 2019 và cơ Công ty xây dựng Quỹ tiền lương, thù lao, Quỹ thưởng kế hoạch 2019 và cơ chế xác định Quỹ tiền lương, thù lao, Quỹ thưởng thực hiện năm 2019 của Hội đồng

quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

#### Quỹ tiền lương, thù lao và Quỹ tiền thưởng kế hoạch của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

- » Số lượng nhân sự của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 08 người. Trong đó: 07 người chuyên trách và 01 người kiêm nhiệm;
- » Tiền lương bình quân kế hoạch của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 72 triệu đồng/người/tháng.
- » Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: 14,40 triệu đồng/người/tháng.
- » Quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 6.218,319 triệu đồng.
- » Quỹ tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 840,776 triệu đồng.

#### Phân phối tiền lương, tiền thưởng Ban quản lý điều hành:

Việc phân phối quỹ tiền lương, thù lao và quỹ tiền thưởng của Ban quản lý điều hành thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao của Ban quản lý, điều hành do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

#### Cơ chế xác định Quỹ tiền lương, thù lao và Quỹ tiền thưởng thực hiện:

##### Quỹ tiền lương thực hiện:

- » Quỹ tiền lương thực hiện được xác định trên cơ sở số người Ban quản lý, điều hành chuyên trách thực

tế (tính bình quân theo tháng) và mức tiền lương bình quân thực hiện.

- » Mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định trên cơ sở mức tiền lương bình quân kế hoạch gắn với mức độ thực hiện các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh cụ thể như sau:
  - Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định bằng mức tiền lương bình quân kế hoạch.
  - Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 01% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm 02%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

##### Quỹ tiền thưởng thực hiện:

- » Khi lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì quỹ tiền thưởng của Ban quản lý, điều hành tương đương 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Ban quản lý, điều hành chuyên trách.
- » Khi lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì quỹ tiền thưởng của Ban quản lý, điều hành tương đương 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Ban quản lý, điều hành chuyên trách.



## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

### KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

#### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018



#### Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2018, nhằm giúp công tác kiểm tra giám sát đạt hiệu quả cao, Ban Kiểm soát Công ty đã bám sát và triển khai sớm kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau: Việc chấp hành và tuân thủ các quy định tại điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định nội bộ Công ty; việc sử dụng và bảo tồn vốn; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; công tác đầu tư và mua sắm; công tác tái cấu trúc; thẩm định các báo cáo tài chính.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty; các văn bản trình HĐQT phê duyệt; kiểm tra trực tiếp hoạt động tại các đơn vị/phòng ban; giám sát việc thực hiện kiến nghị các đoàn kiểm tra thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của PVCFC, .... Qua đó, Ban KS đã có những đề xuất, kiến nghị kịp thời đến HĐQT, TGD công ty và định kỳ

hàng quý đều báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát cho cơ quan quản lý cấp trên (PVN).

Trong năm 2018, BKS đã tổ chức năm (06) cuộc họp lấy ý kiến của các thành viên thông qua các vấn đề sau: Thống nhất nội dung thẩm định các báo cáo tài chính quý, năm, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của công ty; đánh giá lại hoạt động của Ban KS 6 trong tháng đầu năm và triển khai kế hoạch, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm; tổng kết hoạt động của Ban KS năm 2018, xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2019.

#### Hoạt động của từng thành viên:

Ban KS gồm có 03 thành viên, các Kiểm soát viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

Bà **Phan Thị Cẩm Hương**  
Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách

- » Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của Ban Kiểm soát.
- » Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm và tổ chức triển khai thực hiện.
- » Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, điều lệ Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty và công tác tái cấu trúc.
- » Xem xét phê duyệt, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC; thẩm định các báo cáo tài chính.
- » Xem xét phê duyệt, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC; thẩm định các báo cáo tài chính.

Ông **Đỗ Minh Dương**  
Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách

- » Kiểm tra, giám sát công tác đầu tư, mua sắm; định mức kinh tế - kỹ thuật; công tác nhân sự, đào tạo.
- » Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát trong năm.

Ông **Nguyễn Thanh Hà**  
Thành viên BKS không chuyên trách

- » Giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo tồn vốn tại công ty; tham gia thẩm định BCTC.
- » Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm.

**Nhận xét:** Các thành viên của Ban kiểm soát đã hết sức nỗ lực trong việc thực hiện vai trò chức trách của mình đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ công ty, quy chế hoạt động Ban kiểm soát và Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt kế hoạch kiểm tra, giám sát 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

#### Tiền lương, thù lao chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của từng thành viên BKS được chi trả tuân thủ theo quy định của Công ty và đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát năm 2018 là 2,09 tỷ đồng.



## KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018

## GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

“ Trong năm 2018 bên cạnh một số thuận lợi như giá phân bón tăng so với năm 2017, thời tiết thuận lợi cho hoạt động sản xuất nông nghiệp cùng với sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT và sự điều hành chủ động, linh hoạt của ban TGD, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. ”



813

NGHÌN TẤN  
ĐẠT 108%  
KẾ HOẠCHTổng sản lượng  
sản xuất  
(Ure quy đổi)

768

NGHÌN TẤN  
ĐẠT 102%  
KẾ HOẠCHTổng sản lượng  
tiêu thụ  
(Ure quy đổi)

167

NGHÌN TẤN  
ĐẠT 152%  
KẾ HOẠCH

Hàng tự doanh

6.880

TỶ ĐỒNG  
ĐẠT 125%  
KẾ HOẠCHTổng doanh thu  
(Ure quy đổi)

706

TỶ ĐỒNG  
ĐẠT 103%  
KẾ HOẠCHLợi nhuận  
trước thuế

151

TỶ ĐỒNG  
ĐẠT 261%  
KẾ HOẠCHCác khoản  
nộp ngân sách  
nhà nước

900

Đ/ CỔ PHÉU  
CỔ TỨC 2017  
VỚI TỶ LỆ 9%Chi trả cổ tức  
NĂM 2017

## Tình hình sản xuất kinh doanh:

- » Nhà máy sản xuất phân bón vận hành an toàn, ổn định với công suất bình quân 103,7%, sản lượng sản xuất về đích trước 28 ngày, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018 đều hoàn thành vượt mức kế hoạch. Công tác bảo dưỡng tổng thể được thực hiện an toàn, đúng tiến độ và tiết kiệm chi phí.
- » PVCFC tiếp tục duy trì và gia tăng tỷ trọng tiêu thụ tại các thị trường mục tiêu như: ĐBSCL, Campuchia, Đông Nam Bộ, và cải thiện hơn đối với các thị trường tiềm năng khu vực Miền Trung, Tây Nguyên, Miền Bắc. Công tác tự doanh sản phẩm mang thương hiệu Đạm Cà Mau tăng trưởng tốt trên thị trường.
- » Đối với công tác tiếp thị truyền thông, ngoài các chương trình truyền thống như tài trợ, quảng cáo, hội thảo, trình diễn, Hội nghị khách hàng,... Đơn vị cũng đổi mới hơn thông qua chương trình “Đồng hành cùng thịnh vượng” thông qua hệ thống DMS và chương trình “Dùng thử bộ sản phẩm Đạm Cà Mau” dành cho đối tượng khách hàng nông dân.

## Công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản:

- » Trong năm 2018, PVCFC tiếp tục triển khai hai dự án trọng điểm: Dự án đầu tư sản xuất phân bón phức hợp từ urê nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm đang trong giai đoạn lắp đặt chuẩn bị chạy thử, tiến độ tổng thể đến hiện tại đạt 75,59% so với tổng tiến độ dự án. Cảng nhập nguyên liệu công suất 500.000 tấn/năm, tiến độ tổng thể đến thời điểm hiện tại đạt 69,02% so với tổng tiến độ dự án. Đơn vị đang quyết liệt cùng nhà thầu tập trung các biện pháp thi công đẩy nhanh tiến độ và dự kiến đưa vào vận hành Quý II/2019.
- » Tổng giá trị thực hiện các dự án đầu tư và mua sắm trang thiết bị trong năm 2018 là 453,2 tỷ đồng đạt 62% kế hoạch.

## Công tác nghiên cứu phát triển:

- » Sản phẩm từ Urê, SP URE + BIO với các tính năng vượt trội được Cục Bảo vệ Thực vật công nhận lưu hành và được công nhận là đơn vị đủ tiêu chuẩn để tổ chức khảo nghiệm phân bón, đơn vị cũng đã tổ chức khảo nghiệm đưa ra công thức phân bón NPK phù hợp cho cây lúa trên các nhóm đất chính vùng ĐLSCL.

## Công tác tái cấu trúc:

- » PVCFC đã xây dựng, báo cáo PVN về kế hoạch và phương án thoái vốn của PVN tại đơn vị. Hiện nay PVN đang trình Bộ Công Thương xem xét phương án thoái vốn tại PVCFC.

## Công tác quản trị doanh nghiệp:

- » Đơn vị luôn đi đầu, đổi mới trong công tác quản trị, tiếp tục triển khai và đưa vào ứng dụng các hệ thống quản trị hiện đại như: Xây dựng báo cáo phân tích và quản trị BI, hệ thống đánh giá rủi ro doanh nghiệp ERM theo chuẩn COSO giai đoạn 2, đưa vào hoạt động hệ thống đào tạo vận hành (OTS), hệ thống quản lý năng suất toàn diện (TPM), vận hành triển khai mở rộng hệ thống DMS cho toàn hệ thống phân phối, tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp: phát triển văn hóa bản sắc, xây dựng bộ nguyên tắc hành xử cho từng đơn vị.

## Công tác đầu tư tài chính:

- » Tính đến ngày 31/12/2018, PVCFC chỉ đầu tư vào một (01) Công ty con – Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC), với số vốn góp là 20,83 tỷ đồng, chiếm 51,03% vốn điều lệ. Trong năm 2018, hoạt động SXKD PPC ổn định, lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 9,7 tỷ đạt 132% kế hoạch, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 23,8%.





### GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Trên cơ sở kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động thực tế tại đơn vị và việc xem xét báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Ban Kiểm soát đánh giá tình hình tài chính của PVCFC năm 2018 lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, bảo toàn và phát triển vốn.

- » Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.
- » Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.
- » PVCFC đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn, quản lý tài chính trong năm 2018.
- » Các chỉ số tài chính cơ bản đều tốt, cụ thể: Tỷ số thanh toán hiện hành (1,4 lần); Tỷ số thanh toán nhanh (1,08 lần); Hệ số nợ/Tổng tài sản (0,43 lần); Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (0,76 lần); Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu – ROE (10,6%); Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản – ROA (5,61%).

### GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2018, HĐQT PVCFC đã tổ chức 11 cuộc họp định kỳ và đột xuất để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và Ban TGD đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2018 của PVCFC.

- » HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động của PVCFC theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Ban TGD đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHĐCĐ.
- » Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.
- » Ban TGD đã hết sức nỗ lực và điều hành hoạt động PVCFC một cách chủ động, linh hoạt, luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, luôn đổi mới công tác điều hành, chú trọng công tác kiểm soát rủi ro, thực hiện tốt tiết kiệm, tiết giảm chi phí, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm Ure Đạm Cà Mau, hàng tự doanh và đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

### ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật, quy định công ty nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

HĐQT và Ban TGD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát. Cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia đầy đủ các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của Ban KS.

### NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

Trong năm 2019 với những khó khăn và thách thức trong việc thiếu hụt nguồn khí, giá khí, sự biến đổi khí hậu,... nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, BKS kiến nghị một số nội dung như sau:

- » Kiểm soát chặt chẽ chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý; quản lý tốt dòng tiền đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- » Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, đặc biệt chú trọng các rủi ro về hư hỏng thiết bị.
- » Tiếp tục tập trung vào công tác phát triển hệ thống, thương hiệu ĐCM, chuẩn bị thị trường cho sản phẩm NPK.
- » Giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư, đặc biệt là dự án NPK đảm bảo về tiến độ, chất lượng và hiệu quả đầu tư.



### KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2019

Trong năm 2019 Ban kiểm soát tập trung kiểm tra giám sát vào các nội dung sau:

- » Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ công ty, pháp luật hiện hành; tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ; tình hình thực hiện và tuân thủ Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị nội bộ Công ty.
- » Kiểm tra/giám sát trong việc quản lý vốn của chủ sở hữu và phần vốn của PVCFC đầu tư vào doanh nghiệp khác; việc thực hiện công tác tái cấu trúc đã được PVN và ĐHĐCĐ phê duyệt.
- » Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019; các dự án đầu tư, việc xây dựng và thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm.
- » Thẩm định báo cáo tài chính và tình hình sản xuất kinh doanh quý, năm của PVCFC.
- » Thực hiện các báo cáo và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các quy định hiện hành.



# Xanh bền lâu Thêm tiết kiệm



HOTLINE: 1900 8696



# PHẦN 5

**BÁO CÁO  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



CHINH PHỤC  
**MỤC TIÊU**



## CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### THÔNG điệp PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là doanh nghiệp chuyên sản xuất kinh doanh phân bón và các giải pháp dinh dưỡng cho cây trồng, Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) xác định mục tiêu lâu dài là phát triển vững bền trong một nền nông nghiệp Việt Nam bền vững. Điều đó thể hiện rõ nhất ở 3 phương diện sản phẩm, con người và cộng đồng.

- » Không ngừng nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới theo hướng hữu cơ, hài hòa các yếu tố đất, nước và không khí... để phát triển năng lực sản xuất đi đôi với gìn giữ môi trường sống; chuyển giao kỹ thuật bón phân đúng cách cho nông dân nhằm hạn chế tối đa tác động ngược đến môi trường.
- » Chăm lo, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực bền vững. Rèn luyện đội ngũ, tôn trọng sự khác biệt để phát huy sáng tạo và luôn luôn đổi mới tư duy để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng.
- » Thực thi tốt trách nhiệm với xã hội, cộng đồng và môi trường. Và sự công nhận của cộng đồng chính là thước đo chuẩn xác cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.





## THÔNG LỆ BÁO CÁO



**T**rong suốt quá trình phát triển, PVCFC luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững ở vị trí chiến lược kết hợp với việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng về kinh tế trên nguyên tắc đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan hướng đến sự phồn thịnh của cộng đồng, xã hội và bền vững của môi trường. Năm 2018 là năm bản lề có tính chất quan trọng đối với PVCFC, là năm thể hiện rõ sự vươn lên bứt phá, sẵn sàng tâm thế, nghĩ mới làm mới trong mọi hoạt động để PVCFC chuẩn bị bước vào giai đoạn phát triển mới theo định hướng đã đặt ra, mà ở đó mục tiêu phát triển bền vững tiếp tục được Công ty đặt ở mức độ sâu và toàn diện hơn vào trong tất cả các hoạt động sản xuất và kinh doanh.

**Cam kết bền vững** (môi trường, xã hội, cộng đồng)  
Trong năm qua, mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn thách thức, PVCFC vẫn chủ động thực hiện phân tích danh mục, các yếu tố đã, đang và có khả năng tác động tích cực, tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh được tốt nhất và đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

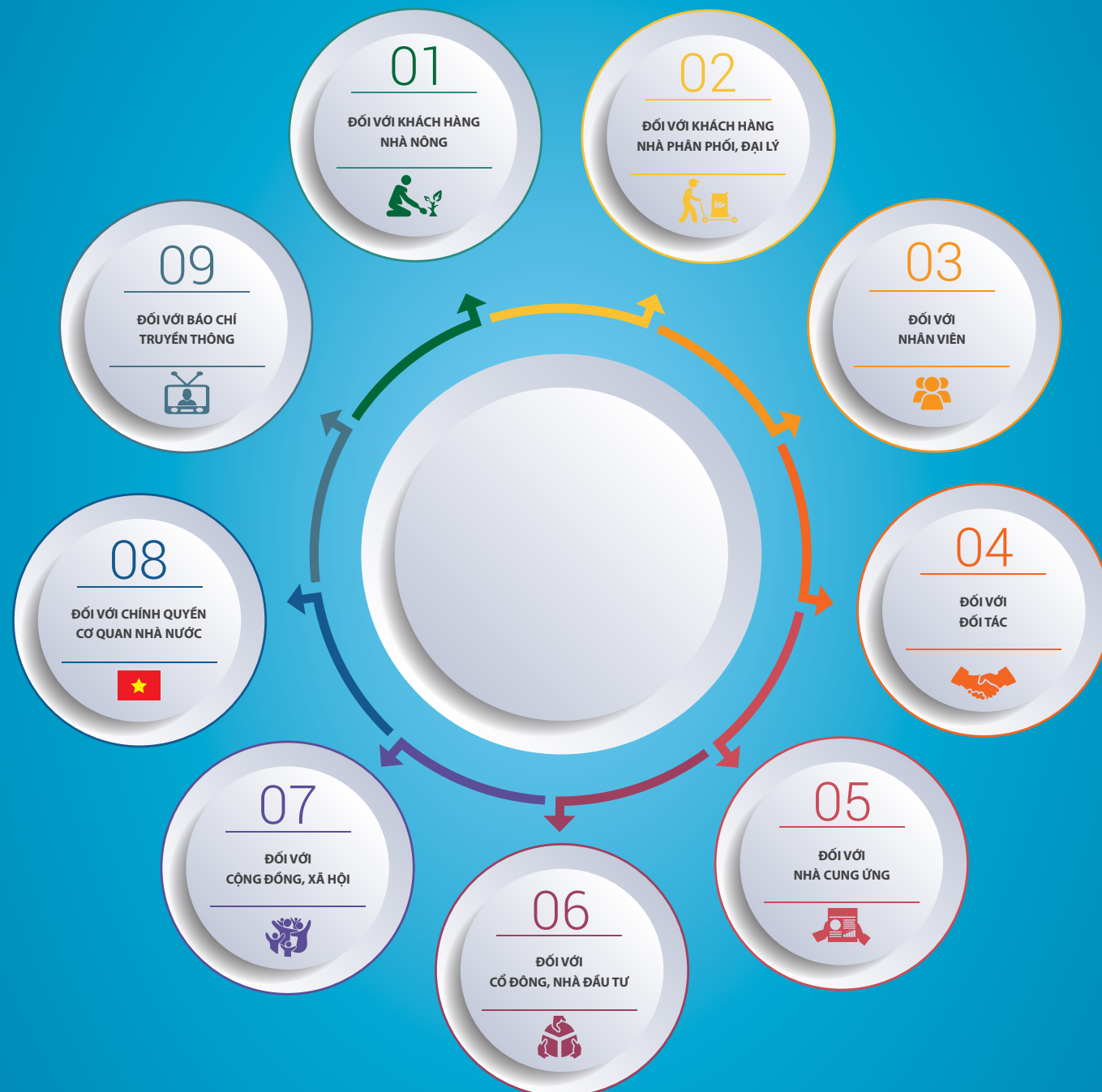
“ PVCFC luôn nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả nhằm mang lại những đóng góp thiết thực cho cuộc sống của bà con nông dân, nền kinh tế đất nước, góp phần tạo công ăn việc làm cho hàng triệu người dân Việt Nam. ”

**Liên hệ**

Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành của Quý vị để nội dung báo cáo được thực hiện minh bạch và đầy đủ hơn. Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, vui lòng gửi về địa chỉ:

Website: <http://www.pvcfc.com.vn/> (Mục Liên hệ)

## SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN



- » Lấy sự tin tưởng và hài lòng của khách hàng làm thước đo giá trị chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu trên thị trường.
- » Đảm bảo cung cấp cho thị trường những sản phẩm chất lượng, phù hợp với nhiều loại đất, nhiều loại cây trồng, thân thiện với môi trường và giá cả hợp lý.
- » Thể hiện sự tri ân đối với khách hàng thông qua việc tổ chức các chương trình đồng hành, gắn kết cùng bà con nhà nông "Cùng Đạm Cà Mau trải nghiệm bộ sản phẩm công nghệ cao"; chương trình khuyến mại và chính sách hậu mãi sau bán hàng.
- » Tích cực tham gia bảo vệ khách hàng trước vấn nạn phân bón giả, kém chất lượng, truyền thông rộng rãi những phương pháp phân biệt sản phẩm chính hãng và sản phẩm giả mạo.



- » Cam kết lợi ích lâu dài cho nhà phân phối, đặc biệt là hệ thống đại lý thông qua các hoạt động hỗ trợ về xúc tiến bán hàng tại điểm bán, các chương trình hội thảo nông dân, kho bãi, vận chuyển, khuyến mại, chiết khấu thương mại... theo chính sách bán hàng của Công ty.
- » Hỗ trợ kiến thức tư vấn về sản phẩm mới N46.Plus mà Công ty đã phân phối ra thị trường trong năm 2016, tư vấn rõ về hiệu quả sử dụng và sự thân thiện với môi trường.



- » Ý thức con người là yếu tố quan trọng nhất của sự phát triển doanh nghiệp, PVCFC luôn áp dụng các chế độ phúc lợi, các chính sách đãi ngộ hấp dẫn cũng như xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, thi đua cùng phát triển cho CBCNV.
- » PVCFC không ngừng nghiên cứu ban hành, sửa đổi một số chính sách về lương, thưởng, phụ cấp rõ ràng sao cho thỏa đáng với công sức và tâm huyết của người lao động, đặc biệt có những chế độ trợ cấp phù hợp cho công nhân làm việc tại Nhà máy.



04

ĐỐI VỚI  
ĐỐI TÁC

- » Thực hiện trên nguyên tắc kinh doanh công bằng, chính trực, đôi bên cùng có lợi trong mọi hoạt động hợp tác kinh doanh cùng PVCFC.
- » Xây dựng cơ chế hợp tác minh bạch, trong đó không có tình trạng cố tình gây khó khăn vì lợi ích cá nhân, làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty.
- » Thực hiện đối xử công bằng giữa các đối tác trong và ngoài nước.

05

ĐỐI VỚI  
NHÀ CUNG ỨNG

- » Hợp tác đôi bên cùng có lợi giúp nhà cung ứng bán hàng hiệu quả và bảo đảm uy tín thương hiệu Đạm Cà Mau.
- » Lựa chọn nhà cung ứng một cách công bằng dựa trên hồ sơ về chất lượng, khả năng kỹ thuật, kinh nghiệm làm việc trong quá khứ,...
- » Không tiết lộ thông tin mật của nhà cung ứng cho đối thủ cạnh tranh của họ.

06

ĐỐI VỚI  
CỔ ĐỒNG, NHÀ ĐẦU TƯ

- » Luôn ý thức thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư và tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- » Chủ động công bố những thông tin quan trọng, có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như quyết định đầu tư của nhà đầu tư, giúp cổ đông, nhà đầu tư theo sát diễn biến hoạt động của PVCFC.
- » Việc trao đổi, tiết lộ thông tin phải công bằng, đảm bảo cơ hội đầu tư ngang bằng cho mọi nhà đầu tư.
- » Không tùy tiện tiết lộ thông tin của nhà đầu tư, cổ đông khi chưa được cho phép.

07

ĐỐI VỚI  
CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

- » PVCFC luôn đặt trách nhiệm đối với môi trường xã hội lên hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của mình. Cam kết hạn chế đến mức tối thiểu sự tác động đến môi trường trong quá trình vận hành sản xuất tại Nhà máy.
- » Mọi hoạt động được PVCFC thực hiện trên tinh thần với tất cả đạo đức kinh doanh và trách nhiệm sao cho vừa bảo vệ được môi trường vừa mang lại những giá trị hữu ích cho người nông dân và sự tăng trưởng chung cho xã hội, đất nước.
- » Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chương trình "Hạt Ngọc Mùa Vàng, Gởi Ngàn Tri Ân", các hoạt động từ thiện và tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên, chung tay góp sức xây dựng cộng đồng ngày một phát triển.

08

ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN  
CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

- » Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, an toàn lao động,...
- » Chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác xây dựng nhà xưởng, hoàn thiện các giai đoạn đúng tiến độ, đóng góp vào ngân sách Nhà nước và giải quyết việc làm cho lao động địa phương.
- » Đưa ra đề xuất điều chỉnh phù hợp đối với các chính sách, quy định còn nhiều bất cập khi đi vào triển khai thực hiện, giúp Chính phủ và chính quyền các cấp ngày càng thực hiện tốt hơn công tác quản lý.

09

ĐỐI VỚI BÁO CHÍ  
TRUYỀN THÔNG

- » Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các cơ quan truyền thông, báo chí trên nguyên tắc minh bạch và hợp pháp.
- » Các thông điệp, thông tin cung cấp đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, đầy đủ và khách quan, giúp báo chí có thông tin chính xác về tình hình hoạt động của Công ty.
- » Đưa ra những thông tin, khuyến cáo về tình trạng phân bón giả để báo chí kịp thời truyền thông đến bà con nông dân.



## ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC VĂN HÓA DOANH NGHIỆP TẠI ĐẠM CÀ MAU



“ Văn hóa doanh nghiệp là nhân tố quyết định sự phát triển bền vững và thành công của doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp sẽ mang một nét văn hóa đặc trưng riêng và đối với Đạm Cà Mau (PVCFC), chặng đường đã qua là minh chứng rõ nét nhất của một nền tảng văn hóa doanh nghiệp chú trọng các giá trị đạo đức, tính chính trực và phát triển con người. ”

Mỗi thành viên PVCFC luôn chủ động trong công việc và nỗ lực học hỏi, phấn đấu không ngừng để hoàn thiện bản thân, luôn lấy văn hóa doanh nghiệp và tinh thần của 7 thói quen hiệu quả mà Công ty triển khai vào đầu năm 2016 làm kim chỉ nam PVCFC đã phổ biến và tuyên truyền về Tốc độ niềm tin trong xây dựng Văn hóa PVCFC. Đây cũng là khởi điểm cho một nền văn hóa PVCFC có phong cách làm việc hiện đại, toàn cầu hóa kết hợp hài hòa những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, là tiền đề cho một Công ty tiên phong trong lĩnh vực phân bón nông nghiệp.

“7 thói quen” đã trở thành văn hóa cốt lõi giúp PVCFC xử lý công việc hiệu quả hơn, trách nhiệm hơn từ đó giúp tập thể PVCFC rèn luyện nâng cao năng lực cá nhân, vươn đến mục tiêu phát triển mới trong công việc và cuộc sống. Trên nền tảng văn hóa tốt đẹp của mình, PVCFC ngày càng quy tụ được nguồn nhân lực và những đối tác tốt nhất để triển khai thành công mọi kế hoạch hành động, mọi chương trình đổi mới trong quản trị và kỹ thuật công nghệ, để chỉ trong một thời gian ngắn PVCFC đã đuổi kịp sự tiến bộ về phân bón nông nghiệp của thế giới, đặc biệt là việc cho ra đời các sản phẩm phân bón xanh bền, tiết kiệm, thân thiện với môi trường.

## AN SINH XÃ HỘI

Với vị thế và vai trò nhất định trên thị trường trong suốt chặng đường phát triển của mình, Đạm Cà Mau hàng ngày vẫn ân cần đóng góp cho các hoạt động an sinh xã hội cả về lượng và chất, chú trọng phát triển giáo dục, y tế, các công trình công cộng như xây cầu xây đường, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết....

Đặc biệt công ty chú trọng phát triển giáo dục, PVCFC vẫn tiếp tục tài trợ và khánh thành nhiều trường tiểu học, trường mầm non, theo đó nâng tổng số các trường học do Đạm Cà Mau tài trợ xây dựng lên đến 30 trường trong suốt 8 năm qua. Hoạt động này được xem là điểm tựa

tiếp bước những ước mơ con em của bà con nông dân trong cả nước hiện thực hóa sứ mệnh dưỡng nuôi của Công ty, ngày càng có thêm những điểm trường mới với cơ sở vật chất đủ đầy, đảm bảo cho trẻ em nghèo vùng sâu xa cũng được cắp sách đến trường, không bị tụt lại phía sau

Để nuôi dưỡng ước mơ của những “hạt ngọc tri thức”, Quỹ học bổng “Đạm Cà Mau - Hạt Ngọc Mùa Vàng” đã tiến hành trao hàng trăm suất học bổng với giá trị duy trì ở mức 2 - 2,5 tỷ đồng, tích cực hưởng ứng tham gia vào công tác xã hội, đặc biệt là công tác chăm lo đối với thế hệ trẻ của đất nước.





## CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG - AN TOÀN - SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG

Công ty cũng đã xây dựng và ban hành chính sách Chất lượng - An toàn - Sức khỏe và Môi trường với các nội dung cụ thể đã được phổ biến đến từng người lao động, đồng thời cam kết thực hiện tốt chính sách này như sau:

- » Xây dựng Công ty trở thành nhà cung cấp giải pháp dinh dưỡng cho cây trồng hàng đầu tại Việt Nam và khu vực, với sản phẩm chất lượng cao.
- » Công tác vận hành Nhà máy an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng dịch vụ và phân phối kinh doanh hiệu quả.
- » Đảm bảo nguồn cung cấp ổn định và nhanh chóng phục vụ nhu cầu thị trường.
- » Thực hiện đạo đức kinh doanh, quan tâm đến lợi ích của người lao động và các bên liên quan qua yếu tố an toàn, sức khỏe của người lao động, cải thiện môi trường làm việc.



## CAM KẾT CỦA PVCFC

Để thực hiện tốt những chính sách Chất lượng - An toàn - Sức khỏe và Môi trường, PVCFC cam kết:

- » Xây dựng, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý tích hợp (QHSE) với chính sách phát triển bền vững, hướng tới thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, các bên liên quan và cộng đồng.
- » Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của Pháp luật hiện hành, các quy chuẩn, tiêu chuẩn về Chất lượng - An toàn - Sức khỏe và Môi trường.
- » Xây dựng, phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật cao, tạo môi trường làm việc hiệu đại, tích cực, chuyên nghiệp và sáng tạo.
- » Áp dụng các sáng kiến kỹ thuật, các giải pháp quản lý tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- » Tích cực hưởng ứng và tham gia vào công tác xã hội, gần bó mật thiết và có trách nhiệm với cộng đồng

## ĐẢM BẢO ĐỘC LẬP CỦA BÊN THỨ 3

Trong quá trình xây dựng cũng như thực thi các hoạt động, các chiến lược phát triển Đạm Cà Mau đều có những đơn vị độc lập với vai trò là nhà tư vấn hay đánh giá các hoạt động của Đạm Cà Mau. Việc đánh giá, đảm bảo độc lập của bên thứ ba được lồng ghép trong các hoạt động liên quan.

- » Trong các đợt kiểm toán độc lập báo cáo tài chính nửa năm/ năm.
- » Đánh giá giám sát hay tái cấp chứng nhận đạt các tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, An toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001.
- » Ngoài ra, còn có các đợt thanh kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng, cơ quan quản lý Nhà nước và của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam trong việc tuân thủ các quy định của Pháp luật trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## CÁC VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ

### Tác động kinh tế gián tiếp

Ngoài việc trực tiếp sử dụng các lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau và các vùng lân cận, Công ty cũng đã đóng góp một phần không nhỏ cho ngân sách tỉnh thông qua việc nộp các khoản thuế, sử dụng các dịch vụ của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh. Tăng nhu cầu sử dụng các dịch vụ sinh hoạt trong đời sống dân sinh nơi Công ty đặt trụ sở, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế tại địa phương.

Cùng với các Công ty trong cụm công nghiệp Khí - Điện - Đạm Cà Mau thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, các doanh nghiệp tại đây đã đóng góp trên 40% nguồn thu ngân sách và tạo ra trên 30% việc làm cho lao động địa phương, Cụm công nghiệp Khí - Điện - Đạm Cà Mau là động lực kinh tế quan trọng giúp vùng sinh lầy "nước đen" Cà Mau xưa kia được thay bằng chiếc "áo mới". Cũng trên cơ sở nền tảng của cụm Công nghiệp Khí - Điện - Đạm Cà Mau, hạ tầng khu công nghiệp, hệ thống đường giao thông, điện, cấp thoát nước, sân bay đã được hình thành giúp Cà Mau khai thác tiềm năng du lịch sinh thái, nuôi trồng xuất khẩu thủy sản cũng như kết nối gần hơn với các tỉnh, thành phố trong cả nước.



## BÁO CÁO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG



“Nhằm bảo đảm sức khỏe làm việc lâu dài cho tất cả CBNV, PVCFC luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật liên quan đến công tác An toàn - Sức khỏe - Môi trường, xây dựng hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001.”

Hiểu rằng, “đòn bẩy cho sự phát triển của mỗi doanh nghiệp cũng như sự phát triển chung của cộng đồng xã hội là khi chúng ta biết gắn bó trách nhiệm và phối hợp sức mạnh giữa các bên để cùng nhau tạo dựng sự phát triển.

Chính sự kết nối chặt chẽ đó đã tạo nên các giá trị nền tảng cho sự phát triển bền vững”. Năm 2018, PVCFC đã không ngừng nỗ lực vì cộng đồng, chung tay vì xã hội phát triển phồn vinh.



### HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI

Là một doanh nghiệp niêm yết, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, trong suốt chặng đường phát triển của mình, Đạm Cà Mau luôn dành một phần lợi nhuận để chia sẻ, đóng góp cho cộng đồng. Trong 8 năm qua, Đạm Cà Mau đã dành trên 325 tỷ đồng để thực hiện nhiều công trình, chương trình hành động có ý nghĩa cho xã hội. Ban Lãnh đạo Công ty xác định đây không chỉ là nhiệm vụ mà còn có ý thức chia sẻ, là tình cảm và tấm lòng quan tâm đến cộng đồng và cũng là thực hiện chủ trương lớn của Tập đoàn về phát triển sản xuất kinh doanh phải gắn liền với công tác an sinh xã hội.

- » Từ nguồn quỹ an sinh xã hội năm sau luôn cao hơn năm trước, PVCFC đã và đang triển khai: xây dựng nhiều trường học để phát triển giáo dục, tập trung hỗ trợ các công trình công cộng như xây dựng cầu, đường giao thông nông thôn, tài trợ cho học sinh, sinh viên nghèo học giỏi; góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí...
- » Các hoạt động sôi nổi về nguồn, thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, khám chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí, hỗ trợ đầu tư nâng cấp xây dựng trạm y tế luôn được lãnh đạo PVCFC quan tâm, duy trì thường xuyên, vừa thể hiện nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp vừa tạo mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng xã hội.
- » Đạm Cà Mau luôn quan niệm làm tốt công tác an sinh xã hội cũng chính là thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, cùng chia sẻ trách nhiệm cộng đồng, gắn bó với nông dân và những người nghèo. Những con đường mới mở, cây cầu mới xây, trường học mới được khánh thành... chính là những minh chứng thiết thực nhất về ý thức trách nhiệm của PVCFC với công tác an sinh xã hội.



## Tác động MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ

### TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

#### CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KIỂM SOÁT PHÁT THẢI, KHÍ THẢI VÀ CHẤT THẢI

Nhằm đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và đưa công tác bảo vệ môi trường thành suy nghĩ và hành động thiết thực của CBCNV, Công ty đã xây dựng và áp dụng theo tiêu chuẩn ISO môi trường: ISO 14001: 2015.

Theo đó, Công ty đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 4 lần/năm theo đúng cam kết đánh giá tác động môi trường, thực hiện lấy mẫu phân tích định kỳ trong từng ca trực nhằm đảm bảo tuân thủ nghiêm túc các yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường. Các thông số xả thải luôn đạt theo các quy định của pháp luật hiện hành, các thông số đã thực hiện đo đạc trong năm như sau:

#### Loại nguồn thải

**Khí thải các ống khói reforming sơ cấp, ống khói nồi hơi Phụ trợ, ống khói tạo hạt**

#### Nước thải sinh hoạt

#### Nước thải nhiễm dầu, nhiễm amoniắc

**Nước thải đầu ra chung của 03 hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu, nhiễm amoniắc, nước thải sinh hoạt, nước thải trên kênh thoát nước chung**

#### Đầu ra nước sông làm mát

#### Chỉ tiêu giám sát

Bụi, CO, NOx, SO2, NH3, tiếng ồn, độ rung

pH, BOD5, TSS, TDS, Chất hoạt động bề mặt, Dầu mỡ động thực vật, Sunfua, Amoni, Tổng photpho, Tổng nitơ, Coliform, Lưu lượng

pH, Màu, BOD5, COD, Chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Sắt, Đồng, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni, Tổng nitơ, Tổng photpho, Clo dư, Coliform, Lưu lượng nước thải

Nhiệt độ, Màu, pH, BOD5 (200C), COD, TSS, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Đồng, Sắt, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Dầu mỡ động, thực vật, Sunfua, Amoni (tính theo Nitơ), Tổng nitơ, Tổng photpho, Clo dư, Coliform.

pH, Nhiệt độ, Cl2, TSS



## NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI, CHẤT THẢI, TIẾNG ỒN VÀ ĐỘ RUNG

“Thực hiện theo quy định của pháp luật mới ban hành về việc cấp phép xả nước thải cho nước thải sau xử lý và nước sông làm mát thải, Công ty cũng đã được Bộ Tài Nguyên Môi Trường cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo quyết định số 3195/GP-BTNMT ngày 14/12/2017. Công ty cũng đã tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các nội dung quy định trong giấy phép.”

**Nước thải**

Công ty kê khai, nộp đúng và đầy đủ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sản xuất theo nghị định 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính Phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

- » Nước thải sản xuất: nước thải nhiễm dầu, nhiễm amoniắc, nước sông làm mát thải luôn tuân thủ theo các quy định hiện hành. Kết quả các chỉ tiêu đầu ra đều đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT.
- » Nước thải sinh hoạt: thải ra từ quá trình sinh hoạt của CBNV. Kết quả các chỉ tiêu đầu ra đều đạt theo QCVN 14/2008/BTNMT.

» **Biện pháp giảm thiểu:**

- Đối với các nguồn nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý.
- Công ty đã lắp 02 trạm quan trắc nước thải tự động: Trạm 01 (trạm quan trắc nước thải chung sau xử lý) với các chỉ tiêu quan trắc pH, nhiệt độ, COD, TSS, NH<sub>3</sub>, lưu lượng, trạm 02 (trạm nước sông làm mát) với các chỉ tiêu pH, nhiệt độ, lưu lượng, Clo dư. Việc lắp đặt các trạm quan trắc nước thải tự động này để đảm bảo nước thải luôn được kiểm soát đạt theo yêu cầu pháp luật trước khi xả thải ra môi trường.

**Khí thải**

Khí thải phát sinh từ 3 ống khói reforming sơ cấp, nồi hơi phụ trợ và Ống khói tạo hạt.

**Biện pháp giảm thiểu**

Công ty định kỳ lấy mẫu phân tích để kiểm soát nồng độ các chất ô nhiễm có trong nguồn thải.

Đối với ống khói tạo hạt, Công ty đã lắp đặt trạm quan trắc môi trường tự động với các chỉ tiêu: Lưu lượng, nhiệt độ, NH<sub>3</sub> để đảm bảo việc xử lý các chất ô nhiễm có trong nguồn thải luôn đảm bảo đạt theo yêu cầu pháp luật.

Đối với khí thải từ nồi hơi phụ trợ và reforming sơ cấp công ty đã lắp đặt trạm quan trắc tự động với các chỉ tiêu CO, NO<sub>x</sub> và điều chỉnh lượng oxi để đảm bảo quá trình cháy được hoàn toàn nhằm giảm lượng khí CO, NO phát tán ra môi trường.





## TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TIẾP THEO)

**Chất thải rắn**

Chất thải thông thường: phát sinh từ khối văn phòng, nhà ăn, căn tin, nhà vệ sinh... Biện pháp thu gom, lưu trữ và xử lý: ký hợp đồng chuyển giao cho Công ty Công trình đô thị Cà Mau xử lý.

Chất thải sản xuất: gỗ vụn, pallet hỏng, nhựa, sắt phế liệu... Biện pháp thu gom, lưu trữ và xử lý: chuyển cho các đơn vị đủ chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

Chất thải nguy hại: giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, dầu nhớt thải, hóa chất thải bỏ của phòng thí nghiệm,... Biện pháp thu gom, lưu trữ và xử lý: Phân loại và thu gom tại nguồn, sau đó thuê đơn vị dịch vụ chuyên ngành xử lý. Công ty đã đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 96.000016.T do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Cà Mau cấp lần 4 ngày 23/12/2014.

**Tiếng ồn và độ rung**

Nguồn tác động này phát sinh chủ yếu do hoạt động của các máy móc thiết bị trong khu vực sản xuất từ quá trình vận hành của máy, thiết bị.

**Biện pháp giảm thiểu**

Công nhân làm việc được cung cấp nút tai chống ồn và thay mới định kỳ để giảm thiểu tác động sức khỏe.

Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, đo kiểm môi trường vệ sinh lao động.

Kiểm tra an toàn hàng ngày, hàng tháng, hàng quý giúp phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động để có biện pháp phòng ngừa kịp thời.

Các giải pháp giúp hoạt động bảo vệ môi trường ngày càng hoàn thiện

Vận hành và kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải đầu ra đạt chuẩn QCVN 14/2008/BTNMT, QCVN 40:2011/BTNMT.

Vận hành, theo dõi các thông số về khí thải đảm bảo các chỉ tiêu xả thải đạt QCVN19/2009/BTNMT,

QCVN21/2009/BTNMT.

Tăng cường thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động công nghiệp trong khu vực sản xuất và các khu vực gia công, chế tạo.

Trang bị đúng và đầy đủ bảo hộ lao động và giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cán bộ, công nhân viên Công ty.

Quản lý chất thải rắn bằng cách phân loại, thu gom và chuyển giao cho đơn vị đủ chức năng xử lý theo Nghị định 38/2015/NĐ-CP và Thông tư 36/2015/TT-BTNMT.

Thực hiện thường xuyên các chương trình quan trắc môi trường định kỳ, theo dõi liên tục hệ thống quan trắc môi trường tự động nhằm phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các chỉ tiêu vượt ngưỡng theo quy định (nếu có).

Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên tạo cảnh quan và không khí trong lành.

Chính sách phòng chống ô nhiễm

Các loại chứng chỉ, chứng nhận về quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe

ngành nghiệp PVCFC đang áp dụng: Chứng nhận ISO 9001:2015 (hệ thống quản lý chất lượng), ISO 14001:2015 (hệ thống quản lý môi trường), ISO 45001:2018 (hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp)

Kết quả các thông số quan trắc môi trường định kỳ năm 2018

| Chỉ tiêu | Đợt 1 | Đợt 2 | Đợt 3 | Đợt 4 | QCVN 21/19 | Đơn vị tính |
|----------|-------|-------|-------|-------|------------|-------------|
| Bụi      | 29    | 11    | 12    | 12    | 160        | mg/m3       |
| CO       | 17    | 14    | 10    | 12    | 800        | mg/m3       |
| NOx      | 10    | 55    | 42    | 3     | 800        | mg/m3       |
| SO2      | 13    | 5     | 5     | 10    | 400        | mg/m3       |
| NH3      | 26    | 0.14  | 0.14  | 0.14  | 40         | mg/m3       |

Tổng hợp kết quả quan trắc tại ống khói reforming sơ cấp Z04201

| Chỉ tiêu | Đợt 1 | Đợt 2 | Đợt 3 | Đợt 4 | QCVN 21 | Đơn vị tính |
|----------|-------|-------|-------|-------|---------|-------------|
| Bụi      | 21    | 8     | 9     | 7     | 160     | mg/m3       |
| CO       | 10    | 6     | 6     | 7     | 800     | mg/m3       |
| NOx      | 7     | 42    | 48    | 39    | 800     | mg/m3       |
| SO2      | 5     | 3     | 3     | 4     | 400     | mg/m3       |
| NH3      | 16    | 0.14  | 0.14  | 0.14  | 40      | mg/m3       |

Tổng hợp kết quả quan trắc tại ống khói nồi hơi phụ trợ Z29101

| Chỉ tiêu | Đợt 1 | Đợt 2 | Đợt 3 | Đợt 4 | QCVN 21 | Đơn vị tính |
|----------|-------|-------|-------|-------|---------|-------------|
| Bụi      | 24    | 10    | 8     | 9     | 160     | mg/m3       |
| CO       | 6     | 11    | 7     | 8     | 800     | mg/m3       |
| NOx      | 5     | 37    | 34    | 32    | 800     | mg/m3       |
| SO2      | 5     | 5     | 3     | 2     | 400     | mg/m3       |
| NH3      | 21    | 0.14  | 0.14  | 0.14  | 40      | mg/m3       |

Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải làm mát

| Chỉ tiêu | Đợt 1 | Đợt 2 | Đợt 3 | Đợt 4 | QCVN 21 | Đơn vị tính |
|----------|-------|-------|-------|-------|---------|-------------|
| pH       | 29.2  | 29.1  | 29.4  | 30.6  | 5.5-9   |             |
| Nhiệt độ | 0.05  | 0.05  | 0.05  | 0.05  | 40      | °C          |
| Clo dư   | 7.55  | 7.34  | 7.44  | 7.56  | 1.62    | mg/l        |

Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt

| Chỉ tiêu              | Đợt 1 | Đợt 2 | Đợt 3 | Đợt 4 | QCVN 14 | Đơn vị tính |
|-----------------------|-------|-------|-------|-------|---------|-------------|
| pH                    | 7.13  | 6.77  | 7.16  | 7.47  | 9       |             |
| BOD5                  | 7     | 8     | 13    | 9     | 60      | mg/l        |
| TSS                   | 16    | 12    | 10    | 7     | 120     | mg/l        |
| Sunfua                | 0.04  | 0.04  | 0.04  | 0.04  | 4.8     | mg/l        |
| Dầu mỡ động thực vật  | 0.3   | 0.3   | 0.3   | 0.3   | 24      | mg/l        |
| Chất hoạt động bề mặt | 0.01  | 0.01  | 0.01  | 0.01  | 12      | mg/l        |
| NH4+                  | 4.06  | 0.03  | 0.02  | 0.98  | 12      | mg/l        |
| Tổng N                | 32.5  | 14.1  | 22.5  | 24.9  | 60      | mg/l        |
| Tổng P                | 2.87  | 0.9   | 1.78  | 0.25  | 12      | mg/l        |
| TDS                   | 1104  | 820   | 837   | 1119  | 1200    | mg/l        |
| Tổng coliform         | 2     | 150   | 210   | 93    | 5000    | MPN/100ml   |

Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải nhiễm dầu

| Chỉ tiêu      | Đợt 1  | Đợt 2  | Đợt 3  | Đợt 4  | QCVN40 | Đơn vị tính |
|---------------|--------|--------|--------|--------|--------|-------------|
| pH            | 6.84   | 7.77   | 7.66   | 7.25   | 9      |             |
| Màu sắc       | 12     | 5.79   | 23     | 15     | 121.5  | Pt-Co       |
| TSS           | 16     | 12     | 11     | 9      | 81     | mg/l        |
| COD           | 27     | 37     | 36     | 31     | 121.5  | mg/l        |
| BOD5          | 13     | 15.1   | 15     | 12     | 40.5   | mg/l        |
| Dầu mỡ khoáng | 0.3    | 0.3    | 0.3    | 0.3    | 8.1    | mg/l        |
| Tổng N        | 26.4   | 8.3    | 23.2   | 31.9   | 32.4   | mg/l        |
| Tổng P        | 0.42   | 0.23   | 1.57   | 0.24   | 4.86   | mg/l        |
| Amoni         | 2.46   | 0.02   | 0.02   | 1.38   | 8.1    | mg/l        |
| Tổng coliform | 150    | 240    | 240    | 460    | 5000   | MPN/100ml   |
| Asen          | 0.001  | 0.001  | 0.001  | 0.001  | 0.081  | mg/l        |
| Thủy ngân     | 0.0002 | 0.0005 | 0.0002 | 0.0002 | 0.0081 | mg/l        |
| Chì           | 0.005  | 0.0001 | 0.0001 | 0.0001 | 0.405  | mg/l        |
| Cadimi        | 0.0002 | 0.002  | 0.0002 | 0.0002 | 0.081  | mg/l        |
| Sắt           | 0.001  | 0.12   | 0.8    | 0.001  | 4.05   | mg/l        |
| Cu            | 0.001  | 0.001  | 0.001  | 0.001  | 1.62   | mg/l        |



Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải nhiễm amoniắc

| Chỉ tiêu      | Đợt 1  | Đợt 2  | Đợt 3  | Đợt 4  | QCVN40 | Đơn vị tính |
|---------------|--------|--------|--------|--------|--------|-------------|
| Màu sắc       | 10     | 6.89   | 16     | 15     | 10     | pt-Co       |
| pH            | 6.95   | 7.13   | 7.73   | 7.56   | 9      |             |
| TSS           | 16     | 12     | 14     | 6      | 81     | mg/l        |
| COD           | 10     | 27     | 28     | 28     | 121.5  | mg/l        |
| BOD5          | 4      | 11     | 13     | 11     | 40.5   | mg/l        |
| Tổng N        | 2.48   | 8.54   | 30.1   | 30.7   | 32.4   | mg/l        |
| Tổng P        | 0.28   | 0.26   | 0.06   | 0.55   | 4.86   | mg/l        |
| Clo dư        |        | 0.05   | 0.05   | 0.05   | 1.62   | mg/l        |
| Amoni         | 0.84   | 0.03   | 6.44   | 1.9    | 8.1    | mg/l        |
| Dầu mỡ khoáng | 0.3    | 0.3    | 0.3    | 0.3    | 8.1    | mg/l        |
| Coliform      | 2      | 240    | 460    | 2400   | 5000   | MPN/100ml   |
| Asen          | 0.001  | 0.001  | 0.001  | 0.001  | 0.081  | mg/l        |
| Thủy ngân     | 0.0002 | 0.0002 | 0.0002 | 0.0002 | 0.0081 | mg/l        |
| Chì           | 0.005  | 0.0001 | 0.005  | 0.0001 | 0.405  | mg/l        |
| Sắt           | 0.001  | 0.001  | 0.43   | 0.001  | 4.05   | mg/l        |
| Cadimi        | 0.0002 | 0.0002 | 0.0002 | 0.0002 | 0.081  | mg/l        |
| Cu            | 0.001  | 0.001  | 0.001  | 0.001  | 1.62   | mg/l        |

Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải nhiễm amoniắc

| Chỉ tiêu              | Đợt 1  | Đợt 2  | Đợt 3  | Đợt 4  | QCVN40 | Đơn vị tính |
|-----------------------|--------|--------|--------|--------|--------|-------------|
| pH                    | 8.06   | 7.66   | 7.6    | 7.35   | 9      |             |
| Màu sắc               | 8      | 14.3   | 24     | 20     | 121.5  | Pt-Co       |
| TSS                   | 73     | 69     | 42     | 58     | 11     | mg/l        |
| TDS                   | 24.49  | 192    | 1857   | 9816   |        |             |
| COD                   | 46     | 22     | 25     | 41     | 39     | mg/l        |
| BOD5                  | 22     | 9      | 11     | 16     | 23     | mg/l        |
| Tổng N                | 3.75   | 5.38   | 2.79   | 3.17   | 10.4   | mg/l        |
| Tổng P                | 1.08   | 0.48   | 0.17   | 0.28   | 0.14   | mg/l        |
| Amoni                 | 0.09   | 0.05   | 0.03   | 1.58   | 0.79   | mg/l        |
| Dầu mỡ động thực vật  | 0.3    | 0.3    | 0.3    | 0.3    | 12     | mg/l        |
| Chất hoạt động bề mặt | 0.01   | 0.01   | 0.01   | 0.01   | 6      | mg/l        |
| Dầu mỡ khoáng         | 0.3    | 0.3    | 0.3    | 0.3    | 0.3    | mg/l        |
| Clo dư                | 0.05   | 0.05   | 0.05   | 0.05   | 1.62   | mg/l        |
| Nhiệt độ              | 29.3   | 29     | 29.7   | 31     | 7.32   | 0c          |
| Asen                  | 0.001  | 0.001  | 0.001  | 0.001  | 0.001  | mg/l        |
| Sunfua                | 0.04   | 0.04   | 0.04   | 0.04   | 0.405  | mg/l        |
| Thủy ngân             | 0.0002 | 0.0002 | 0.0002 | 0.0002 | 0.0002 | mg/l        |
| Sắt                   | 0.001  | 0.69   | 0.62   | 0.39   | 4.05   | mg/l        |
| Chì                   | 0.0001 | 0.0001 | 0.0001 | 0.0001 | 0.0001 | mg/l        |
| Cadimi                | 0.0002 | 0.0002 | 0.0002 | 0.0002 | 0.0002 | mg/l        |
| Cu                    | 0.001  | 0.001  | 0.001  | 0.001  | 0.001  | mg/l        |



### Tuân thủ môi trường

PVCFC luôn đề cao và tuân thủ mọi quy định của pháp luật hiện hành trên tất cả các mặt của hoạt động. Năm 2018, PVCFC không ghi nhận các biên bản/ thông báo nào liên quan đến việc vi phạm các điều Luật, Quy định về môi trường, báo cáo của Kiểm toán không ghi nhận trường hợp bị phạt nào.

### TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

Ngoài việc trực tiếp sử dụng các lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau và các vùng lân cận, Công ty cũng đã đóng góp một phần không nhỏ cho ngân sách tỉnh thông qua việc nộp các khoản thuế, sử dụng các dịch vụ của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh. Tăng nhu cầu sử dụng các dịch vụ sinh hoạt trong đời sống dân sinh nơi Công ty đặt trụ sở, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế tại địa phương.

Cùng với các Công ty trong cụm công nghiệp Khí - Điện - Đạm Cà Mau thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, các doanh nghiệp tại đây đã đóng

góp trên 40% nguồn thu ngân sách và tạo ra trên 30% việc làm cho lao động địa phương, Cụm công nghiệp Khí - Điện - Đạm Cà Mau là động lực kinh tế quan trọng giúp vùng sinh lầy “nước đen” Cà Mau xưa kia được thay bằng chiếc “áo mới”. Cũng trên cơ sở nền tảng của cụm Công nghiệp Khí - Điện - Đạm Cà Mau, hạ tầng khu công nghiệp, hệ thống đường giao thông, điện, cấp thoát nước, sân bay đã được hình thành giúp Cà Mau khai thác tiềm năng du lịch sinh thái, nuôi trồng xuất khẩu thủy sản cũng như kết nối gần hơn với các tỉnh, thành phố trong cả nước.





## Báo cáo chính sách ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

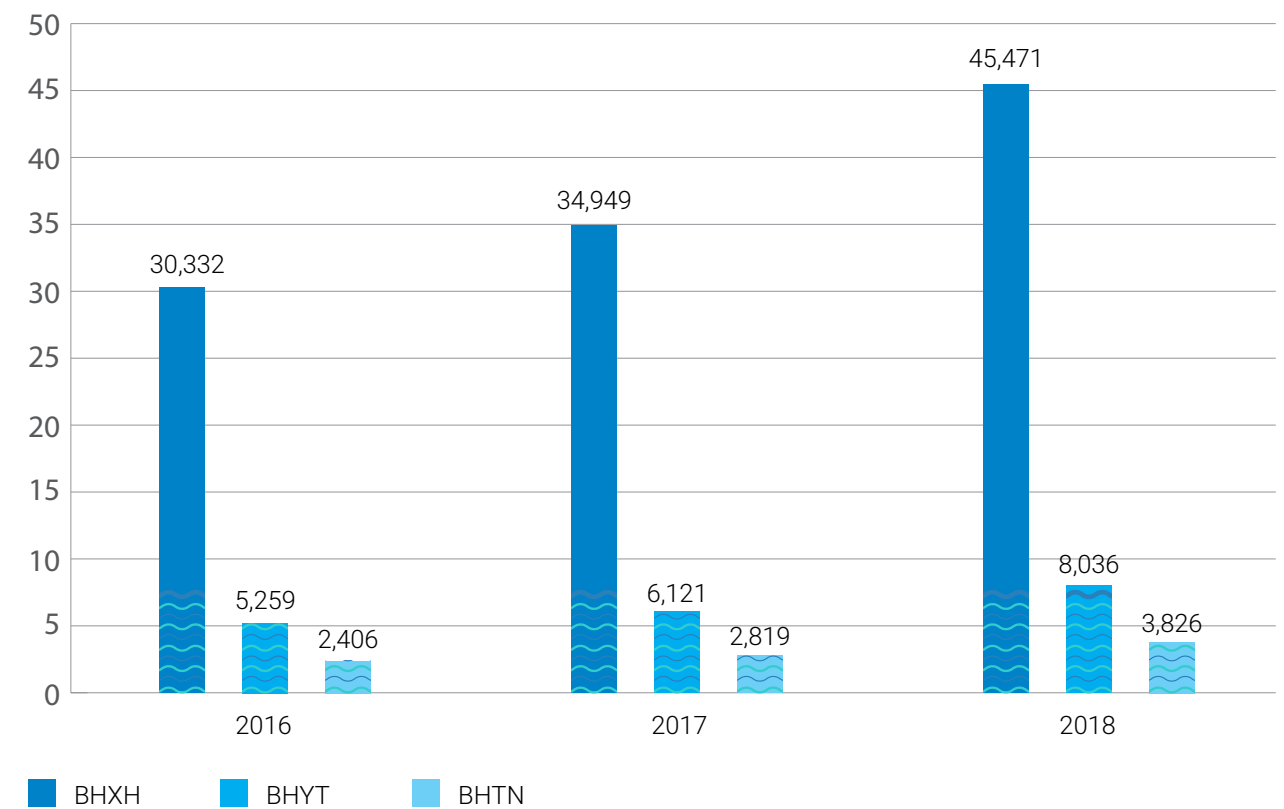


“ Các chế độ chính sách đối với người lao động: Công ty luôn tạo môi trường làm việc thuận tiện, an toàn đồng thời thực hiện tốt chính sách về lao động, tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ chính sách khác phù hợp quy định của pháp luật, của Tập đoàn và quy định của Công ty. ”

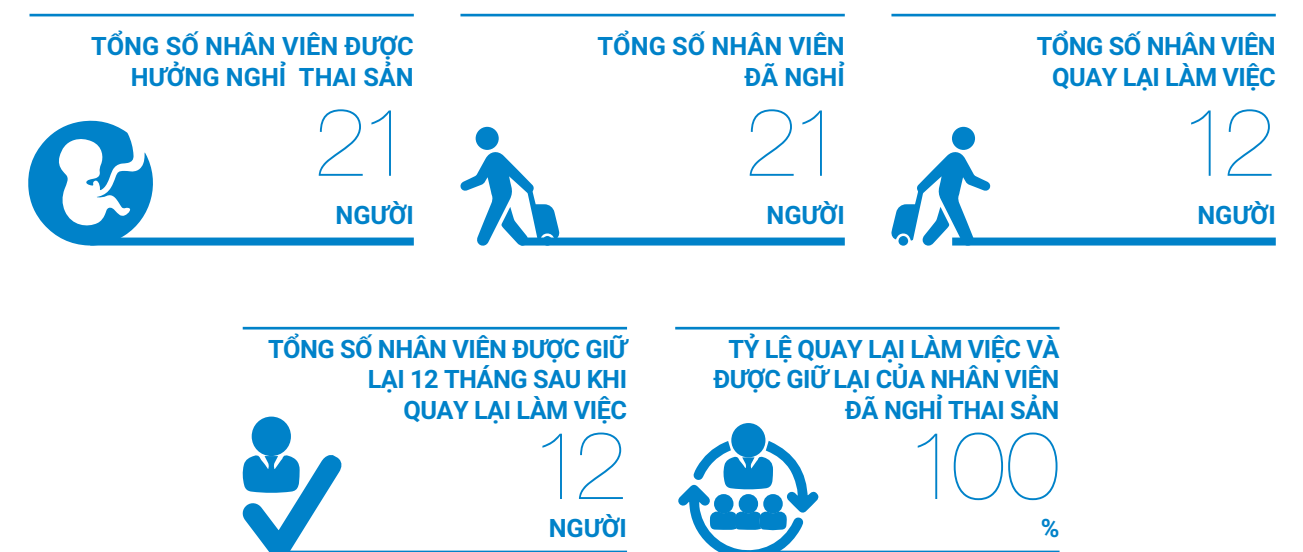
- » Chi trả tiền lương, tiền thưởng, tiền làm thêm giờ, các khoản phụ cấp khác theo quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ phúc lợi; đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, kịp thời và đúng quy định của Bộ luật Lao động và Luật BHXH. Trong năm 2017, Công ty không nợ tiền BHXH, BHYT, BHTN.
- » Công ty thực hiện nghiêm túc công tác huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và trang bị BHLĐ cho người lao động đúng theo quy định; Thực hiện việc chi trả phụ cấp độc hại và bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường độc hại nguy hiểm theo quy định của Nhà nước; Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể CB.CNV.
- » Tham gia bảo hiểm tai nạn con người mở rộng (PVI Care) cho toàn thể CB.CNV Công ty; Tham gia bảo hiểm nhân thọ “Phúc lợi trả sau” (Sun Life), Bảo hiểm hưu trí tự nguyện đối với CB.CNV đủ điều kiện theo quy định của Chính sách nhân viên Công ty, nhằm tạo điều kiện thu hút và ổn định đời sống cho người lao động.
- » Ngoài việc đảm bảo chế độ chính sách lao động tiền lương, các phúc lợi xã hội thì các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV luôn được chú trọng như: Tặng quà, hỗ trợ cho CB.CNV gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ, hội thao để tạo sân chơi tinh thần và tạo sự đoàn kết trong nội bộ công ty.

### Cung cấp biểu đồ BHXH, BHYT, BHTN:

Tỷ đồng



### NGHỈ THAI SẢN





“ Thỏa ước lao động được ký kết hàng năm (được điều chỉnh thay đổi phù hợp quy định pháp luật) giữa người quản lý lao động và Chủ tịch công đoàn trong hội nghị người lao động, cam kết thực hiện các chế độ, chính sách lương thưởng đãi ngộ và tạo môi trường làm việc an toàn, thoải mái và có lợi cho người lao động. ”



#### MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/QUẢN LÝ

Tạo điều kiện cho Người lao động được biết, được tham gia ý kiến những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động.

Thực hiện quyền dân chủ cho người lao động, tổ chức đối thoại với người lao động tại Công ty.

Nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của Người quản lý lao động với Người lao động, tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh) của Công ty hoạt động theo quy định của Pháp luật.

Tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng nhằm chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện kế hoạch đề ra góp phần đảm bảo quyền lợi và lợi ích cho người lao động.

Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể và chính sách lương thưởng. Giải đáp các nội dung kiến nghị của người lao động.

Tất cả các nhân viên đều được ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của Pháp luật

Công ty ban hành Thỏa ước lao động tập thể trong đó có các điều khoản đảm bảo về sức khỏe và phúc lợi có lợi hơn cho NLD và cao hơn quy định của pháp luật Công ty đã ban hành quy định bồi dưỡng hiện vật độc hại đối với đội ngũ lao động trực tiếp sản xuất, các chính sách đặc biệt dành cho lao động nữ.





## CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

### Kết quả thực hiện:

Tổng số khóa đào tạo đã thực hiện 420 khóa với chi phí 16,2 tỷ

Tổng số lượt đào tạo: 6.815 lượt người, đạt 134% so kế hoạch năm Tập đoàn giao (5.100 lượt người). Số giờ đào tạo 22.874 giờ.

Nội dung đào tạo: Đào tạo chuyên sâu, đào tạo thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn/ng nghiệp vụ, đào tạo kỹ năng công tác và đào tạo nội bộ để tăng cường kỹ năng vận hành, bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ. Cụ thể đã thực hiện tổ chức đào tạo như sau:

- » Đào tạo chuyên sâu: có 87 CBCNV tham gia 16 khóa đào tạo chuyên sâu trong đó có 56 CBCNV tham gia 11 khóa đào tạo ở nước ngoài như Basic corrosion của NACE, Introduction to Vibration for Continuous Monitoring, 3500 Operation & Maintenance, Pump System Analysis (PSA) - Advanced Level, Process Hazard Analysis (PHA) for team leaders, Coating inspection program level 1 của NACE CIP1, GE Training Course for Control and Operation, Maintenance and repair Siemens gearbox, Steam Turbine Hands-on (HTC Turbine),.....
- » Đào tạo bồi dưỡng thường xuyên, cập nhật kiến thức CM/NV: Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn tại Công ty như: Kỹ năng kiểm tra, giám sát Tuần thủ cho lãnh đạo đơn vị và bộ máy Tuần thủ, Kỹ thuật kết nối Webservice, SAP với SQL Server, Khám phá và phát triển năng lực tiềm ẩn, Kiểm toán nội bộ ứng dụng theo chuẩn quốc tế, Nghề vận hành xe nâng và nghề vận hành thiết bị nâng (tời điện, cần trục), Kỹ thuật an toàn điện và xếp bậc an toàn điện, Quản lý tình huống khẩn cấp, Jontun Paints School, Quản lý sản xuất, Mô phỏng hệ thống điện bằng phần mềm ETAP,...
- » Đào tạo nội bộ: Công tác đào tạo nội bộ tại PVCFC rất hiệu quả do vậy PVCFC luôn chú trọng công tác này. Trong năm 2018, PVCFC đã thực hiện đào tạo 322 khóa với 3.570 lượt người đạt 160% so với kế hoạch. Công tác đào tạo nội bộ tập trung vào đào tạo luân chuyển cương vị, đào tạo nhân viên mới, đào tạo chuẩn theo chức danh. Đặc biệt trong năm 2018 đội ngũ giảng viên nội bộ đã thực hiện đào tạo hơn 20 chuyên đề về an toàn và vận hành cho 61 cán bộ mới tuyển dụng cho phân xưởng NPK.



“ Tổng số lượt đào tạo: 6.815 lượt người, đạt 134% so kế hoạch năm Tập đoàn giao (5.100 lượt người). Số giờ đào tạo 22.874 giờ. ”

» Tiếp tục chuẩn hóa hệ thống đào tạo nội bộ cho nhà máy bằng việc rà soát tài liệu, biên soạn giáo trình, ngân hàng câu hỏi để phục vụ cho công tác đào tạo phát triển nhân viên mới, đào tạo luân chuyển cương vị, đào tạo nâng bậc và bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho CBCNV.

» Đào tạo theo chương trình của Tập đoàn: Tham gia các khóa đào tạo trong nước và ở nước ngoài do PVN tổ chức (PVCFC đã cử 7 CBCNV tham gia 4 khóa đào tạo do PVN tổ chức).

Tiếp tục thực hiện đề án “Tái tạo văn hóa PVCFC”, Công ty đã tổ chức các chương trình đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, kỹ năng huấn luyện (coaching) và buổi giao lưu chia sẻ kinh nghiệm coaching với Công ty cổ phần VNG để nâng cao văn hóa huấn luyện trong tổ chức giúp phát triển nhân viên, nâng cao năng suất, hiệu suất làm việc.

### Phân tích, đánh giá:

» Kế hoạch và nội dung chương trình đào tạo phù hợp với kế hoạch và tiến độ đã được Tập đoàn phê duyệt. Các CBCNV cử tham gia đào tạo đều đúng đối tượng, đã góp phần động viên tinh thần, sự hăng say lao động và nâng cao trách nhiệm của các cán bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

» Số lượt người đào tạo 6.815 lượt người, đạt 134% so với kế hoạch năm 2018, vượt so với chỉ tiêu kế hoạch Tập đoàn giao cho, chủ yếu là do PVCFC đã tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng thường xuyên, cập nhật kiến thức chuyên môn/ng nghiệp vụ và đào tạo nội bộ nhằm tăng cường kỹ năng công tác, kỹ năng vận hành - bảo dưỡng đáp ứng các yêu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty và các dự án mới theo chiến lược phát triển của Công ty.

**VỮNG TIN**  
VƯỢT SÓNG

**PHẦN**

**6**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**KIỂM TOÁN HỢP NHẤT**





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

| NỘI DUNG                                      | TRANG   |
|-----------------------------------------------|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                 | 1 - 2   |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                     | 3 - 4   |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT                 | 5 - 6   |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 7       |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT           | 8 - 9   |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT        | 10 - 39 |

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

|                             |                                                                                                                                         |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ông <b>Trần Ngọc Nguyên</b> | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)                                                                                           |
| Ông <b>Bùi Minh Tiến</b>    | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2018,<br>(miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)<br>Ủy viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2018) |
| Ông <b>Nguyễn Đức Thành</b> | Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2018)                                                                                          |
| Ông <b>Văn Tiến Thanh</b>   | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2018)                                                                                             |
| Ông <b>Trần Chí Nguyễn</b>  | Ủy viên                                                                                                                                 |
| Ông <b>Trần Mỹ</b>          | Ủy viên                                                                                                                                 |
| Bà <b>Trần Thị Bình</b>     | Ủy viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2019)                                                                                          |

Ban Tổng Giám đốc

|                             |                                                                                                              |
|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ông <b>Văn Tiến Thanh</b>   | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2018)<br>Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2018) |
| Ông <b>Bùi Minh Tiến</b>    | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2018)                                                          |
| Ông <b>Nguyễn Đức Hạnh</b>  | Phó Tổng Giám đốc                                                                                            |
| Ông <b>Lê Ngọc Minh Trí</b> | Phó Tổng Giám đốc                                                                                            |
| Ông <b>Nguyễn Tuấn Anh</b>  | Phó Tổng Giám đốc                                                                                            |
| Ông <b>Phạm Văn Bắc</b>     | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018)                                                       |
| Bà <b>Nguyễn Thị Hiền</b>   | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019)                                                       |
| Ông <b>Hoàng Trọng Dũng</b> | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2018)                                                     |

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Ngọc Minh Trí**  
Phó Tổng Giám đốc

(Căn cứ theo Thư ủy quyền số 34/UQ-PVCFC ngày 13 tháng 03 năm 2019)

Ngày 14 tháng 3 năm 2019.

### KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



*[Handwritten signature]*

### Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

### Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1924-2018-001-1

### CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2019  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

| TÀI SẢN                                      | Mã số Thuyết minh |          | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|----------------------------------------------|-------------------|----------|---------------------------|---------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b>        |          | <b>4.318.349.014.853</b>  | <b>4.838.709.104.648</b>  |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b>        | <b>4</b> | <b>285.772.463.155</b>    | <b>1.896.184.894.173</b>  |
| 1. Tiền                                      | 111               |          | 165.772.463.155           | 393.834.894.173           |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112               |          | 120.000.000.000           | 1.502.350.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b>        | <b>5</b> | <b>2.502.000.000.000</b>  | <b>2.100.000.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123               |          | 2.502.000.000.000         | 2.100.000.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b>        |          | <b>452.949.978.578</b>    | <b>400.478.657.863</b>    |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131               | 6        | 17.543.502.062            | 1.298.187.390             |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132               | 7        | 86.367.565.902            | 88.361.010.852            |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136               | 8        | 349.038.910.614           | 310.340.894.112           |
| 4. Tài sản thiếu chờ xử lý                   | 139               |          | -                         | 478.565.509               |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b>        | <b>9</b> | <b>982.641.291.700</b>    | <b>370.662.712.495</b>    |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141               |          | 982.641.291.700           | 370.662.712.495           |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b>        |          | <b>94.985.281.420</b>     | <b>71.382.840.117</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151               | 10       | 58.790.608.193            | 27.233.376.867            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       | 152               |          | 35.648.407.632            | 43.662.950.934            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153               | 13       | 546.265.595               | 486.512.316               |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b>        |          | <b>6.712.237.373.179</b>  | <b>7.617.455.035.205</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b>        |          | <b>3.000.000</b>          | <b>3.000.000</b>          |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216               | 8        | 3.000.000                 | 3.000.000                 |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b>        |          | <b>6.336.415.442.150</b>  | <b>7.501.543.498.779</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221               | 11       | 6.297.636.437.163         | 7.469.583.622.805         |
| - Nguyên giá                                 | 222               |          | 14.052.806.119.488        | 13.931.183.545.130        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223               |          | (7.755.169.682.325)       | (6.461.599.922.325)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227               | 12       | 38.779.004.987            | 31.959.875.974            |
| - Nguyên giá                                 | 228               |          | 105.889.604.017           | 85.774.363.908            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229               |          | (67.110.599.030)          | (53.814.487.934)          |
| <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>          | <b>240</b>        |          | <b>346.374.351.728</b>    | <b>104.446.521.029</b>    |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242               | 14       | 346.374.351.728           | 104.446.521.029           |
| <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b>        |          | <b>29.444.579.301</b>     | <b>11.462.015.397</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261               | 10       | 27.929.004.906            | 8.528.310.860             |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại            | 262               |          | 1.515.574.395             | 2.933.704.537             |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>       | <b>270</b>        |          | <b>11.030.586.388.032</b> | <b>12.456.164.139.853</b> |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

| NGUỒN VỐN                                                              | Mã<br>số   | Thuyết<br>minh | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|------------------------------------------------------------------------|------------|----------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                                  | <b>300</b> |                | <b>4.761.714.137.133</b>  | <b>6.302.642.116.732</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                                  | <b>310</b> |                | <b>3.096.935.931.168</b>  | <b>2.525.325.658.242</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                         | 311        | 15             | 760.187.117.215           | 437.540.179.720           |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                                   | 312        | 16             | 139.370.673.801           | 83.530.106.522            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                                 | 313        | 13             | 34.084.233.018            | 15.559.115.869            |
| 4. Phải trả người lao động                                             | 314        |                | 24.338.060.250            | 53.668.946.577            |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                           | 315        | 17             | 669.747.338.381           | 610.284.379.084           |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                                              | 319        | 18             | 231.677.522.985           | 221.137.473.632           |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                                   | 320        | 19             | 1.195.945.359.955         | 1.062.377.986.921         |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                           | 322        |                | 41.585.625.563            | 41.227.469.917            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                                                  | <b>330</b> |                | <b>1.664.778.205.965</b>  | <b>3.777.316.458.490</b>  |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                                    | 338        | 20             | 1.508.269.730.041         | 3.673.878.941.199         |
| 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ                                | 343        | 21             | 156.508.475.924           | 103.437.517.291           |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                               | <b>400</b> |                | <b>6.268.872.250.899</b>  | <b>6.153.522.023.121</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                               | <b>410</b> | <b>22</b>      | <b>6.268.872.250.899</b>  | <b>6.153.522.023.121</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                              | 411        |                | 5.294.000.000.000         | 5.294.000.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền                                          | 411a       |                | 5.294.000.000.000         | 5.294.000.000.000         |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu                                             | 414        |                | 2.499.150.000             | -                         |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                                               | 418        |                | 317.733.263.806           | 238.735.534.003           |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                                   | 421        |                | 626.042.163.540           | 594.403.715.402           |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/<br>(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |                | 114.025.462.671           | 98.105.509.479            |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/<br>(Lỗ) năm nay                   | 421b       |                | 512.016.700.869           | 496.298.205.923           |
| 5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát                                 | 429        |                | 28.597.673.553            | 26.382.773.716            |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>                               | <b>440</b> |                | <b>11.030.586.388.032</b> | <b>12.456.164.139.853</b> |


Đinh Nhật Dương

Người lập biểu

Đinh Như Cường

Kế toán trưởng

Lê Ngọc Minh Trí

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

MẪU SỐ B 03-DN/HN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

| CHỈ TIÊU                                                                   | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | Năm nay                  | Năm trước                |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                           | <b>01</b> | <b>25</b>      | <b>6.827.333.782.705</b> | <b>5.832.973.328.808</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                            | 02        | 25             | 138.005.245.929          | 85.218.359.150           |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>       | <b>10</b> |                | <b>6.689.328.536.776</b> | <b>5.747.754.969.658</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán                                                        | 11        | 26             | 5.252.270.494.230        | 4.366.452.519.088        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>         | <b>20</b> |                | <b>1.437.058.042.546</b> | <b>1.381.302.450.570</b> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                           | 21        | 28             | 176.153.015.449          | 168.762.736.688          |
| 7. Chi phí tài chính                                                       | 22        | 29             | 260.130.153.544          | 202.888.783.558          |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                                | 23        |                | 142.052.771.852          | 182.986.530.390          |
| 8. Chi phí bán hàng                                                        | 25        | 30             | 336.114.695.573          | 333.600.305.285          |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                            | 26        | 30             | 320.103.363.112          | 337.350.868.958          |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b> | <b>30</b> |                | <b>696.862.845.766</b>   | <b>676.225.229.457</b>   |
| 11. Thu nhập khác                                                          | 31        | 31             | 14.253.913.513           | 3.182.396.723            |
| 12. Chi phí khác                                                           | 32        | 31             | 4.918.116.503            | 82.492.494               |
| <b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                       | <b>40</b> | <b>31</b>      | <b>9.335.797.010</b>     | <b>3.099.904.229</b>     |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>                    | <b>50</b> |                | <b>706.198.642.776</b>   | <b>679.325.133.686</b>   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                           | 51        | 32             | 45.721.096.790           | 40.882.128.966           |
| 16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                 | 52        |                | 1.418.130.142            | (2.933.704.537)          |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>          | <b>60</b> |                | <b>659.059.415.844</b>   | <b>641.376.709.257</b>   |
| 17.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ                                    | 61        |                | 656.144.950.729          | 637.879.025.730          |
| 17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát                       | 62        |                | 2.914.465.115            | 3.497.683.527            |
| <b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                        | <b>70</b> | <b>33</b>      | <b>1.114</b>             | <b>1.074</b>             |


Đinh Nhật Dương

Người lập biểu

Đinh Như Cường

Kế toán trưởng

Lê Ngọc Minh Trí

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2019



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 03-DN/HN

| CHỈ TIÊU                                                                                 | Mã số     | Năm nay                  | Năm trước                |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                        |           |                          |                          |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>                                                           | <b>01</b> | <b>706.198.642.776</b>   | <b>679.325.133.686</b>   |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>                                                      |           |                          |                          |
| Khấu hao tài sản cố định                                                                 | 02        | 1.303.375.630.640        | 1.309.000.550.484        |
| Các khoản dự phòng                                                                       | 03        | -                        | (1.505.064.148)          |
| Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá                                          | 04        | 49.850.495.688           | (10.234.614.310)         |
| lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ                                                |           |                          |                          |
| Lãi từ hoạt động đầu tư                                                                  | 05        | (158.476.347.608)        | (156.680.247.539)        |
| Chi phí lãi vay                                                                          | 06        | 142.052.771.852          | 182.986.530.390          |
| Các khoản điều chỉnh khác                                                                | 07        | 71.305.673.759           | 72.825.537.606           |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                  | <b>08</b> | <b>2.114.306.867.107</b> | <b>2.075.717.826.169</b> |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu                                                           | 09        | (48.477.092.926)         | 27.973.717.696           |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho                                                                 | 10        | (611.978.579.205)        | 4.962.869.839            |
| Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        | 411.357.133.968          | 362.668.158.683          |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước                                                            | 12        | (50.957.925.372)         | 92.939.445.495           |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 14        | (174.063.632.569)        | (177.285.840.755)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15        | (29.470.383.260)         | (26.829.335.955)         |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                   | 17        | (81.716.807.090)         | (93.912.397.585)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                     | <b>20</b> | <b>1.528.999.580.653</b> | <b>2.266.234.443.587</b> |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                           |           |                          |                          |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                           | 21        | (341.453.501.593)        | (119.674.908.983)        |
| 2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác                                      | 23        | (5.572.000.000.000)      | (4.800.000.000.000)      |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                          | 24        | 5.170.000.000.000        | 5.000.000.000.000        |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                   | 27        | 162.436.909.842          | 153.838.386.428          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                         | <b>30</b> | <b>(581.016.591.751)</b> | <b>234.163.477.445</b>   |

MẪU SỐ B 03-DN/HN

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018(tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                | Mã số     | Năm nay                    | Năm trước                  |
|---------------------------------------------------------|-----------|----------------------------|----------------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>      |           |                            |                            |
| 1. Tiền thu từ đi vay                                   | 33        | 543.170.363.366            | 198.310.040.751            |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay                                  | 34        | (2.624.916.580.191)        | (1.348.465.440.374)        |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu              | 36        | (476.514.891.000)          | (267.607.040.000)          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>     | <b>40</b> | <b>(2.558.261.107.825)</b> | <b>(1.417.762.439.623)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>    | <b>50</b> | <b>(1.610.278.118.923)</b> | <b>1.082.635.481.409</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                 | <b>60</b> | <b>1.896.184.894.173</b>   | <b>813.518.747.412</b>     |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61        | (134.312.095)              | 30.665.352                 |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>  | <b>70</b> | <b>285.772.463.155</b>     | <b>1.896.184.894.173</b>   |



**Đinh Nhật Dương**

Người lập biểu



**Đinh Như Cường**

Kế toán trưởng



**Lê Ngọc Minh Trí**

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 03-DN/HN

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001012298 cấp lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2001012298 ngày 15 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, với vốn điều lệ là 5.294.000.000.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 với mã chứng khoán là DCM.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.150 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.187).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất phân bón, hợp chất ni tơ và hóa chất cơ bản.
- Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong công - nông nghiệp.
- Bán lẻ phân bón, hóa chất sử dụng trong công - nông nghiệp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất.
- Kho bãi, lưu giữ và bốc xếp hàng hóa.
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh phân bón.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 công ty con là Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam. Thông tin khái quát về công ty con của Công ty như sau:

| Tên công ty con                         | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Hoạt động chính             |
|-----------------------------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam | Bạc Liêu                   | 51,03                 | 51,03                      | Sản xuất bao bì và phân bón |

MẪU SỐ B 03-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

Công ty có 02 chi nhánh là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, có trụ sở đóng tại Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, có con dấu riêng để giao dịch, được mở tài khoản tại các ngân hàng theo quy định của pháp luật. Thông tin khái quát về các chi nhánh như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau – Ban quản lý Dự án chuyên ngành được thành lập theo Quyết định số 1109/QĐ-PVCFC ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau – Trung tâm Nghiên cứu Phát triển được thành lập theo Quyết định số 442/QĐ-PVCFC ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty.

### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Quyết toán cổ phần hóa

Theo Biên bản kiểm tra, xác minh ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau, Thanh tra Chính phủ kiểm tra, xác minh về xác định giá trị doanh nghiệp, vốn điều lệ của công ty cổ phần, quyết toán vốn nhà nước và thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, việc tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược. Công ty ghi nhận các nội dung tại Biên bản kiểm tra, xác minh và báo cáo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để có văn bản giải trình về các nội dung nêu trên. Các điều chỉnh có liên quan (nếu có) sẽ được Công ty thực hiện khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

## Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

## Các khoản đầu tư tài chính

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

## Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

MẪU SỐ B 03-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

## Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                                            | Số năm |
|--------------------------------------------|--------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc                   | 5 - 25 |
| Máy móc và thiết bị                        | 5 - 12 |
| Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn | 5 - 8  |
| Thiết bị văn phòng                         | 3 - 6  |
| Tài sản cố định khác                       | 3 - 6  |

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, khấu hao điều chỉnh được bắt đầu khi Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

## Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất tăng do thực hiện đánh giá lại giá trị và chuyển sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần được ghi tăng khoản phải trả Nhà nước.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                          | Số năm  |
|--------------------------|---------|
| Quyền sử dụng đất        | 20 - 50 |
| Bản quyền, bằng sáng chế | 3       |
| Phần mềm máy tính        | 3       |

Các tài sản cố định vô hình của Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, khấu hao điều chỉnh được bắt đầu khi Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

## Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

## Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau, chi phí gia hạn bảo hành, bản quyền phần mềm, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí hóa chất xúc tác và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo hiểm tài sản Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian bảo hiểm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

MẪU SỐ B 03-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

## Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập với tỷ lệ không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

## Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công văn số 7526/BTC-TCĐN ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc tỷ giá hạch toán ngoại tệ, Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200").

## Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 61101000153 ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau, Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (Công ty mẹ) được hưởng các ưu đãi đối với dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: được áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Đất đai: được miễn, giảm thuế sử dụng đất, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và tiền thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về thuế hiện hành.
- Thuế nhập khẩu: được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải và hàng hóa khác để thực hiện dự án đầu tư theo quy định Luật thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính phát sinh từ Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau, Công ty đang trong giai đoạn được hưởng ưu đãi thuế. Năm 2018 là năm thứ ba Công ty được hưởng ưu đãi thuế giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Đối với các hoạt động kinh doanh khác ngoài Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (Công ty con - PPC) được áp dụng như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì: Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013 và các quy định hiện hành, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 20% trong thời hạn 10 năm và từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thuế suất ưu đãi là 17%; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2018, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi là 17%.
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón: Theo Công văn số 380/CT-TTHT ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Cục Thuế tỉnh Bạc Liêu, dự án Nhà máy sản xuất phân bón Dầu khí Bạc Liêu được xác định là dự án đầu tư mới. Do đó, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 17% trong thời hạn 10 năm; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

MẪU SỐ B 03-DN/HN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                 | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND        |
|---------------------------------|------------------------|--------------------------|
| Tiền mặt                        | 958.824.054            | 331.972.815              |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 164.813.639.101        | 393.502.921.358          |
| Các khoản tương đương tiền (*)  | 120.000.000.000        | 1.502.350.000.000        |
|                                 | <b>285.772.463.155</b> | <b>1.896.184.894.173</b> |

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 7.063.056 VND, 128,97 USD và 0,3 EUR tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.195.315.195 VND, 128,97 USD và 0,3 EUR tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và 332.000.000.000 VND tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 3 tháng) tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau đang bị hạn chế giao dịch. Công ty thường xuyên đánh giá và tin tưởng rằng tất cả các khoản tiền gửi này không có rủi ro về tính thanh khoản hoặc khả năng thu hồi.

### 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

|                                                 | Số cuối năm       |                       | Số đầu năm        |                       |
|-------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
|                                                 | Giá gốc<br>VND    | Giá trị ghi sổ<br>VND | Giá gốc<br>VND    | Giá trị ghi sổ<br>VND |
| <b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn</b> |                   |                       |                   |                       |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng                 | 2.502.000.000.000 | 2.502.000.000.000     | 2.100.000.000.000 | 2.100.000.000.000     |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm 332.000.000.000 VND tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau đang bị hạn chết giao dịch. Công ty thường xuyên đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền gửi này không có rủi ro về khả năng thu hồi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã sử dụng hai khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 200.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

### 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

|                                                             | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND    |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH MTV Tường Dung An Giang                        | 8.033.321.750         | -                    |
| Công ty TNHH Hóa chất và Xây dựng Phú Mỹ                    | 5.867.139.482         | -                    |
| Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc                         | 39.270.000            | 553.135.000          |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Tường Nguyên | -                     | 162.085.000          |
| Các khách hàng khác                                         | 3.603.770.830         | 582.967.390          |
|                                                             | <b>17.543.502.062</b> | <b>1.298.187.390</b> |

### 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                                                                | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất                                  | 39.435.760.601        | 47.759.883.484        |
| Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Tri Việt                                      | 10.382.581.768        | 576.254.255           |
| Liên danh Công ty Cổ phần Đường ống Bể chứa Dầu khí - Công ty Cổ phần Xây dựng | 5.529.148.568         | -                     |
| Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco                                                | 3.440.023.800         | -                     |
| Công trình thủy Hà Nội                                                         |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Viet Engineering                                               | 2.468.181.818         | -                     |
| Atlas Copco (Thailand) Limited                                                 | 1.943.054.198         | -                     |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Năng Lượng                                    | 1.499.236.960         | -                     |
| Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật Hải Anh                                    | 1.461.752.454         | -                     |
| Công ty TNHH Yokogawa Việt Nam                                                 | 336.645.870           | 5.573.649.360         |
| Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Vimico                                          | 17.494.617            | 895.294.617           |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD               | -                     | 15.120.373.378        |
| Công ty Cổ phần Truyền thông VMARK                                             | -                     | 2.763.700.000         |
| Các nhà cung cấp khác                                                          | 19.853.685.248        | 15.671.855.758        |
|                                                                                | <b>86.367.565.902</b> | <b>88.361.010.852</b> |
| <b>Trả trước cho các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)        | <b>1.089.288.913</b>  | <b>17.919.325.565</b> |

MẪU SỐ B 03-DN/HN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

### 8. PHẢI THU KHÁC

|                                                                                     | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                                                  | 276.761.701.091        | 276.761.701.091        |
| <b>a. Ngắn hạn</b>                                                                  |                        |                        |
| - Phải thu liên quan đến giai đoạn cổ phần hóa (i)                                  | 276.761.701.091        | 276.761.701.091        |
| Phải thu thuế nhà thầu đối với lãi vay các khoản vay nước ngoài (ii)                | 37.443.340.008         | -                      |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn                                                       | 23.079.153.422         | 27.045.577.779         |
| Phải thu Dead Sea Works Co., Ltd. tiền chiết khấu hàng mua trong năm 2018           | 7.636.315.200          | -                      |
| Tạm ứng cán bộ công nhân viên                                                       | 3.415.569.792          | 6.147.410.887          |
| Ký cược, ký quỹ                                                                     | 453.931.102            | 325.000.000            |
| Phải thu khác                                                                       | 248.899.999            | 61.204.355             |
|                                                                                     | <b>349.038.910.614</b> | <b>310.340.894.112</b> |
| <b>b. Dài hạn</b>                                                                   |                        |                        |
| Ký cược, ký quỹ dài hạn                                                             | 3.000.000              | 3.000.000              |
|                                                                                     | <b>3.000.000</b>       | <b>3.000.000</b>       |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 36) | <b>276.761.701.091</b> | <b>276.761.701.091</b> |

(i) Phản ánh lợi nhuận của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 14 tháng 01 năm 2015 đã chuyển thừa về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam do ảnh hưởng của việc điều chỉnh đơn giá khí mà Công ty mua của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong giai đoạn này. Khoản phải thu này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

(ii) Phản ánh khoản thuế nhà thầu mà Công ty đã thanh toán lũy kế đến hết năm 2018 phải thu lại từ nhà thầu nước ngoài liên quan đến phần lãi vay khoản vay theo Hợp đồng vay vốn tín dụng ECA giữa nhóm cho vay là các Ngân hàng BNP Paribas, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc và Ngân hàng Credit Agricole với bên vay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty đã nộp khoản thuế nhà thầu này căn cứ theo Biên bản làm việc ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa Thanh tra Bộ Tài chính, Cục thuế Tỉnh Cà Mau và Công ty (chi tiết tại Thuyết minh số 34).

### 9. HÀNG TỒN KHO

|                                      | Số cuối năm            |                 | Số đầu năm             |                 |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
|                                      | Giá gốc                | Dự phòng<br>VND | Giá gốc                | Dự phòng<br>VND |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 261.406.983.302        | -               | 207.282.458.199        | -               |
| Công cụ, dụng cụ                     | 12.459.568.506         | -               | 4.833.713.407          | -               |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 47.186.246.964         | -               | 35.052.347.008         | -               |
| Thành phẩm                           | 386.718.974.960        | -               | 113.052.877.561        | -               |
| Hàng hoá                             | 274.869.517.968        | -               | 10.441.316.320         | -               |
|                                      | <b>982.641.291.700</b> | <b>-</b>        | <b>370.662.712.495</b> | <b>-</b>        |



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|                                              | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                           |                       |                       |
| Chi phí bảo hiểm tài sản Nhà máy Đạm Cà Mau  | 32.653.645.574        | 16.751.612.330        |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng                   | 8.978.683.870         | 3.205.183.843         |
| Chi phí vận chuyển, làm hàng                 | 8.235.680.996         | -                     |
| Chi phí gia hạn bảo hành, bản quyền phần mềm | 8.029.236.645         | 4.760.218.148         |
| Pano quảng cáo                               | -                     | 1.240.979.132         |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác              | 893.361.108           | 1.275.383.414         |
|                                              | <b>58.790.608.193</b> | <b>27.233.376.867</b> |
| <b>b. Dài hạn</b>                            |                       |                       |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định             | 22.581.522.229        | 1.188.898.843         |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng                   | 5.002.277.775         | 5.052.684.201         |
| Chi phí đào tạo cán bộ công nhân viên        | 111.661.562           | 558.307.812           |
| Hóa chất xúc tác                             | -                     | 1.556.423.768         |
| Chi phí trả trước dài hạn khác               | 233.543.340           | 171.996.236           |
|                                              | <b>27.929.004.906</b> | <b>8.528.310.860</b>  |

## 11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                                      | Nhà xưởng<br>và vật kiến trúc<br>VND | Máy móc<br>và thiết bị<br>VND | Thiết bị<br>văn phòng<br>VND | Phương tiện vận<br>tải và thiết bị<br>truyền dẫn<br>VND | Khác<br>VND    | Tổng<br>VND        |
|--------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------|--------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>                    |                                      |                               |                              |                                                         |                |                    |
| Số dư đầu năm                        | 3.392.155.530.008                    | 10.357.629.785.930            | 60.691.803.669               | 61.947.834.279                                          | 58.758.591.244 | 13.931.183.545.130 |
| Tăng trong năm                       | -                                    | 67.658.529.502                | 9.782.345.966                | 5.851.325.510                                           | 51.375.500     | 83.343.576.478     |
| Đầu tư xây dựng cơ<br>bản hoàn thành | 9.104.081.641                        | 26.255.742.518                | 2.359.166.650                | -                                                       | 560.007.071    | 38.278.997.880     |
| Số dư cuối năm                       | 3.401.259.611.649                    | 10.451.544.057.950            | 72.833.316.285               | 67.799.159.789                                          | 59.369.973.815 | 14.052.806.119.488 |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>        |                                      |                               |                              |                                                         |                |                    |
| Số dư đầu năm                        | 1.649.021.667.225                    | 4.711.000.559.405             | 40.245.442.250               | 44.396.786.517                                          | 16.935.466.928 | 6.461.599.922.325  |
| Khấu hao trong năm                   | 300.888.304.878                      | 979.740.149.850               | 7.217.047.606                | 5.085.755.615                                           | 638.502.051    | 1.293.569.760.000  |
| Số dư cuối năm                       | 1.949.909.972.103                    | 5.690.740.709.255             | 47.462.489.856               | 49.482.542.132                                          | 17.573.968.979 | 7.755.169.682.325  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>               |                                      |                               |                              |                                                         |                |                    |
| Tại ngày đầu năm                     | 1.743.133.862.783                    | 5.646.629.226.525             | 20.446.361.419               | 17.551.047.762                                          | 41.823.124.316 | 7.469.583.622.805  |
| Tại ngày cuối năm                    | 1.451.349.639.546                    | 4.760.803.348.695             | 25.370.826.429               | 18.316.617.657                                          | 41.796.004.836 | 6.297.636.437.163  |

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

### 12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                                      | Quyền<br>sử dụng đất<br>VND | Bản quyền,<br>bằng sáng chế<br>VND | Phần mềm<br>mã tính<br>VND | Tổng<br>VND            |
|--------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|----------------------------|------------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>                    |                             |                                    |                            |                        |
| <b>Số dư đầu năm</b>                 | <b>22.194.885.567</b>       | <b>32.483.466.173</b>              | <b>31.096.012.168</b>      | <b>85.774.363.908</b>  |
| Tăng trong năm                       | -                           | -                                  | 3.033.645.500              | 3.033.645.500          |
| Đầu tư xây dựng cơ<br>bản hoàn thành | -                           | -                                  | 17.081.594.609             | 17.081.594.609         |
| <b>Số dư cuối năm</b>                | <b>22.194.885.567</b>       | <b>32.483.466.173</b>              | <b>51.211.252.277</b>      | <b>105.889.604.017</b> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>        |                             |                                    |                            |                        |
| <b>Số dư đầu năm</b>                 | <b>3.713.945.734</b>        | <b>24.577.542.495</b>              | <b>25.522.999.705</b>      | <b>53.814.487.934</b>  |
| Khấu hao trong năm                   | 1.286.648.162               | 1.331.534.671                      | 10.677.928.263             | 13.296.111.096         |
| <b>Số dư cuối năm</b>                | <b>5.000.593.896</b>        | <b>25.909.077.166</b>              | <b>36.200.927.968</b>      | <b>67.110.599.030</b>  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>               |                             |                                    |                            |                        |
| <b>Tại ngày đầu năm</b>              | <b>18.480.939.833</b>       | <b>7.905.923.678</b>               | <b>5.573.012.463</b>       | <b>31.959.875.974</b>  |
| <b>Tại ngày cuối năm</b>             | <b>17.194.291.671</b>       | <b>6.574.389.007</b>               | <b>15.010.324.309</b>      | <b>38.779.004.987</b>  |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 53.984.723.741 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 16.268.335.312 VND).

### 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

|                              | Số đầu năm<br>VND  | Số phải nộp<br>trong năm<br>VND | Số đã thực nộp<br>trong năm<br>VND | Số cuối năm<br>VND |
|------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------------------------|--------------------|
| <b>a. Các khoản phải thu</b> |                    |                                 |                                    |                    |
| Thuế giá trị gia tăng        | 89.165.711         | -                               | 59.753.279                         | 148.918.990        |
| Tiền thuê đất                | 397.346.605        | -                               | -                                  | 397.346.605        |
|                              | <b>486.512.316</b> | <b>-</b>                        | <b>59.753.279</b>                  | <b>546.265.595</b> |
| <b>b. Các khoản phải trả</b> |                    |                                 |                                    |                    |
| Thuế giá trị gia tăng        | 295.061.188        | 10.500.181.799                  | 10.148.664.570                     | 646.578.417        |
| Thuế nhập khẩu               | -                  | 15.616.511.788                  | 15.616.511.788                     | -                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp   | 11.578.003.176     | 45.721.096.790                  | 29.470.383.260                     | 27.828.716.706     |
| Thuế tài nguyên              | 133.396.460        | 2.740.660.320                   | 2.671.711.650                      | 202.345.130        |
| Tiền thuê đất                | -                  | 77.400.525                      | 77.400.525                         | -                  |
| Thuế thu nhập cá nhân        | 3.438.402.375      | 23.479.581.470                  | 21.805.831.647                     | 5.112.152.198      |

MẪU SỐ B 03-DN/HN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

### 14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

|                                                        | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|--------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Dây chuyền sản xuất phân bón phức hợp từ Ure nóng chảy | 282.477.152.203        | 59.991.150.644         |
| Dự án cảng nhập nguyên liệu 500.000 tấn/năm            | 38.257.800.411         | 574.218.787            |
| Dự án ERP giai đoạn 2                                  | 11.364.926.500         | -                      |
| Sửa chữa văn phòng nhà máy                             | 7.136.721.254          | -                      |
| Dự án Permeate Gas                                     | 2.696.390.654          | -                      |
| Chi phí giải phóng mặt bằng khu nhà công vụ            | -                      | 19.217.326.485         |
| Cải hoán sàng phân loại cỡ hạt đậm                     | -                      | 9.466.711.521          |
| Sửa chữa cải tạo nhà ở giai đoạn 3                     | -                      | 5.832.841.102          |
| Hệ thống CCTV giai đoạn 2                              | -                      | 4.295.997.851          |
| Các công trình khác                                    | 4.441.360.706          | 5.068.274.639          |
|                                                        | <b>346.374.351.728</b> | <b>104.446.521.029</b> |

Công ty sử dụng toàn số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang Dự án “Nhà máy Sản xuất Phân bón phức hợp từ Ure nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm” và Dự án “Cảng nhập nguyên liệu công suất 500.000 tấn/năm của Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau” với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 320.734.952.614 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 60.565.369.431) để thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng.



|                                                                                    | Số cuối năm VND        |                        | Số đầu năm VND         |                        |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                                    | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)                                                      | 341.388.689.557        | 341.388.689.557        | 198.267.385.610        | 198.267.385.610        |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam                                             | 41.414.975.677         | 41.414.975.677         | 33.178.356.253         | 33.178.356.253         |
| Công ty Cổ phần F.A                                                                | 37.790.086.364         | 37.790.086.364         | 16.751.956.855         | 16.751.956.855         |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam                                   | 17.118.366.591         | 17.118.366.591         | 12.224.099.267         | 12.224.099.267         |
| Công ty TNHH Yokogawa Việt Nam                                                     | 15.405.131.340         | 15.405.131.340         | 2.604.336.966          | 2.604.336.966          |
| Công ty TNHH Vivablast Việt Nam                                                    | 12.644.235.195         | 12.644.235.195         | -                      | -                      |
| Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Tri Việt                                          | 4.286.950.407          | 4.286.950.407          | 17.521.782.922         | 17.521.782.922         |
| Các đối tượng khác                                                                 | 290.138.682.084        | 290.138.682.084        | 156.992.261.847        | 156.992.261.847        |
|                                                                                    | <b>760.187.117.215</b> | <b>760.187.117.215</b> | <b>437.540.179.720</b> | <b>437.540.179.720</b> |
| <b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b><br>(chi tiết tại Thuyết minh số 36) | <b>413.607.720.403</b> | <b>-</b>               | <b>250.752.258.961</b> | <b>250.752.258.961</b> |

(\*) Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu phần ảnh khoản tiền Công ty mua khí thiên nhiên của Lô PM3 CAA và Lô 46 - Cái Nước theo Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 17 tháng 11 năm 2014 sửa đổi Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23 tháng 5 năm 2012 giữa Công ty và Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

## 16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

|                                                             | Số cuối năm VND        | Số đầu năm VND        |
|-------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Tường Nguyên | 12.499.380.300         | 14.503.050.000        |
| Yetak Group Co., Ltd                                        | 12.241.530.986         | -                     |
| Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Hưng Thạnh                  | 9.725.990.573          | 5.477.842.360         |
| Công ty TNHH Thương mại Nguyễn Khoa                         | 8.742.767.479          | 7.352.499.999         |
| Doanh nghiệp tư nhân Việt Nga                               | 7.115.516.950          | 46.576.750            |
| Công ty TNHH Út Nữ                                          | 6.073.202.550          | 2.006.850.000         |
| Công ty TNHH Một thành viên Thế Mẫn                         | 5.447.757.700          | 3.404.358.900         |
| Công ty TNHH Hữu Thành I                                    | 5.209.370.200          | 537.150.000           |
| Công ty TNHH Minh Trung                                     | 5.173.558.320          | 384.613.000           |
| Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Đăng Lan                    | 3.334.385.200          | 8.810.500.000         |
| Công ty TNHH Hữu Nghị                                       | 3.308.714.320          | 6.261.232.500         |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thái Sơn                 | 2.719.364.465          | 330.000.000           |
| Doanh nghiệp tư nhân Tường Dung                             | 1.130.400.000          | 5.273.000.000         |
| Five Star International Fertilizer Cambodia Co., Ltd.       | 545.051.102            | 5.857.720.000         |
| Doanh nghiệp tư nhân Hưng Thạnh                             | 16.493.060             | 432.286.240           |
| Các khách hàng khác                                         | 56.087.190.596         | 22.852.426.773        |
|                                                             | <b>139.370.673.801</b> | <b>83.530.106.522</b> |

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

|                                                                                         | Số cuối năm VND        | Số đầu năm VND         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền khí tạm tính điều chỉnh                                                            | 575.040.481.001        | 479.181.172.915        |
| Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ                                                           | 41.704.922.770         | 8.087.279.283          |
| Lãi vay phải trả                                                                        | 32.263.174.952         | 64.274.035.669         |
| Chiết khấu thương mại                                                                   | 15.180.288.515         | 45.183.361.668         |
| Chi phí bảo lãnh phải trả                                                               | 1.585.937.056          | 4.370.452.035          |
| Các khoản trích trước khác                                                              | 3.972.534.087          | 9.188.077.514          |
|                                                                                         | <b>669.747.338.381</b> | <b>610.284.379.084</b> |
| <b>Chi phí phải trả các bên liên quan</b><br>(chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 36) | <b>576.626.418.057</b> | <b>479.181.172.915</b> |

(i) Tiền khí tạm tính phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được Công ty xác định và điều chỉnh theo giá khí tạm quyết toán năm 2018 là 4,049 USD/Tr.BTU, tương đương 3,838 USD/GJ (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng), quy đổi theo tỷ giá bán của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 23.345 VND/USD căn cứ vào Quyết định số 1294/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

## 18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

|                                                                                                  | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau                                               | 55.851.413.429         | 55.851.413.429         |
| - Thuế giá trị gia tăng đầu vào mua khí trong giai đoạn trước khi chính thức vận hành thương mại | 49.897.065.571         | 49.897.065.571         |
| - Các khoản phải trả khác                                                                        | 5.954.347.858          | 5.954.347.858          |
| Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                                                               | 152.884.237.958        | 152.890.357.958        |
| - Nhận bàn giao Dự án hoàn thành "Nhà máy sản xuất Phân đạm Cà Mau" (i)                          | 78.515.027.920         | 78.515.027.920         |
| - Lợi nhuận phải nộp (ii)                                                                        | 40.732.029.647         | 40.732.029.647         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 nộp thừa                                                   | 32.375.616.667         | 32.381.736.667         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2015           | 1.176.849.040          | 1.176.849.040          |
| - Phải trả về cổ phần hóa                                                                        | 247.500.000            | 247.500.000            |
| - Phải trả khác                                                                                  | (162.785.316)          | (162.785.316)          |
| Quỹ thưởng an toàn (iii)                                                                         | 3.110.068.346          | 2.155.892.699          |
| Kinh phí công đoàn                                                                               | 1.421.281.290          | 1.271.810.485          |
| Bảo hiểm xã hội                                                                                  | 286.692.825            | -                      |
| Bảo hiểm y tế                                                                                    | 51.072.748             | -                      |
| Bảo hiểm thất nghiệp                                                                             | 25.418.156             | -                      |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                                                                    | 1.377.313.800          | 571.366.000            |
| Phải trả ngắn hạn khác                                                                           | 16.670.024.433         | 8.396.633.061          |
|                                                                                                  | <b>231.677.522.985</b> | <b>221.137.473.632</b> |
| <b>Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</b><br>(chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 35)    | <b>208.735.651.387</b> | <b>208.741.771.387</b> |

(i) Theo Quyết định số 1989/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành Dự án “Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau”, Công ty nhận bàn giao tài sản cố định và tài sản lưu động của Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau theo giá trị quyết toán. Công ty tạm ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị tài sản nhận bàn giao và vốn điều lệ, vốn vay đã nhận là một khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Số dư phải trả này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán vốn với Tập đoàn.

(ii) Phản ánh các ảnh hưởng đến lợi nhuận phải nộp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam do các điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 14 tháng 01 năm 2015. Khoản phải trả này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

(iii) Công ty trích lập quỹ thưởng an toàn theo Công văn số 3514/LĐTBXH-LĐTL ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thưởng an toàn, để chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ thưởng an toàn là công nhân, nhân viên của Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau.

MẪU SỐ B 03-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

## 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

|                                                                   | Số đầu năm<br>VND        |                          | Tăng                     |                          | Trong năm<br>VND |                          | Số cuối năm<br>VND       |                       |
|-------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
|                                                                   | Giá trị                  | Số có khả năng trả nợ    |                          |                          | Giảm             |                          | Giá trị                  | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn ngân hàng                                            | 3.609.022.600            | 3.609.022.600            | 465.076.447.583          | 308.560.969.077          |                  | 160.124.501.106          | 160.124.501.106          |                       |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu (i)    | 3.609.022.600            | 3.609.022.600            | 169.766.673.943          | 158.737.556.842          |                  | 14.638.139.701           | 14.638.139.701           |                       |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm (ii) | -                        | -                        | 295.309.773.640          | 149.823.412.235          |                  | 145.486.361.405          | 145.486.361.405          |                       |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)                    | 1.058.768.964.321        | 1.058.768.964.321        | 1.035.820.858.849        | 1.058.768.964.321        |                  | 1.035.820.858.849        | 1.035.820.858.849        |                       |
|                                                                   | <b>1.062.377.986.921</b> | <b>1.062.377.986.921</b> | <b>1.500.897.306.432</b> | <b>1.367.329.933.398</b> |                  | <b>1.195.945.359.955</b> | <b>1.195.945.359.955</b> |                       |

- (i) Thể hiện khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (Công ty con của Công ty) với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với thời gian vay tối đa không quá 3 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì và phân Urê đen. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ quy định nhưng tối thiểu không thấp hơn lãi suất sàn cho vay do bên cho vay quy định.
- (ii) Phản ánh các khoản vay ngắn hạn bằng USD với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm với kỳ hạn 2 tháng nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Lãi suất các khoản vay là 2,9%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư gốc của khoản vay là 6.283.151 USD, , tương đương 145.486.361.405 VND. Tài sản đảm bảo của khoản vay là hai khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 200.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

|                                                                                                      | Số đầu năm VND           |                          | Trong năm VND         |                          | Số cuối năm VND          |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                                                                      | Giá trị                  | Số có khả năng trả nợ    | Tăng                  | Giảm                     | Giá trị                  | Số có khả năng trả nợ    |
| <b>Vay dài hạn</b>                                                                                   | <b>4.732.647.905.520</b> | <b>4.732.647.905.520</b> | <b>78.093.915.783</b> | <b>2.266.651.232.413</b> | <b>2.544.090.588.890</b> | <b>2.544.090.588.890</b> |
| Nhóm các Ngân hàng BNP Paribas, Ngân hàng Credit Agricole và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (i) | 2.991.780.000.000        | 2.991.780.000.000        | -                     | 1.602.480.000.000        | 1.389.300.000.000        | 1.389.300.000.000        |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)                                                             | 1.566.206.851.105        | 1.566.206.851.105        | -                     | 581.483.931.598          | 984.722.919.507          | 984.722.919.507          |
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (iii)                                          | 28.672.198.008           | 28.672.198.008           | -                     | 28.672.198.008           | -                        | -                        |
| Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Sài Gòn (iv)                                                     | 41.095.902.807           | 41.095.902.807           | -                     | 41.095.902.807           | -                        | -                        |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (v)                                                                  | 67.992.690.692           | 67.992.690.692           | 59.153.640.901        | -                        | 127.146.331.593          | 127.146.331.593          |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cà Mau (vi)                          | -                        | -                        | 18.940.274.882        | -                        | 18.940.274.882           | 18.940.274.882           |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu (vi)                                        | 36.900.262.908           | 36.900.262.908           | -                     | 12.919.200.000           | 23.981.062.908           | 23.981.062.908           |
| <b>Trong đó:</b>                                                                                     | <b>4.732.647.905.520</b> | <b>4.732.647.905.520</b> | <b>78.093.915.783</b> | <b>2.266.651.232.413</b> | <b>2.544.090.588.890</b> | <b>2.544.090.588.890</b> |
| - Số phải trả trong vòng 12 tháng                                                                    | 1.058.768.964.321        |                          |                       |                          | 1.035.820.858.849        |                          |
| - Số phải trả sau 12 tháng                                                                           | 3.673.878.941.199        |                          |                       |                          | 1.508.269.730.041        |                          |

MẪU SỐ B 03-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn của Công ty được giải ngân bằng USD và VND để phục vụ cho việc đầu tư mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản của Công ty. Lãi suất trong kỳ là từ 2,5%/năm đến 5,13%/năm đối với USD và từ 7,5%/năm đến 11%/năm đối với VND.

Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền giải ngân như sau:

|              | Số cuối năm VND          | Số đầu năm VND           |
|--------------|--------------------------|--------------------------|
| Vay bằng USD | 2.374.022.919.507        | 4.557.986.851.105        |
| Vay bằng VND | 170.067.669.383          | 174.661.054.415          |
|              | <b>2.544.090.588.890</b> | <b>4.732.647.905.520</b> |

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

|                        | Số cuối năm VND          | Số đầu năm VND           |
|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vay có tài sản đảm bảo | 2.544.090.588.890        | 4.732.647.905.520        |
|                        | <b>2.544.090.588.890</b> | <b>4.732.647.905.520</b> |

Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

|                           | Số cuối năm VND          | Số đầu năm VND           |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vay theo lãi suất thả nổi | 2.544.090.588.890        | 4.732.647.905.520        |
|                           | <b>2.544.090.588.890</b> | <b>4.732.647.905.520</b> |

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|                               | Số cuối năm VND          | Số đầu năm VND           |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Trong vòng một năm            | 1.035.820.858.849        | 1.058.768.964.321        |
| Trong năm thứ hai             | 1.026.235.702.601        | 1.009.195.191.309        |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 426.860.960.052          | 2.130.354.352.273        |
| Sau năm năm                   | 55.173.067.388           | 534.329.397.617          |
|                               | <b>2.544.090.588.890</b> | <b>4.732.647.905.520</b> |

|                                                                                                |                          |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn) | 1.035.820.858.849        | 1.058.768.964.321        |
| <b>Số phải trả sau 12 tháng</b>                                                                | <b>1.508.269.730.041</b> | <b>3.673.878.941.199</b> |

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

|                           | Năm nay VND            | Năm trước VND          |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm             | 103.437.517.291        | 41.572.332.229         |
| - Trích quỹ trong năm (*) | 71.305.673.759         | 72.825.537.606         |
| - Sử dụng quỹ             | (18.234.715.126)       | (10.960.352.544)       |
| <b>Số dư cuối năm</b>     | <b>156.508.475.924</b> | <b>103.437.517.291</b> |

(\*) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích trong năm với tỷ lệ không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Nghị quyết số 1196/NQ-PVCFC ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.

|                                               | Vốn góp của chủ sở hữu VND |               | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối / (Lỗ lũy kế) VND |                   | Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND | Tổng cộng VND |
|-----------------------------------------------|----------------------------|---------------|-----------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------|---------------|
|                                               | VND                        |               |                             |                           | VND                                                 |                   |                                     |               |
| Số dư đầu năm trước                           | 5.294.000.000.000          | -             | 161.063.726.429             | 368.288.538.698           | 26.890.811.016                                      | 5.850.243.076.143 |                                     |               |
| Tăng vốn trong năm                            | -                          | -             | -                           | -                         | -                                                   | -                 |                                     |               |
| Lợi nhuận trong năm                           | -                          | -             | -                           | 637.879.025.730           | 3.497.683.527                                       | 641.376.709.257   |                                     |               |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển                   | -                          | -             | 77.671.807.574              | (77.671.807.574)          | -                                                   | -                 |                                     |               |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi               | -                          | -             | -                           | (69.392.041.452)          | (1.007.784.827)                                     | (70.399.826.279)  |                                     |               |
| Chia cổ tức                                   | -                          | -             | -                           | (264.700.000.000)         | (2.997.936.000)                                     | (267.697.936.000) |                                     |               |
| Số dư đầu năm nay                             | 5.294.000.000.000          | -             | 238.735.534.003             | 594.403.715.402           | 26.382.773.716                                      | 6.153.522.023.121 |                                     |               |
| Tăng vốn trong năm                            | -                          | -             | -                           | -                         | -                                                   | -                 |                                     |               |
| Lợi nhuận trong năm                           | -                          | -             | -                           | 656.144.950.729           | 2.914.465.115                                       | 659.059.415.844   |                                     |               |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)               | -                          | -             | 78.997.726.742              | (78.997.726.742)          | -                                                   | -                 |                                     |               |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)           | -                          | -             | -                           | (66.549.652.140)          | (699.535.926)                                       | (67.249.188.066)  |                                     |               |
| Tăng vốn từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | -                          | 2.499.150.000 | -                           | (2.499.150.000)           | -                                                   | -                 |                                     |               |
| Chia cổ tức                                   | -                          | -             | -                           | (476.460.000.000)         | -                                                   | (476.460.000.000) |                                     |               |
| Tăng/(Giảm) khác                              | -                          | -             | 3.061                       | 26.291                    | (29.352)                                            | -                 |                                     |               |
| Số dư cuối năm nay                            | 5.294.000.000.000          | 2.499.150.000 | 317.733.263.806             | 626.042.163.540           | 28.597.673.553                                      | 6.268.872.250.899 |                                     |               |

(i) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển của Công ty mẹ và Công ty con theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty mẹ và Công ty con.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

## Cổ phiếu

|                                        | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|----------------------------------------|-----------------|----------------|
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng |                 |                |
| Cổ phiếu phổ thông                     | 529.400.000     | 529.400.000    |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        |                 |                |
| Cổ phiếu phổ thông                     | 529.400.000     | 529.400.000    |

## Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 5.294.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

|                           | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp VND % |        | Vốn đã góp Số cuối năm VND | Số đầu năm VND    |
|---------------------------|-------------------------------------------------|--------|----------------------------|-------------------|
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 4.000.230.570.000                               | 75,56% | 4.000.230.570.000          | 4.000.230.570.000 |
| Các cổ đông khác          | 1.293.769.430.000                               | 24,44% | 1.293.769.430.000          | 1.293.769.430.000 |
|                           | 5.294.000.000.000                               | 100%   | 5.294.000.000.000          | 5.294.000.000.000 |

## Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 1196/NQ-PVCFC ngày 12 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 với tỷ lệ 9% vốn điều lệ, tương đương số tiền là 476.460.000.000 VND. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức trong trong quý III năm 2018.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (Công ty con) đã thông qua việc trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện là 12%/cổ phiếu. Giá trị cổ phiếu đã phát hành theo mệnh giá là 4.897.450.000 VND, tương đương với 489.745 cổ phiếu. Cổ phiếu được chấp nhận niêm yết bổ sung theo Thông báo số 1046/TB-SGDHN ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

## Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại công ty con được xác định như sau:

|                                           | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-------------------------------------------|-----------------|----------------|
| Vốn điều lệ của công ty con               | 45.709.940.000  | 40.812.490.000 |
| Trong đó:                                 |                 |                |
| Vốn góp của Công ty mẹ                    | 23.325.400.000  | 20.826.250.000 |
| Vốn góp của cổ đông không kiểm soát       | 22.384.540.000  | 19.986.240.000 |
| Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 48,97%          | 48,97%         |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bằng tài sản thuần tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

|                                   | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng tài sản                      | 66.446.634.968        | 59.634.016.965        |
| Tổng nợ phải trả                  | (37.848.961.415)      | (33.251.243.249)      |
| <b>Tài sản thuần</b>              | <b>28.597.673.553</b> | <b>26.382.773.716</b> |
| Chi tiết như sau:                 |                       |                       |
| Vốn điều lệ                       | 22.384.540.000        | 19.986.240.000        |
| Các quỹ khác                      | 3.275.112.684         | 2.750.463.799         |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 2.938.020.869         | 3.646.069.917         |

### 23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

|                          | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------|-------------|------------|
| <b>Ngoại tệ các loại</b> |             |            |
| USD                      | 810.189     | 1.756.770  |
| EUR                      | 1.280       | 1.280      |

### 24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón và bao bì sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu trong năm 2018 và tài sản, công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của hoạt động sản xuất và kinh doanh bao bì của Công ty lần lượt là khoảng 15 tỷ VND và khoảng 62 tỷ VND, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và tổng tài sản của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 25 và số 26.

Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón chủ yếu ở các thị trường Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Trong năm, Công ty thực hiện xuất khẩu sản phẩm Đạm Cà Mau sang thị trường Campuchia với doanh thu khoảng 746 tỷ VND (doanh thu xuất khẩu trong năm 2017 là khoảng 610 tỷ VND) - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Do vậy, hầu như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

MẪU SỐ B 03-DN/HN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

### 25. DOANH THU

|                                                                                                       | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                                                    |                          |                          |
| Doanh thu thành phẩm Urê                                                                              | 5.259.967.190.212        | 4.999.047.570.773        |
| - Bán trong nước                                                                                      | 4.554.461.379.900        | 4.388.871.445.500        |
| - Xuất khẩu                                                                                           | 705.505.810.312          | 610.176.125.273          |
| Doanh thu thành phẩm Amoniac                                                                          | 21.246.057.354           | 110.293.496.898          |
| Doanh thu bán hàng hóa phân bón                                                                       | 1.317.283.816.206        | 614.294.425.537          |
| - Bán trong nước                                                                                      | 1.277.110.933.504        | 614.294.425.537          |
| - Xuất khẩu                                                                                           | 40.172.882.702           | -                        |
| Doanh thu bán phế phẩm và các thành phẩm khác                                                         | 227.619.718.615          | 107.961.593.000          |
| Doanh thu dịch vụ                                                                                     | 1.217.000.318            | 1.376.242.600            |
|                                                                                                       | <b>6.827.333.782.705</b> | <b>5.832.973.328.808</b> |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                                                                   |                          |                          |
| Chiết khấu thương mại                                                                                 | 137.789.605.929          | 81.433.529.150           |
| Hàng bán bị trả lại                                                                                   | 215.640.000              | 3.784.830.000            |
|                                                                                                       | <b>138.005.245.929</b>   | <b>85.218.359.150</b>    |
| <b>Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 36) | <b>53.401.027.500</b>    | <b>1.445.466.159</b>     |

### 26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

|                                            | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND         |
|--------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn thành phẩm Urê                     | 3.909.890.394.148        | 3.728.052.146.680        |
| Giá vốn thành phẩm Amoniac                 | 11.002.092.945           | 64.396.640.284           |
| Giá vốn bán hàng hóa phân bón              | 1.244.292.429.062        | 553.475.182.563          |
| (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | -                        | (1.505.064.148)          |
| Giá vốn các thành phẩm khác                | 87.085.578.075           | 22.033.613.709           |
|                                            | <b>5.252.270.494.230</b> | <b>4.366.452.519.088</b> |

### 27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|                                  | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND         |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 2.504.001.915.313        | 2.066.733.718.432        |
| Chi phí nhân công                | 401.843.143.050          | 374.461.962.030          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.303.375.630.640        | 1.309.000.550.484        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 414.423.936.736          | 402.847.162.476          |
| Chi phí khác bằng tiền           | 412.571.016.352          | 322.764.390.689          |
|                                  | <b>5.036.215.642.091</b> | <b>4.475.807.784.111</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

### 28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                       | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Lãi tiền gửi          | 158.476.347.608        | 156.693.296.475        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 17.676.667.841         | 12.069.440.213         |
|                       | <b>176.153.015.449</b> | <b>168.762.736.688</b> |

### 29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                        | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|------------------------|------------------------|------------------------|
| Lãi tiền vay           | 142.052.771.852        | 182.986.530.390        |
| Chiết khấu thanh toán  | 4.329.797.100          | -                      |
| Phí bảo lãnh           | 8.781.530.194          | 12.413.685.633         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá   | 104.835.499.259        | 7.374.742.535          |
| Chi phí tài chính khác | 130.555.139            | 113.825.000            |
|                        | <b>260.130.153.544</b> | <b>202.888.783.558</b> |

### 30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý                                  | 83.461.121.186         | 82.530.006.594         |
| Phí quản lý phải nộp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam             | 29.363.474.409         | 28.435.849.993         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                           | 22.681.887.584         | 28.611.435.573         |
| Trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ                 | 71.305.673.759         | 72.825.537.606         |
| Lợi thế kinh doanh                                         | 1.749.518.176          | 46.513.175.754         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                  | 46.059.158.462         | 31.674.756.114         |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác                | 65.482.529.536         | 46.760.107.324         |
|                                                            | <b>320.103.363.112</b> | <b>337.350.868.958</b> |
| Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm             |                        |                        |
| Chi phí nhân viên bán hàng                                 | 25.773.799.195         | 25.097.520.045         |
| Chi phí vận chuyển, bốc xếp lưu kho                        | 106.909.543.684        | 157.177.036.813        |
| Chi phí quảng cáo, truyền thông                            | 91.569.125.102         | 265.246.584            |
| Chi phí an sinh xã hội                                     | 17.140.538.322         | 76.718.217.151         |
| Chi phí bán hàng tự doanh                                  | 39.118.263.410         | 30.950.546.500         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                           | 960.201.553            | 728.835.323            |
| Các khoản chi phí bán hàng khác                            | 54.643.224.307         | 42.662.902.869         |
|                                                            | <b>336.114.695.573</b> | <b>333.600.305.285</b> |

MẪU SỐ B 03-DN/HN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

### 31. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

|                                               | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND     |
|-----------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| <b>Thu nhập khác</b>                          |                       |                      |
| Các khoản bồi thường và tiền thưởng nhận được | 5.000.561.384         | 542.344.208          |
| Thanh lý công cụ, dụng cụ cũ hỏng             | 4.120.554.545         | -                    |
| Bảo hiểm phúc lợi trả sau                     | 2.048.929.397         | -                    |
| Phạt vi phạm hợp đồng                         | 1.530.731.702         | 1.183.948.236        |
| Thu nhập khác                                 | 1.553.136.485         | 1.456.104.279        |
|                                               | <b>14.253.913.513</b> | <b>3.182.396.723</b> |
| <b>Chi phí khác</b>                           |                       |                      |
| Các khoản phạt thuế                           | 3.402.830.534         | -                    |
| Tiền thưởng xử lý hàng bán phải trả           | 1.329.222.398         | -                    |
| Chi phí khác                                  | 186.063.571           | 82.492.494           |
|                                               | <b>4.918.116.503</b>  | <b>82.492.494</b>    |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                         | <b>9.335.797.010</b>  | <b>3.099.904.229</b> |

### 32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

|                                                                                                             | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>                                                         |                       |                       |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành                               | 41.907.859.243        | 40.882.128.966        |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 3.813.237.547         | -                     |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>                                                    | <b>45.721.096.790</b> | <b>40.882.128.966</b> |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành của các hoạt động của Công ty như sau:

|                                                                                      | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất đạm (*)                                          | 34.058.195.105        | 35.402.843.618        |
| Thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất bao bì (**)                                      | 1.656.471.717         | 1.439.584.609         |
| Thuế thu nhập từ hoạt động khác                                                      | 6.193.192.421         | 4.039.700.739         |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b> | <b>41.907.859.243</b> | <b>40.882.128.966</b> |

(\*) Theo Công văn số 4641/TCT-CS của Tổng Cục thuế ngày 02 tháng 12 năm 2008 gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trả lời về việc ưu đãi thuế đối với Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau, Công ty mẹ được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ ba Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (Công ty mẹ) được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính phát sinh từ Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau.

Đối với hoạt động kinh doanh khác ngoài Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau, Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác.

(\*\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (Công ty con - PPC) được áp dụng như sau:

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì: Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013 và các quy định hiện hành, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 20% trong thời hạn 10 năm và từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thuế suất ưu đãi là 17%; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2018, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi là 17%.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón: Theo Công văn số 380/CT-TTHT ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Cục Thuế tỉnh Bạc Liêu, dự án Nhà máy sản xuất phân bón Dầu khí Bạc Liêu được xác định là dự án đầu tư mới. Do đó, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 17% trong thời hạn 10 năm; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

### 33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

|                                                                              | Năm nay                | Năm trước              |
|------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)</b> | <b>656.144.950.729</b> | <b>637.879.025.730</b> |
| - Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (VND)                                      | (66.549.652.140)       | (69.392.041.452)       |
| <b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b> | <b>589.595.298.589</b> | <b>568.486.984.278</b> |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm                         | 529.400.000            | 529.400.000            |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>                                        | <b>1.114</b>           | <b>1.074</b>           |

### 34. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Biên bản làm việc ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa Thanh tra Bộ Tài chính, Cục thuế Tỉnh Cà Mau và Công ty, khoản lãi tiền vay đã trả cho các Ngân hàng BNP Paribas, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc và Ngân hàng Credit Agricole theo Hợp đồng vay vốn tín dụng ECA thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, nhưng thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu nước ngoài. Theo đó, Công ty đã trả hộ các ngân hàng khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu nước ngoài phát sinh từ lãi tiền vay đã trả cho các ngân hàng lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 37.443.340.008 VND. Công ty đã nộp khoản thuế nhà thầu này trong năm 2018.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Tuy nhiên, Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vẫn đang tiếp tục làm việc với Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính và các ngân hàng cho vay nêu trên để xác định nghĩa vụ của các bên liên quan đối với khoản thuế nhà thầu này. Do đó, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục liên quan cũng chưa ghi nhận khoản tiền phạt chậm nộp có thể phát sinh trên báo cáo tài chính hợp nhất do chưa có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

### 35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

- Theo Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23 tháng 5 năm 2012 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau (nay là Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau), Công ty sẽ mua khí thiên nhiên của Lô PM3 CAA và Lô 46 - Cái Nước từ Tập đoàn trong vòng 20 năm kể từ ngày vận hành chính thức, với sản lượng 457,38 triệu m3 khí tiêu chuẩn mỗi năm.
- Theo Phụ lục Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23 tháng 5 năm 2012, mức giá khí hợp đồng là giá khí (chưa bao gồm thuế VAT và các loại thuế gián thu khác) để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh phân bón của Công ty với mức tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân 12%/năm. Giá khí hợp đồng tạm tính để phát hành hóa đơn và thực hiện thanh toán hàng tháng trong năm là giá khí tại văn bản phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành.
- Theo Nghị quyết số 8305/NQ-DKVN ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn") về việc chấp thuận kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty, mức giá khí tạm tính Công ty phải trả Tập đoàn cho năm 2018 là 1,34 USD/GJ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã tạm điều chỉnh mức giá khí phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4,049 USD/Tr.BTU, tương đương 3,838 USD/GJ (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng) và phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh phân bón của Công ty với mức tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân là 12%/năm.
- Theo Quyết định số 615/QĐ-PVCFC ngày 24 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi "Dự án Sản xuất phân bón phức hợp từ Urea nóng chảy" có công suất 300.000 tấn/năm với tổng mức đầu tư đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 879.588.574.880 VND. Thời gian thực hiện dự kiến của Dự án là 33 tháng với cơ cấu nguồn vốn đầu tư gồm 70% vốn vay và 30% vốn chủ sở hữu của Công ty. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị đã thực hiện của Dự án là khoảng 282 tỷ VND.
- Theo Quyết định số 1781/QĐ-PVCFC ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi cho Dự án "Cảng nhập nguyên liệu công suất 500.000 tấn/năm của Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau" và Quyết định số 2376/QĐ-PVCFC ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Tổng Giám đốc Công ty về việc phê duyệt thiết kế thi công – dự toán xây dựng công trình "Cảng nhập nguyên liệu công suất 500.000 tấn/năm của Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau", tổng mức đầu tư của dự án đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 117.944.069.265 VND. Thời gian thực hiện dự kiến của Dự án là từ năm 2016 đến năm 2019 với cơ cấu nguồn vốn đầu tư gồm 70% vốn vay và 30% vốn chủ sở hữu của Công ty. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị đã thực hiện của Dự án là khoảng 38 tỷ VND.

### 36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

**Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:**

#### Bên liên quan

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

#### Mối quan hệ

Công ty mẹ

Các đơn vị cùng chủ sở hữu

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

|                                                                                         | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Bán hàng</b>                                                                         |                          |                          |
| Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống bể chứa Dầu khí                                       | 53.400.000.000           | -                        |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu                                                | 1.027.500                | -                        |
| Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ                                 | -                        | 1.445.466.159            |
|                                                                                         | <b>53.401.027.500</b>    | <b>1.445.466.159</b>     |
| <b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>                                                            |                          |                          |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                                                               | 1.732.026.871.945        | 1.332.877.974.868        |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam                                                  | 294.714.272.297          | 236.636.445.862          |
| Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam                                                           | 66.340.172.091           | 50.409.244.621           |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Thuật Khoan Dầu Khí PVD                        | 50.826.009.576           | -                        |
| Viện Dầu khí Việt Nam                                                                   | 16.204.226.043           | 11.316.760.878           |
| Trường Cao Đẳng Nghề Dầu khí                                                            | 15.004.420.866           | 10.158.497.601           |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam                                 | 12.789.406.240           | 13.020.961.132           |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn                                                | 10.620.540.620           | -                        |
| Tổng Công ty Bảo hiểm PVI - Chi nhánh Cà Mau                                            | 9.262.462.198            | 6.783.796.315            |
| Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống bể chứa Dầu khí                                       | 7.103.734.330            | 6.877.491.844            |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu                                                | 5.776.476.560            | 9.653.452.000            |
| Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công Trình Dầu khí                                | 4.418.856.112            | -                        |
| Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh                                              | 3.839.848.068            | -                        |
| Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ                                | 2.645.099.397            | 2.050.443.973            |
| Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ                                 | 2.145.497.437            | 1.647.302.207            |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông                                                         | 1.530.500.000            | 7.167.018.450            |
| Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần                      | 1.490.353.700            | 4.507.835.368            |
| Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam                            | 1.044.235.140            | -                        |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương                                              | 2.385.224.100            | 712.406.157              |
| Chi nhánh Tổng Công ty Phân Bón Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ | 543.462.000              | -                        |
| Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD                                                    | 380.000.000              | -                        |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí                                                     | 220.000.000              | -                        |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông                                               | 96.829.240               | -                        |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu                                               | 57.355.000               | -                        |
| Công ty Bảo hiểm PVI Sài Gòn                                                            | 7.797.337                | -                        |
| Công ty Cổ Phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí                                               | -                        | 2.114.751.900            |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí                                        | -                        | 1.839.674.049            |
| Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí                                     | -                        | 1.445.466.159            |
| Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro                                                        | -                        | 97.500.000               |
|                                                                                         | <b>2.241.473.650.297</b> | <b>1.699.317.023.384</b> |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                                                               | 360.020.751.300          | 200.011.528.500          |
|                                                                                         | <b>360.020.751.300</b>   | <b>200.011.528.500</b>   |
| <b>Cổ tức đã trả</b>                                                                    |                          |                          |

MẪU SỐ B 03-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

|                                                                                         | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn khác</b>                                                           |                        |                        |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                                                               | 276.761.701.091        | 276.761.701.091        |
|                                                                                         | <b>276.761.701.091</b> | <b>276.761.701.091</b> |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>                                                 |                        |                        |
| Viện Dầu khí Việt Nam                                                                   | 1.089.288.913          | 114.809.750            |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD                        | -                      | 15.120.373.378         |
| Trường Cao đẳng nghề Dầu khí                                                            | -                      | 1.737.289.058          |
| Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống bể chứa Dầu khí                                       | -                      | 946.853.379            |
|                                                                                         | <b>1.089.288.913</b>   | <b>17.919.325.565</b>  |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>                                                      |                        |                        |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                                                               | 341.388.689.557        | 198.267.385.610        |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam                                                  | 41.414.975.677         | 33.178.356.253         |
| Viện Dầu khí Việt Nam                                                                   | 9.928.836.163          | 2.744.211.101          |
| Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí                                                            | 9.064.071.456          | 7.876.619.308          |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam                                 | 3.178.989.510          | 1.178.774.401          |
| Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công Trình Dầu khí                                | 2.176.257.098          | -                      |
| Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ                                | 1.060.901.868          | 378.690.620            |
| Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần                      | 1.001.677.490          | 3.912.212.871          |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu                                                | 947.789.340            | 448.935.340            |
| Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống bể chứa Dầu khí                                       | 620.060.760            | -                      |
| Chi nhánh Tổng Công ty Phân Bón Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ | 543.462.000            | -                      |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn                                                | 453.661.830            | 441.005.840            |
| Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam                            | 418.756.000            | -                      |
| Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ                                 | 345.700.393            | 525.349.414            |
| Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh                                              | 327.746.189            | -                      |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông                                                         | 159.500.000            | -                      |
| Tổng Công ty Bảo hiểm PVI - Chi nhánh Cà Mau                                            | 48.815.572             | -                      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương                                              | 527.829.500            | -                      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí                                        | -                      | 964.143.000            |
| Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí                                     | -                      | 440.468.222            |
| Công ty Cổ Phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long - Chi nhánh Côn Sơn                  | -                      | 223.121.800            |
| Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro                                                        | -                      | 97.500.000             |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí                                               | -                      | 75.485.181             |
|                                                                                         | <b>413.607.720.403</b> | <b>250.752.258.961</b> |



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

|                                           | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|-------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>          |                        |                        |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                 | 576.626.418.057        | 479.181.172.915        |
|                                           | <b>576.626.418.057</b> | <b>479.181.172.915</b> |
| <b>Phải trả ngắn hạn khác</b>             |                        |                        |
| Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau | 55.851.413.429         | 55.851.413.429         |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                 | 152.884.237.958        | 152.890.357.958        |
|                                           | <b>208.735.651.387</b> | <b>208.741.771.387</b> |

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

|                                                     | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|-----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc | 16.737.532.987        | 17.112.987.152        |
|                                                     | <b>16.737.532.987</b> | <b>17.112.987.152</b> |







**Đinh Nhật Dương**

Người lập biểu

**Đinh Như Cường**

Kế toán trưởng

**Lê Ngọc Minh Trí**

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

ĐC: Lô D, Khu CN Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau  
ĐT: 0290. 381 9000 - FAX: 0290. 359 0501  
[www.pvcfc.com.vn](http://www.pvcfc.com.vn)



[www.fb.com/phanbondamcamau](https://www.facebook.com/phanbondamcamau)